

I THÁNG I NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười hai

NGUYỄN NHƯ *uy quyền quốc gia* * ĐOÀN THÈM
đọc «9 năm thành-tích» * NGUYỄN HIẾN LÊ *«Chiến
tranh và hòa bình» kiệt tác của Tolstôï* * VÕ QUANG
YẾN *Nobel khoa học năm 1968* * VŨ BẢO *thăm trạng
nhược tiêu: Vụ Biafra* * LÊ THANH HỒ *trước và sau
cuộc bầu cử Tổng-tài đảng Tự dân Nhật* * THẾ NHÂN
*điều hòa sinh sản hay kế-hoạch-hóa gia đình tại nước
ngoài* * LÊ PHƯƠNG CHI *nhân đoàn văn nghệ
Việt nam xuất ngoại trình diễn, phỏng vấn đề ghi lại
kinh nghiệm một chuyến đi* * TRẦN HOÀI THƯ *con
giông* * TRÙNG DƯƠNG
một buổi đi thăm đề *
TỪ TRÌ *thời sự thế giới.*

288

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 277 ĐẾN 288





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe* : — L-LYSINE
— VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
— PANTOTHENATE DE CALCIUM
— GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6^e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA** - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H
K H O A T H Ò I - Đ A I
Số 288 ngày 1 - 1 - 1969

NGUYỄN NHƯ <i>uy-quyền quốc-gia</i>	5
ĐOÀN THÊM <i>đọc «9 năm thành tích»</i>	11
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>«chiến-tranh và hòa-bình» kiệt tác của Tolstoi</i>	23
VÕ QUANG YẾN <i>Nobel khoa học năm 1968</i>	28
VŨ BẢO <i>bao vây cho thường dân chết đói có thể coi là một khí-giới chiến-tranh không? Vụ Biafra.</i>	35
LÊ THANH HỒ <i>trước và sau cuộc bầu cử Tổng-tài đảng Tự dân Nhật.</i>	41
TRẦN HOÀI THƯ <i>cơn giông (truyện ngắn)</i>	45
TRÙNG DƯƠNG <i>một buổi đi thăm đê (hồi ký)</i>	50
THẾ NHÂN <i>điều hòa sinh sản hay kế-hoạch-hóa gia đình tại nước ngoài</i>	54
TỪ TRÍ <i>thời sự thế giới</i>	61
LÊ PHƯƠNG CHI <i>nhân đoàn văn nghệ Việt-nam xuất ngoại trình diễn, phỏng vấn Phạm Duy, Năm Châu, Nguyễn Tấn Tào đề ghi lại kinh nghiệm một chuyến đi</i>	65

M U C - L U C B O - M O N T U R S O 277 ĐẾN SỐ 288

Chủ nhiệm : **LÊ-NGỘ-CHÂU**
Tòa soạn :
60, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in **TƯƠNG-LAI**
133, Võ-Tánh Saigon
GIÁ : **30 \$** Công sở Giá gấp đôi :
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

SÁCH MỚI

50 mươi năm triết-lý khoa học Liên-xô của Lê Thành Trị do Quần Chúng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 178 trang, gồm những phần : Đại cương Triết-học Liên-sô từ năm 1931 ; Lịch sử ; Tư tưởng Triết học của Staline ; Những vấn đề Triết học ở Liên-xô. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 180đ.

— **Nền Nhận-thức nhân chủ tài triển** của Lý-Đại-Nguyên do Nhân-Chủ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 134 trang gồm các phần : Khởi đề ; Nhận thức khai triển ; Vũ trụ sinh triển ; Nhan thể toàn triển ; Nhân sinh hợp triển ; Nhân văn thăng triển và Kết đề. Giá 120đ.

— **Phương lược chiến tranh chính-trị của Vũ Tiến Phúc** do Khởi Hành xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 166 trang gồm nhiều bài từ : « Định nghĩa chữ chính trị » đến « Những truyền thống của chính trị V.N. » và « Thời chiến và thời bình ». Tựa của Lam Giang, Bạt của Trần Việt Sơn. Giá 90đ.

— Ngày đó chúng mình yêu nhau Tuyền tập 14 bài hát tình yêu của Phạm Duy do An-Tiêm xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách khổ 21x21 trình bày rất mỹ thuật, hình bìa Phạm Duy và Thát Thanh do Trần Cao Linh chụp. Bản đặc biệt. Giá bán thường 100đ.

oOo

Tạp chí Bách-khoa trân trọng cảm ơn

nhà xuất bản đã Hoa-Tiên, gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

• **Truyện hay và danh phẩm tiền chiến**

— **O chuột** của Tô Hoài. Sách dày 152 trang. Giá 70đ.

— **Kòn Trô** của Lý Văn Sâm. Sách dày 168 trang, giá 80 đ

— **Tơ vương** của Nguyễn Công Hoan. Sách dày 228 trang, giá 100 đ

— **Trường ca** của Xuân Diệu-Sá h dày 118 trang, Giá 90 đ.

Tiếng thu tập thơ của Lưu-Trọng-Lưu dày 84 trang gồm trên 50 bài thơ trình bày trang nhã.

• **Truyện hay « hương xa »**

— **Bên bờ cỏ đơn** do Thiên Lý phóng tác theo truyện Crusoe of lonesome lake của Leland Stowe. Sách dày 95 trang. Giá 40 đ.

• **Sách xanh mọc thẳng** (34 trang, giá 10 đ,

— **Ngoại ô Saigon** của Đoàn Nghi

— **Ông hoàng khi** của Lê công Thành

— **Con sáo trắng** của Thy-Hạc

— **Người bạn giang hồ** của Vương-Thanh

— **Rừng thẳm** của Nguyễn-Ngọc

— **Quả nhân sâm** của Liên Dương

— **Kho vàng trong núi** của Việt Bình

— **Đao phủ** của Nguyễn-văn-Nhàn

— **trên biển cát** của Lê chung Vịnh

BÁCH KHOA SỐ 289 KỶ NIỆM 12 NĂM ra ngày 15-1-1969
t. h bày những vấn đề chính trị, kinh tế, văn học, triết học, xã hội...
quan trọng trong năm qua, ở trong nước và trên thế giới, cùng những
sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút mà bạn đọc ưa thích nhất.

BÁCH KHOA SỐ 290-291 SỐ TẾT KỶ DẬU sẽ ra tiếp theo vào
ngày 1-2-1969.

UY - QUYỀN QUỐC - GIA

Trong mấy năm gần đây, chánh phủ thường nêu lên vấn đề tái lập uy quyền quốc gia và coi đó là một trọng tâm công tác. Khi nói đến một chánh phủ mạnh, dĩ nhiên người ta nghĩ đến một chánh phủ khả dĩ đòi hỏi ở mọi người sự nhận thức và tôn trọng uy quyền quốc gia.

Tôn trọng uy quyền quốc gia là tuân theo pháp luật, hành động trong phạm vi luật lệ cho phép. Trong bất cứ quốc gia nào cũng có những người vi phạm luật lệ, do đó mới có tòa án để phân xử. Nhưng khi sự vi phạm lên đến một mức độ nào đó, uy quyền quốc-gia bị thương tổn. Đây là tình trạng xã hội Việt Nam ngày nay. Khắp nơi và luôn luôn đầy rẫy những hành-vi vi-phạm luật lệ. Như vậy còn nói sao được thượng tôn pháp luật và tôn trọng uy quyền quốc gia ?

Rác rưởi mạnh ai nấy đổ ra đường. Tại một vài khu phố, hàng chục gia đình ngang nhiên câu điện, chẳng trả tiền cho ai. Tư hữu bị xâm phạm; đất trống tư nhân, nếu không có hàng rào kiên cố và người canh giữ thường xuyên thì không khác gì của vô thừa nhận, mạnh ai nấy chiếm. Công sản không được tôn trọng. Nhà làm trên lòng sông hay trên phần đất dành cho công lộ phải kê hàng chục ngàn Vía hè thường xuyên bị chiếm cứ làm kho hàng, làm xưởng ráp xe, sửa xe, làm cửa tiệm. Những

vụ ám sát, những hành vi côn đồ, những vụ cướp của có cả thương hay không, những vụ dụ dỗ hay cưỡng bức gái-vị thành niên làm nghề mãi dâm ngày nào cũng xảy ra. Giấy tờ giả mạo các loại, buôn lậu, chợ đen, mạo hóa, ít người không dính liu đến. Nạn hối-lộ hoành hành trong mọi lãnh vực, mặc dầu cả chánh quyền lẫn dân chúng đều thù ghét và muốn tiêu diệt nó.

Nếu cứ đi theo đà này, xã hội ta sẽ trở thành một xã hội vô luật pháp. Và một xã hội vô luật pháp sẽ tự nhiên tan rã để nhường chỗ cho một chế độ độc tài, độc đoán.

Tại sao pháp luật, luật lệ không được tôn trọng trên một bình diện khủng khiếp như thế ? Lý do rất là phức tạp.

Trước hết phải nói đến hoàn cảnh xã-hội. Chánh quyền không kiểm soát trọn vẹn lãnh thổ để có thể áp dụng luật pháp khắp nơi. Kẻ phạm pháp có sẵn nơi lẩn trốn yên thân. Trước khi gia nhập Lương-sơn-bạc, các "hào hán" tùy trường hợp, đã phạm tội giết người, vượt ngục, đạo thiết. Triều đình nhà Tống không kiểm soát được vùng này thì làm sao có thể tróc nã những kẻ phạm pháp để bắt họ ra trả lời trước pháp luật ?

Sự hiện diện của một số đông ngoại kiều được hưởng quy chế đặc biệt, song song với sự kiểm soát xuất nhập thiếu sót cũng là một yếu tố khiến cho luật

pháp bị vi phạm. Trong số ngoại kiều có những phần tử bất lương, lưu manh. Họ cần có đồng lõa bản xứ mới làm bậy trót lọt được.

Đời sống bất trắc do chiến tranh kéo dài đã làm sút giảm ý thức đạo đức. Đạo đức đã được định nghĩa là một cố gắng liên tục làm việc thiện. Khốn nỗi sanh mạng luôn luôn bị đe dọa bởi hỏa tiễn, bom đạn, tai nạn lưu thông... Chính chuyên chết cũng ra ma, thôi thì tặc lưỡi cho đỡ mệt! Tử thần hình như bịt mắt, gặp ai là vồ. Cần phải có nhiều nghị lực mới có thể kiên trì giữ vững đạo đức được. Mà số người mềm yếu, dễ bị cám dỗ, bất cứ thời nào cũng nhiều hơn số người có nghị lực.

Những xáo trộn chánh trị quá nhiều đã tạo ra tâm lý nhòe với pháp luật. Quan tâm chế độ tân. Áp dụng luật pháp một cách nghiêm chỉnh trong tinh thần dân chủ chân chính là một việc khó. Ban hành những biện pháp mị dân lại quá dễ dàng, thường được những người mới lên nắm chính quyền sử dụng để củng cố địa vị. Hành vi phạm pháp dưới trào này có nhiều hy vọng được trào tới điều chỉnh. Những kẻ cả gan xây cất trên đất của tư nhân hay trên công sản dù cho có bị án lệnh trục xuất, thường khi sau những vụ kiện kéo dài, vẫn còn được hưởng một hay nhiều ân hạn. Khi cho phép bán và đốt pháo thì đương nhiên người ta làm ngơ những vấn đề như giấy phép thiết lập xưởng làm pháo, nguồn gốc nguyên liệu dùng để sản xuất pháo.

Khía cạnh sau hết của hoàn cảnh xã hội tạo nên hiện tượng không tôn trọng pháp luật là nạn tham nhũng hối lộ. Tục

ngữ đã nói : « đa kim ngân phá lẽ luật ». Tham nhũng hoành hành trong mọi lãnh vực, trong mọi cấp bậc. Thậm chí những người cương quyết bài trừ cũng phải chùn bước. Rút giây động rùng. Bắt hết những kẻ tham nhũng thì lấy đâu cho đủ nhà giam, lấy đâu cho đủ nhơn viên điều tra và xét xử ? Pháp luật đã có lý khi dự liệu trừng phạt kẻ đưa hối lộ vì chính họ cũng thủ lợi. Phải nói rằng có nhiều trường hợp thề thức hành chánh rườm rà, đi lên đi xuống mất quá nhiều thì giờ cho nên đương sự chèn lá chút đỉnh để công việc được mau lẹ, chớ không hề có ý vi phạm luật lệ chi phối công việc của họ. Khi có việc cần, chúng ta gọi điện tín hay gấn thêm tem để gửi thư tốc hành, tức là chúng ta phải chịu sở phí cao hơn là gửi một thư thường. Thiết tưởng mở rộng thêm phạm vi những dịch vụ mau lẹ với điều kiện người thụ hưởng trả sở phí hoặc sở phí cao hơn thì vừa đỡ được phần nào nạn hối lộ, vừa có lợi cho công quỹ.

Bồn phận con người là phải sinh hoạt theo đạo lý, bồn phận công dân là tuân theo pháp luật. Vi phạm luật lệ phát nguyên từ con người, tuy có những trường hợp giảm khinh. Không tôn trọng pháp luật thì làm sao duy trì trật tự trong xã-hội được.

Khốn thay ý thức đạo đức, tinh thần công dân đã không còn sắc bén nữa. Thái độ buông lơi, tâm lý thủ lợi bằng bất cứ cách nào đã lan tràn.

Nghĩa vụ công dân là phải khai báo lợi tức, đem tiền nộp thuế sau khi nhận được giấy báo của cơ quan thuế

vụ chó đâu phải đợi đến lúc có lệnh đốc thúc hay bị truy tố? Rác trong nhà mình hôi thối, chính mình không chịu nổi, sao lại đem đồ bừa ra trước mặt nhà hàng xóm hay ra công lộ để người khác phải khó chịu? Mình có muốn và có chịu cho người khác xâm phạm tư hữu của mình không? Vậy sao lại đi chiếm đất của người khác? Mình đi ra đường có khó chịu khi thấy công lộ bị cản trở không? Vậy sao lại chiếm hữu vỉa hè làm như của riêng?

Trong một xã hội có trật tự và dân chủ, không một người nào, dù trong tay có quyền hành rất rộng, được phép tự mình phân xử những vụ tranh chấp giữa chính mình và người khác. Hành động ngược lại nguyên tắc này là phạm pháp, là tự đặt mình vào hàng ngũ côn đồ.

Đề khởi bất công, ta phải nhận định rằng trong số những người không tôn trọng luật lệ, có một số đã chứng tỏ thiên chí hành động đúng mức nhưng vấp phải quá nhiều trở ngại, khó khăn, đành cam chịu ở trong tình trạng trái phép. Như trước đây, mỗi lần kiểm soát sổ gia đình, cảnh sát tìm thấy hàng chục người cư ngụ trái phép. Không phải toàn thể những người này đều là phần tử bất hảo. Họ có nghề nghiệp, làm ăn lương thiện, nhưng vì một lý do nào đó, không thể xin được giấy tờ từ nơi cư ngụ trước để xin ghi tên vào sổ gia đình nơi họ sinh sống hiện thời. Trong những ngày đầu thi hành việc đăng bộ xe gắn máy, sự chen lấn và chầu chực tại một vài địa điểm thực là gian khổ. Việc đăng bộ đòi hỏi phải đi lại tới ba bốn lần. Cho rằng lần nào tới nơi cũng gặp hên và được việc thì mất ba buổi, nghĩa là

phải nghỉ việc ba lần nơi sở làm. Do đó một số chủ nhân xe gắn máy đành phải « chịu thua », không nghĩ tới việc đăng bộ nữa, mặc cho tới khi bị chặn bắt, bấy giờ biết đâu chẳng được hưởng một biện pháp mau lẹ và đỡ phiền toái hơn!

Quy trách nhiệm vào hoàn cảnh xã hội và sự buông lơi ở nơi con người chưa đủ giải thích hiện tượng bất chấp pháp luật trên một bình diện rộng hơn hiện nay. Thành thực mà nói, chánh quyền phải chịu phần trách nhiệm lớn nhất, vì chánh quyền, hiểu theo nghĩa rộng, đặt ra luật lệ, có thẩm quyền sửa đổi luật lệ và nhơn viên của chánh quyền chấp hành luật lệ.

Luật lệ là một lãnh vực phức tạp. Xã hội càng nhiều hoạt động thì luật lệ càng nhiều. Luật lệ chỉ có thể quy định những hoạt động sẵn có hay manh nha chớ không thể quy định những hoạt động còn trong vòng tưởng tượng. Nó, một cách khác, luật lệ phải thực tế, phải phù hợp với trình độ tiến hóa của xã hội, bằng không sẽ chỉ là hư văn đầy người công dân vào chỗ vi phạm. Nhiều luật lệ của ta là di sản của thời ngoại bang thống trị. Ngay đến những luật lệ ban hành trước đây, hoàn toàn ngoài mục đích kìm hãm người bản xứ, cũng cần được thích ứng vì xã hội ta đã tiến một bước dài. Người dân hay quên rằng một luật lệ chưa được bãi bỏ vẫn còn hiệu lực. Trái lại người dân thường hay nại rằng luật này đã do thực dân, lệ kia đã do phong kiến ban hành để chứng minh sự vi phạm và chê trách người chấp hành là hủ lậu!

Vì luật lệ rất phức tạp, chánh quyền

cần phải tránh những mâu thuẫn giữa các luật lệ hiện hành. Mới đây, một nhật báo đã nêu lên quan điểm dị đồng của Bộ Tài-chánh và Bộ Giao-thông Công chánh trong khi đối tượng duy nhất là xe gắn máy. Tất nhiên có một bên trái và đã trái thì mất uy tín.

Người đặt ra luật lệ không nên quên rằng đòi hỏi của sự sống hàng ngày có khi cấp bách mạnh mẽ hơn ý chí tôn trọng pháp luật. Cách đây mấy tháng, báo chí đã đăng tải thảm cảnh gia đình một cảnh sát viên đã hạ sát bà và hai em rồi tự sát vì quá túng thiếu. Anh ta có thể sách sủng đi ăn cướp như một vài đồng sự bất lương của anh ta đã làm. Nhưng anh ta đã chọn cái chết. Ngày xưa người ta tuyên dương và tưởng thưởng những người đã hy sinh mạng sống để bảo vệ danh tiết. Nhưng có ai được huy chương, bằng sắc vì trọn đời đã tôn trọng pháp luật không ?

Đồng ý có những mục luật lệ cấm là cấm, không thể nhân nhượng mảy may vì sẽ phạm thuần phong mỹ tục, vì sẽ làm rối loạn trật tự công cộng. Nhưng nếu có thể được, luật lệ nên dành cho người dân lối thoát vinh dự. Pháp luật chỉ nên đề ra những khuôn khổ, những quy tắc vừa sức người có ý thức đạo đức và tinh thần công dân trung bình. Tác giả được nghe câu chuyện như sau. Một chủ phố xin phép sửa nhà để đặt cầu tiêu máy. Đơn bị bác vì không hội đủ điều kiện. Có người vẽ kế cho đương sự đến nhờ lối xóm đi thưa rằng nhà đương sự không đủ điều kiện vệ sinh, làm hại những gia đình lân cận. Nhà chức trách nhận được đơn khiếu nại bèn đòi đương sự đến truyền cho phải đặt cầu tiêu cho hợp vệ sinh. Dĩ nhiên đương

sự riu riu tuân theo. Và khi về còn cảm ơn lối xóm đã thừa kiện mình.

Trước khi ban hành luật lệ, chánh quyền cần quan niệm thực thấu đáo vấn đề, đặt rõ mục đích để xem có mấy phần hy vọng đạt được, cân nhắc xem kết quả có tương xứng với sự vận dụng bộ máy hành chánh và những sự phiền toái đòi hỏi ở người công dân hay không. Vì có những hư-vấn-đề. Cố công giải quyết một hư-vấn-đề là làm một việc vô ích. Khi vấn đề đã được đặt đúng, cần nghiên cứu mọi khía cạnh để tránh những tu chính cần thiết ngay sau khi biện pháp được ban hành. Vì những tu chính này gây sự hoài nghi trong dân chúng, làm giảm sự sốt sắng tuân theo. Việc thi hành phải được phân tách kỹ lưỡng để có thể ấn định thời hạn thích hợp, tránh sự gia hạn và tái gia hạn. Những sự gia hạn và tái gia hạn chỉ làm giảm tinh thần kỷ luật của dân chúng.

Thí dụ vấn đề đăng-bộ xe gắn máy. Mục đích của chánh quyền là phát giác những vụ ăn cắp, những vụ dùng xe gắn máy để khủng bố hay cướp giật. Mục đích này đã đạt được tới mức nào? Thời hạn chót để khai báo đăng bộ đã được thay đổi mấy lần? Và liệu còn thay đổi nữa không? Trên đây đã nói đến sự chờ đợi ở địa điểm khai báo. Không phải vì ban cảnh sát không sốt sắng làm việc. Trái lại, từ trưởng-ban tới các nhân viên đều nhã nhặn, kiên nhẫn chỉ bảo dân chúng, làm việc mau lẹ. Nhưng ở cấp cao hơn họ, khối lượng công việc đã không được ước lượng một cách chính xác, kế hoạch thi hành đã không được ấn định một cách hợp lý nên sự tận tâm của họ không thể loại trừ được hết khuyết điểm.

Trong việc lập thẻ căn cước bọc nhựa cho lớp tuổi từ 15 đến 18, hình như người ta quên mất một điểm là sự thay đổi tầm vóc và nét mặt của những người này vì họ còn trong tuổi đương lớn. Nếu chiều cao và nét mặt thay đổi khá nhiều so với sự ghi chú trong căn-cước, họ có khỏi bị nghi là xử dụng căn cước giả không? Hoặc giả đến tuổi nào thì họ lại phải đi đổi căn-cước?

Những tháng tới đây, hàng mấy triệu người sẽ phải đi đổi thẻ căn cước. Nhớ lại hồi 1961, 1962, khi đặt ra thẻ căn cước bọc nhựa, chánh quyền hồi ấy giải thích rằng đây là một biện pháp để phát xuất những phần tử có hoạt động hại cho quốc gia. Ngày nay việc đổi thẻ căn cước thành cần thiết vì có những thẻ căn cước giả, nhứt là do Việt-cộng ngụy tạo. Người ta tự hỏi không biết số thẻ căn cước giả đã bắt được là bao nhiêu. Thẻ căn cước chúng ta hiện dùng đã bị làm giả, có chắc rằng loại mới sẽ không thẻ làm giả được không? Nếu có sự giả mạo thì sẽ lại đổi nữa hay sao? Lập luận này nghe ra khác lập luận đối với việc lưu hành giấy bạc giả. Tiền nước nào cũng có kẻ làm giả. Nhưng có phải vì thế mà người ta thâu hồi và thay hết một loại giấy bạc thật đã bị bắt chước đâu?

Chúng ta sắp có đạo luật về chính đảng. Có người đã nêu lên câu hỏi: «Việc ban hành một đạo luật riêng biệt về chính đảng có cần thiết không?» Ai cũng biết chính đảng là một hình thức sinh hoạt chính trị. Chúng ta mong muốn thấy tại nước nhà những chính đảng có uy tín, được sự ủng hộ của nhiều cử tri, hoạt động hợp với quyền lợi quốc gia dân tộc. Những đặc tính này, theo ý kiến chúng tôi, không

tùy thuộc một khuôn khổ luật pháp mà tùy thuộc giá trị của những người lãnh đạo đảng và cán bộ của đảng. Một học giả nghiên cứu nhiều về các vấn đề chánh-tri quả quyết rằng không có nước nào có đạo luật riêng về chính đảng, kể cả những nước dân chủ Âu Mỹ.

Mặt khác nếu nhận định rằng chính đảng là một hình thức sinh hoạt chính trị thì ta sẽ đi đến kết luận việc cấm đoán một chính đảng vì lẽ đảng này không hội đủ điều kiện luật định sẽ không đi đến đâu. Dưới thời Pháp thuộc luật lệ đối với chính đảng bản xứ hà khắc như thế nào mà vẫn có những chính đảng hoạt động. Khác chăng là ở điểm đảng phái hoạt động công khai hay bí mật. Tốt hơn hết là dành điều kiện dễ dãi cho chính đảng ra công khai để chịu sự phán quyết của cử tri qua các cuộc bầu cử. Đảng nào yếu nghĩa là không được cử tri ủng hộ sẽ bị đào thải.

Nói tóm lại, những biện pháp chính quyền đề ra phải nhằm những đối tượng thực sự, phải định những tiêu chuẩn mà đại đa số người bị chi phối có thể theo kịp, phải mang lại những kết quả tốt đẹp và chắc chắn, phải được sửa đổi mỗi khi cần để thích hợp với sự tiến hóa của xã hội. Nếu thời đại văn minh không thể chấp nhận những hình phạt dã man thì ngược lại trong thời buổi coi thường pháp luật này một số số vi phạm cần được trừng phạt nặng hơn và xét xử mau hơn như chánh phủ đã làm đối với nạn tham nhũng.

Nhưng luật pháp không được chấp hành đúng mức thì có cũng bằng thừa. Hai điểm cần được nêu lên: Sĩ số

công chức và tác phong của người tượng trưng quyền hành.

Trong nhiều trường hợp, luật lệ không được chấp hành nghiêm chỉnh vì thiếu người. Ta hãy so sánh công việc của một ông quận trưởng thời trước và ngày nay. Ông quận-trưởng ngày nay thường phải đi hành binh hay chống trả những cuộc tấn công của địch, một công việc vừa nguy hiểm vừa mệt sức. Công việc hành chánh bao gồm cả việc thực thi những chương trình phát triển kinh tế xã hội. Nhưng sức người có hạn, việc nào không làm hết tất nhiên phải bỏ bê. Có những viên chức làm trọn giờ không hết việc, mặc dầu họ không « rùa » chút nào. Nhiều vụ án kéo dài từ năm nọ qua năm kia, chắc là tại sĩ số thẩm-phán không thích ứng với số lượng công việc.

Trong những trường hợp trên, trách nhiệm làm sút mẻ uy quyền quốc gia không ở nơi cá nhân người công chức mà ở cấp quyết định việc tổ chức và phân phối nhân viên.

Hối lộ là một lý do chấp hành luật pháp không nghiêm chỉnh, tưởng cần khỏi phải trở lại. Không kém phần quan trọng trong việc làm suy giảm uy tín quốc gia là những quyết định hấp tấp bồng bột của người hữu trách, trong lãnh vực những trừng phạt có tính cách hành chánh. Mỗi lần thụt lùi về số người bị trừng phạt, về thời hạn hay nội dung sự trừng phạt tất không khỏi tạo sự nghi ngờ thành ý của người có trách nhiệm quyết định. Dù sao sự thụt lùi cũng gây lòng nhờn rệ đối với chính quyền,

đối với uy quyền quốc gia.

Người dân thường hình dung uy quyền quốc gia qua tư cách những người tượng trưng cho nó. Bốn nghìn năm văn hiến là một di sản nặng nề. Dân chúng mỗi khi không khâm phục những kẻ có địa vị thường gọi họ là hạng, « sâu bọ lên làm người », « chó nháy bàn độc » ! Nguy hại là ở chỗ người ta dễ vơ đũa cả nắm. Vài thầy cảnh sát trẻ măng dùng súng bắn bừa bãi để tranh gái đã làm hoen ố hình ảnh tốt đẹp của biết bao nhiêu non viên công lực gương mẫu ! Bao nhiêu dân biểu đã bị hạ giá oan uổng vì có bạn đồng viên đã tỏ ra dốt nát hay đã buồn lậu lịch lỏa-thề.

Khi đề cập đến tác phong của công chức, của quân nhân, hình như có người quan niệm rằng từ một cấp bậc nào đó trở lên, người ta được miễn. Người ở địa vị cao mà bạ đâu nói đấy, không kiềm chế được sự vui buồn, bực tức, phản ứng như một kẻ thất phu sống đời tư kém đạo đức thì còn mong gì mọi người tôn trọng uy quyền quốc gia ? Đây là một khía cạnh của vấn đề nhân trị, đi xa nữa e lạc đề.

oOo

Qua sự phân tách trên đây, ta có thể kết luận rằng tái lập uy quyền quốc gia là một công tác rộng lớn, phức tạp đòi hỏi cả một sự xét lại trong nhiều lãnh vực. Không có chương trình hoạt động châu đáo, không có lòng kiên nhẫn và quả cảm để tiến tới thì không khác gì vung gươm chém nước.

NGUYỄN-NHU

Đọc « 9 năm thành tích »

Sau vụ oanh kích dinh Độc Lập ngày 27-2-1962, một số người chung quanh ông Diệm không khỏi hoang-mang và tỏ ý lo ngại về tương-lai chế-độ.

Song một bà-con của ông cho biết : theo số Tử vi, thì chưa đến nỗi nào đâu, ít ra ông ngồi được 9 năm.

Cuối 1963, tôi chợt nhớ lại câu đó, và cũng thấy... hơi rờn rợn, nên muốn tìm hỏi ông thầy số nào đã tiên đoán như trên, nhưng ông đã qui tiên khá lâu rồi thì phải.

Dù sao, sự lạ-lùng kia đã khiến tôi chú ý đề nghị lại một cuốn sách trong đồng tài-liệu vô-dụng được loại khỏi dinh Gia-Long sau ngày 4-11-63. Cuốn ấy có bìa màu vàng, dày 942 trang, nhan đề là *9 năm thành-tích*.

9 năm... trong thời-gian đó, số-mệnh đã đưa tôi lần nữa vào trung-tâm của nhiều sự biến-thiên, đề buộc tôi nhìn và nghĩ. Nên khi giữ lấy sách kia, tôi có cảm tưởng là muốn vớt lại đề ôn-cổ về những gì liên quan mật-thiết đến một quãng đời tôi.

oOo

Trước 1962, nghĩa là trước khi ô. Nhu chủ tọa hàng tuần Ủy-ban Trung-ương về Ấp Chiến-lược, một phương-pháp rất tầm thường nhưng rất cần thiết đã rất ít khi được áp dụng : kiểm điểm công việc trong mỗi lãnh vực đề theo dõi, thúc đẩy, rút kinh-nghiệm mà sửa đổi.

Sự kiểm điểm đó chỉ thấy xảy ra một cách vô hiệu giữa một thiểu-số dăm bảy người hiểu biết mà không có trách-nhiệm trực-tiếp, hay có trách-nhiệm mà không đủ thẩm-quyền, hoặc chẳng được nói hay được nghe. Dù sao, kết quả vẫn là những nhận xét với thiện-ý vô tư, về những thực-trạng có thể giúp ai muốn tìm hiểu khách-quan, bên ngoài dụng tâm suy tôn hay đả phá. Và nếu tổng kết lại, sẽ thành một tập ~~thảo-luận~~ bản thảo-luận hay phân nản thì đúng hơn, về 9 năm hoạt-động trên các địa-hạt.

Một số thân-hữu của tôi đã nghĩ rằng sự phê-bình chế-độ cũ hãy còn quá sớm ; phải để cho các thứ nhiệt-tình lắng dịu. Tôi vẫn đồng ý, vì sự phán đoán

(1) Xin coi B.K, từ số 265-266 (15-1-1968).

chỉ có thể công bằng khi những quyền-lợi chính-đáng hay không chính-đáng chẳng còn ngại bị liên can. Song cũng có một lý-do để miễn đợi chờ, nếu đứng về phương diện cung cấp tài liệu. Vì hiện nay, số sách và bài báo viết về ô. Diệm ô. Nhu đã khá nhiều, nhất là những tác phẩm ngoại quốc, bằng tiếng Anh và tiếng Pháp: khen chê không thiếu, nhưng thiếu nhiều căn-cứ vững chắc, mà khi tìm căn-cứ, thì không ai chịu ngó tới những tài liệu chánh-thức.

Điều này rất dễ hiểu, tuy các chánh-quyền trước 1963 thường quên bẵng: đối với đa số ở bất-cứ nước nào, tài-liệu chánh thức đều có mục-đích tuyên truyền phóng đại, lại chẳng ai có phương-tiện phối kiểm, nên rất khó tin những ngôn-ngữ đẹp và thành-quả tốt. Ấy là chưa kể những sự phủ nhận hoặc xuyên-tạc của những người và nhóm đối-lập. Nên một chánh-quyền đóng vai tác giả, không tránh khỏi một hậu-quả bạc bẽo: sách in ra không được chiếu cố, phát không cũng khó có độc-giả. Đó chính là số phận của loại sách « 9 năm thành-tích » mà sự phổ biến không gây nổi một ảnh hưởng nào đến đáp công-phu soạn thảo và phí-tồn ấn loát.

Sự hoài-nghi của công-chúng không có gì đáng trách, khi người ta chỉ thấy toàn những sự tốt đẹp như ở trên quảng-cáo thuốc bô. Không chánh-quyền nào chịu vạch áo cho xem lưng. Chỉ có những sự-kiện gì thuận-lợi mới được đưa ra: một công-lệ bất-dịch. Ông Diệm trình bày cho Quốc-hội và Quốc-dân, cũng theo đường lối của các Bộ các Tỉnh các Nha trường trình lên ông: khả-quan lắm (người ta đã viết hay đọc là khả-quan để tránh phạm tên cụ cố) xúc tiến mạnh mẽ rất nhiều tiên-vọng, tin tưởng mãnh-liệt v.v.. Chính ông Diệm một hôm cũng cười khi nghe về tình-hình một địa-phương; ông bảo: cứ như thế thì hẳn là sắp tới « bến vinh-quang ». Ông hay nhạo cái bến vinh-quang của nhiều bản diền-từ.

oOo

Nhưng chẳng lẽ « 9 năm thành-tích » không dùng được làm chi hết? Tôi nghĩ công-dụng sẽ tùy người đọc.

Di-nhiên là nên bỏ qua, với nụ cười thì hơn, những lời-lẽ tự phê-bình, nghĩa là tự tán dương của mỗi cơ-quan. Như khi thấy nói « cố gắng không ngừng để làm tròn nhiệm-vụ », thì nên đọc là « cũng đã cố thi hành phần nào nhiệm-vụ », còn « không ngừng » và « tròn » hay vuông thì lại là chuyện khác không bắt buộc ghi nhớ.

Nếu có tinh-thần rộng-rãi, độc-giả cũng nên lượng thứ những lời sượng tai như sau: « cung cấp những tiện-nghi cho các nhà bác-học và kỹ-thuật-gia thẳng tiến trên con đường khảo-cứu », — « những thành-tích rực rỡ đã thu lượm trong thời gian gần đây, chứng tỏ một cách hùng hồn vai trò tiên-phong và xung-phong của họ trong công-cuộc cách-mạng

đang tiến bước từ nông-thôn đến thành-thị và từ hạ-tầng cơ-sở lên thượng-tầng kiến-trúc trung-ương», — «đào tạo những lớp... có một căn - bản đạo - đức và tác - phong tiến bộ theo kịp đà tiến của lớp... tiên-tuyển trong cuộc vận-động lịch sử hiện-đại.»...

Cứ như thế, mà chưa đến bến vinh-quang, thì cũng đáng ngạc-nhiên.

Còn những tài-liệu chứng minh, thì có phần nào khả thủ ?

Các con số thống-kê hay bị ngờ vực nhiều nhất. Người ta cho rằng chánh-quyền theo thói có ít tăng nhiều, và hễ xấu thì giấu bớt.

Thực ra, ở một vài lãnh-vực như nông-thôn, thường xảy ra sự lầm-lẫn vì thiếu điều-kiện tra cứu kỹ lưỡng tận các xóm làng, nhất là trong thời bất-đơn ; nên có trường-hợp phải ước đoán, như sản-xuất hoa màu, gà vịt... Còn nhiều số khác của một cơ-quan này, bị cơ-quan khác kiểm lại, và nếu khai man thì mắc lỗi gian lậu, có khi bị hình-phạt : như số thuế thu được, số tiền cho tiêu-thương vay, số giáo-viên đã đào tạo, số quán cơm xã-hội v.v..

Khi bắt đầu thập tờ trình của các cơ-quan đề tập hợp thành những bản thông-điệp gửi Quốc-hội hay thành những cuốn sách, cấp trên — cùng thường đòi hỏi bồ túc hơn là kiểu chính. Các con số mà chính tôi đã nhận được, bất-cứ thuộc địa-hạt nào, không bao giờ bị cố-ý thay đổi ; thẳng-hoặc có sự nghi-ngờ, thì những tiếng gọi điện-thoại từ phủ Tổng-thống đã khiến nhiều bạn đồng-sự tại các Bộ phải bực bội, vì cứ yêu cầu kiểm soát lại cho đúng hoặc đưa ra những số còn quên : ô. Diệm thích chi-tiết tỉ-mỉ.

Về phần việc, nếu chỉ tùy tôi, chắc chắn tôi đã đòi rút ngắn ít nhất $\frac{1}{3}$ trong 942 trang. Vì không đáng kể, những công-tác thông-thường mà bất-cứ chánh-quyền nào ở thời nào cũng phải làm, như :

« Chuẩn bị cuộc bầu-cử bán-phần hội-viên hội-đồng quản-trị phòng Thương mại ».

— « tiếp-tục xuất bản nội-san, tổ chức huấn-luyện bóng tròn và bơi lội »,

— « phổ biến tin-tức cho các chi Thông-tin »,

— « ấn định màu-mực sơn xe đạp »...

Cái gì, chứ sơn xe đạp thì chắc thiếu chất hào-húng, và không đủ sức kích thích cho quốc-dân và hậu-thế ghi ơn.

Có lần tôi bực quá, đã chót thốt ra : cứ theo đà này, thì sẽ có nơi trình rằng nhân-viên vẫn lãnh lương. Nhưng một bạn ở cơ-quan yêu cầu thông-cảm : ông Tổng-thống muốn thật nhiều, mà nếu không cho kể hết, thì chẳng biết kể chi khác việc « thường-xuyên ».

Tôi đâu dám trách ? Biết bao lần, hễ có ông Thủ-tướng nào hay Bộ-trưởng nào phải lập chương-trình, thì người ta lại mách các vị không biết bao nhiêu việc hàng ngày, thay vì phải và chỉ cần đưa ra vài điểm chính-yếu với những sáng-kiến đặc-biệt nhằm cải tổ, canh tân hay phát triển.

Tuy-nhiên, bên cạnh những công-tác thông-thường và không thể coi như thành-tích, vẫn thấy thuật rõ những sự thực-hiện có qui mô. Một ngày kia, khi muốn bình tĩnh truy cứu, chẳng lẽ lại phải kiểm sách báo ngoại quốc? Ít ra cũng cần có những bộ những pho nào ghi những hoạt động hoặc chứng tỏ chủ trương của một chánh-quyền trong một giai đoạn. Xét việc đã làm, có thể thấy những việc đáng làm mà chưa làm, hay những cách làm không thích hợp. Về phương diện này, « 9 năm thành tích » cũng cho một ý-niệm, gợi nhiều suy tưởng, hoặc đánh dấu cho khỏi quên, như một tập kỷ yếu, loại niên kỷ Year Book của các nước, hay loại Sách Xanh Livres Verts của các xứ trong Đông-dương cũ.

Chính-khách VN không có tập-tục của nhiều chính-khách ngoại quốc không viết hồi-ký để làm sử-liệu. Vậy thiết tưởng cũng không nên vứt bỏ « 9 năm thành-tích ». Giả thử bây giờ thấy một cuốn tương-tự của Hồ-Quý-Ly hay Trịnh-Tùng, chắc nhiều người muốn xem để biết gọi là về một thời qua, còn hơn là chỉ thấy những giai-đoạn mịt-mờ như những quãng đường sương khói.

oOo

Chánh-quyền Cộng-hòa nhân-vị, từ trước ngày Cách-mạng 1963, đã từng bị chỉ trích ngấm ngầm, ngay giữa những người không đối lập.

Rồi sau ngày Cách-mạng, những sự lầm-lỗi, sơ-hở, quá đáng, thiếu sót, đã bị phơi bày khắp nơi trong một thời-gian khá lâu.

Tuy vậy, lắm người chưa hẳn, còn tò-mò thăm hỏi để biết nhiều hơn, với càng nhiều chi-tiết càng hay, những sự những việc đã đưa chế-độ lặn xuống vực thẳm.

Chỉ có một lần, ông X, một chính-khách yếu nhân 1964-65, đã hỏi riêng tôi :

— Dẫu thế, sao anh em ông Diệm đã đứng được 9 năm? mà sao mới hơn một năm nay đã 3 chánh-phủ?

Lúc đó, tôi chỉ cười, vì hai lẽ : hoặc ông muốn dò ý tôi đối với người trước, hoặc ông phỏng đoán rằng các ông kia đã có những bí-quyết nào để trường tồn, nên ông muốn rút kinh-nghiệm?

Tôi nhớ đã trả lời :

— Vấn-đề không phải là ngồi lâu, nhưng là được được việc hay không.

Ông ta vội chữa :

— Đúng rồi. Đâu phải là ngồi lâu? Nhưng ngồi lâu được, tất phải làm được chút gì cho người ta chịu đựng mình nếu chẳng yêu được mình. Ai cầm quyền cũng có việc dở việc hay. Bây giờ, cái gì dở thì mình bỏ, cái gì hay thì mình giữ mình theo,

— Minh Thái Tô, khi dấy rgiệp, cũng có ý như vậy đối với triều cũ. Song chưa chắc nhiều người chịu chọn lọc. Chọn lọc, thì có thể bị trách như ông Thủ-tướng đầu tiên, là « làm Cách-mạng ôn hòa ». Chỉ có thể ôn-hòa khi nào không-khí chánh-trị qua mùa nóng hổi và cho phép nhận định với đầu óc nguội lạnh.

Ông bảo đừng ngại khi mình tin rằng đường lối của mình có lợi cho công cuộc chung, và muốn tôi kê khai hai loại việc nên và không nên làm nữa.

Lửa thiêng của tôi hồi đó không ngùn-ngụt, nên tôi tìm lẽ thoái thác. Song ông đã muốn biết qua việc cũ, thì tôi trao lại ông « 9 năm thành tích », dù tập đó chưa phản chiếu trung-thực và toàn-bị các hoạt-động chánh-quyền từ 1954, nó cũng khiến ông có một ý-niệm; rồi nếu cần biết rõ, tôi sẽ thưa chuyện nhiều hơn, nhất là về những sự gì chưa thấy viết ra.

Sau đó, trong nhiều dịp, ông đã hỏi về một số vấn-đề. Và sau đây, tôi chỉ lược thuật những gì đã nói với ông, qua những giờ phút hội đàm cởi mở.

oOo

Thề chế.— Hiến Pháp 1956, dù chân-giá ra sao, cũng đánh dấu một bước tiến trên đường định-chế từ khi có một chánh-quyền quốc-gia, vì chấm dứt hẳn một giai-đoạn lâm-thời kéo dài từ 1948 với một chế-độ Quốc-trưởng rất khó định nghĩa.

Trái với sắc-lệnh số 5 của Thủ-tướng Nguyễn-văn-Xuân, hay dụ số 1 của Cựu-hoàng Bảo-Đại, văn-kiến căn-bản của VNCH 1956 không phải là tác-phẩm của vài người được cấp lãnh-đạo tín nhiệm. Phần triết-lý chánh-trị là của Ô. Nhu và được Ô. Diệm chấp nhận dễ dàng. Song sự soạn-thảo và cụ-thể-hóa thành cơ-cấu quốc-gia, là công việc của khá đông người, từ những người thâu-thập tài-liệu đến một Quốc-hội lập-hiến. Như đã ghi trong các biên-bản đăng Công Báo, lắm khi cũng có những cuộc bàn cãi sôi nổi hoặc va chạm ý-kiến. Một tỉ-dụ : đã có sự đấu khẩu giữa một Dân-biểu Bộ trưởng và nữ Dân-biểu Trần-lệ-Xuân tức Bà Nhu, về tuổi tối-thiểu đề ứng cử Tổng-thống ; ông Bộ cho rằng người tuổi 35 có thừa kinh-nghiệm, bà Nhu lại không muốn những người còn non trẻ như ông. Ô. Nhu nghe nói có cuộc tranh-luận gay-go, cười mà rằng : họ đều trẻ cả, thì cũng phải hăng mới vui.

Về phần triết-lý, thì ngoài những nguyên-tắc thông-thường, tương-tự như của nhiều Hiệp-pháp khác, về nhân-quyền và tự-do dân-chủ, đáng chú ý nhất là ý-tưởng cộng-đồng đồng-tiến mà tôi coi như một chủ-ý then chốt của

Ô. Nhu, một người bị ám ảnh hoài bởi các hiện-tượng chậm mở-mang. Đồng tiến giữa các giai-cấp nghèo và có của ; giữa các sắc-tộc đồng bằng và rừng núi ; đồng-tiến giữa các miền trong nước, phi-nhiều và hoang-vu, thành-thị và nông-thôn ; đồng tiến về mọi mặt kinh-tê, chánh-trị, văn-hoá v.v. tóm lại, là nhằm đi tới quân-bình để đạt công bằng xã-tội.

Sở-dĩ tôi chú ý về điểm này, là vì có thấy sự cố gắng để thực hiện phần nào. Trong khi các quyền tự-do trong Hiến-pháp chưa được thi hành theo ý-nguyện của đa-số, thì ý tưởng đồng-tiến được thể hiện bằng nhiều hoạt-động : chia đất của đại-nghiệp-chủ cho tá-điền, khai khẩn Cao-nguyên và thí nghiệm hợp-tác kinh Thượng ; xây dựng khu Trù-mật để đem phương-tiện của đô-hội về gần xã ấp ; mở đường đào kinh để khai thông các vùng hẻo lánh ; giúp cho miền Trung phát triển kịp các miền khác, v.v. Còn thành công hay không, sẽ liệu xét sau.

oOo

Về mặt tổ-chức, điểm trọng-yếu nhất trong Hiến-pháp, là Hành-pháp rất mạnh. Hành-pháp không chịu quyền kiểm-soát của Lập-pháp, và thuộc một Tổng-thống đứng trên cả Quốc-hội, vì có nhiệm-vụ tối-cao, không những là thi hành luật-pháp do đại-diện nhân-dân biểu quyết, nhưng còn điều khiển chánh-phủ và lãnh đạo quốc-dân, và như vậy, có nhiều uy-thể hơn cả Tổng-thống Hoa Kỳ.

Tới đây, ông X ngắt lời vì muốn biết rõ hơn : tôi có coi Tổng-thống-chế như vậy là thích ứng với nhu-cầu của xứ sở không ?

Tôi xin ông hãy nhớ lại hoàn-cảnh 1954-1955, một hoàn-cảnh bất-ôn sau bao năm đạn lửa và rối loạn.

Khi đó, nhiều người cũng như tôi chỉ mong trước hết một chánh-quyền đủ sức tái lập trật-tự và ổn định tình-thế : muốn vậy, phải được rộng quyền đối nội đối ngoại, và phải đứng vững khá lâu mới vẫn hồi được sinh-hoạt bình-thường và trùng tu kiến thiết.

Hai điều-kiện mạnh và bền đó, Tổng-thống-chế có đem lại không ? Thời-cuộc đã trả lời hộ tôi :

Chánh-quyền đứng được 9 năm. Những sự rối-ren của thời trước bị chấm dứt hoặc không trở lại dưới những hình-thái cũ, ít nhất là cho tới cuối 1960.

Tổng-thống chế dành đủ quyền-hành cho người lãnh-đạo để thúc đẩy mạnh các hoạt-động quốc-gia, và giúp cho Hành-pháp tránh nhiều trở-lực để theo đuổi những chương-trình dài hạn.

Tuy-nhiên, Tổng-thống-chế 1956 cũng mở lối cho cá-nhân ông Tổng-thống dễ bành trướng, nên chẳng bao lâu biến thành một chế-độ đặc-biệt, trong đó phần nhân-trị nặng hơn phần pháp-trị.

Tình-trạng này vừa có lợi, vừa có hại.

Lợi về phương diện chỉ huy và điều hành, đối với một guồng máy chánh-quyền lâu ngày trì trọng và bị-động, với khá nhiều người chỉ chịu làm khi bị giục bị xô do một uy-lực mạnh và nghiêm. Năng-suất công-quyền tăng gấp nhiều lần, so với các thời trước 1954, và sự-kiện đó thấy rõ rệt nhất ở các cấp điều khiển. Người ngoài cuộc có thể khó chịu khi nghe nói các cấp thừa hành thường sợ sệt, vì có cảm tưởng là cấp trên khắc nghiệt. Song những ai từng vào cuộc, tất dễ nhận rằng làm khi phải dựa vào quyền rất lớn mới bảo làm được việc rất nhỏ. Có những đồng rác và những ò gà trên mặt đường, chỉ được hốt hay lấp đi, khi người hữu trách được được biết đề coi chừng, vì « Cự » thường qua lại. Hễ cự đòi, thì việc phải trình trong một tuần, được đệ gấp trong một hai hôm. Thực tế như vậy, và đối với thực-tế đó, khó lòng cầu viện những lý tưởng cao siêu.

Nói một cách khác, khi uy-quyền rất mạnh của cấp lãnh đạo được dùng đúng chỗ, thì việc nước có thể cải tiến mau lẹ, và như thế còn tiện-lợi hơn là những cơ-chế phức tạp vì cần đảm-bảo pháp-lý. Đó là sự mong mỏi của nhiều người thuộc các đoàn-thể ủng hộ ô. Diệm, cùng những chuyên viên và những nhà kinh-doanh thiết-thực không quan tâm mấy đến các hình-thức dân-chủ. Bởi đặt hy-vọng vào ông, dù chẳng tôn sùng ông, những hạng người kẻ trên đã giúp đỡ ông.

Khốn thay, khi người lãnh-đạo lầm lẫn, lại sẵn tính cố chấp vì quá tự-tín, thì nhân-trị chỉ còn trạng thái bất-lợi, biến ra quyền tự do ngộ-hoặc đề gây những hậu-quả tai hại cho thân-thể ông và công-cuộc chung.

Toàn quyền hành-động mà cựu Quốc-trưởng đã ủy cho ông, bị Hiến-pháp 1956 giảm bớt phần lập-pháp cho hợp với thể-chế dân-chủ. Nhưng quyền hành pháp mà Hiến-pháp dành cho ông, còn đủ rộng đủ mạnh để ông sắp đặt và bao trùm trong thực-tế, rồi đòi lại cả quyền ra luật. Không còn sức nào ngăn cản được ông.

Tổng-thống-chế đã cho phép những người cộng-sự của ông thi hành nhiệm-vụ dễ dàng, nên đã giúp ông thể-hiện ý-hướng và hoàn tất một số chương-trình xây dựng.

Nhưng Tổng-thống-chế cũng ngờ cửa cho con người ông vượt quá khuôn-khò pháp-định, đề theo một chủ-quan khi tỏ khi mờ, rồi rớt vào một tình-trạng không thể cứu vãn.

Tổng-thống-chế gần như một chiếc xe khoẻ nhưng thiếu bộ thắng, nên chỉ biết chạy mau, vượt mọi chướng-ngại hoặc lặn xuống dốc, tùy người cầm lái giữ đúng mức hay lao quá đà.

oOo

Bộ thắng đó, đáng lẽ phải là Quốc-hội, hoặc là chánh-phủ.

Song Chánh-phủ do Tổng-thống điều khiển, chỉ gồm những người được chọn trước hết vì lòng trung-thành vì thái-độ hiền-hòa, không có lập-trường định-kiến riêng để phải bênh vực cương quyết.

Quốc-hội, thì hầu hết là người thuộc các đoàn-thể do ông Diệm và anh em sáng lập, được bầu lên theo những lễ-lối hợp-pháp bề ngoài, nhưng không được mấy ai tin là ngay thẳng. Đa-số trong các giới yên trí rằng có những sự mưu tính để giành ghế cho những người được Ô. Tổng-thống Ô. Nhu và Ô. Cần lựa trước. Thậm chí đã có người nói : « bồ » dân biểu thì đứng hơn là bầu dân-biểu.

Ông X muốn biết tôi nghĩ sao ?

Nếu phải có bằng-chứng để quyết đoán trong lãnh việc này, thì ông nên hỏi những ai đã tham gia trực-tiếp vào công việc tổ-chức bầu-cử. Còn tôi cũng, chỉ nghe nói như ông mà thôi, hoặc theo dõi qua những giấy tờ chánh-thức.

Nhưng tôi đã phải thắc-mắc về vài kết-quả đầu phiếu, như về trường-hợp ông Nhu bà Nhu : đặc cử với trên 90% số phiếu không khác gì Nasser, hay Syghman Rhee... làm thế nào tránh khỏi sự ngờ-vực của mọi người, kể những ai vẫn mong cho ô. Diệm không bị tai-tiếng ?

Ông X bảo :

— Dùng áp-lực bắt dồn phiếu đến mức đó, thì quả là cấp thừa-hành vụng dại và làm hại chế độ khi tưởng là lập công.

Tôi nhớ trước kia có người vốn có nhiều thiện-cảm với ông Diệm, cũng đã nói thẳng ra : giả thử ông bà Nhu bị rớt vì kém phiếu, thì chánh-quyền lại được tiếng tốt, vì sự thất-cử chứng tỏ cuộc bầu-cử rất công chính. Miễn sao đa-số trong Quốc-hội vẫn là người của đoàn-thể bạn ..

Dẫu nhìn theo nhỡn-quan của chánh-quyền, tôi tưởng cũng chẳng cần dàn cảnh, đối với Ô. Nhu, ở nhiều tỉnh Trung-phần hoặc miền Đông Nam-phần : tại đó, chắc nhiều người sẵn lòng bầu ông.

Mà ông cần gì tranh cử ? Chẳng vào Quốc-hội, Ô. Cần vẫn « chỉ đạo » như thường, và Cố vẫn vạch đường cho khối đa-số tại Quốc-hội. Thực ra, mấy khi Ô. Nhu làm việc với tư-cách Dân-biểu ?

— Các Dân-biểu cũ đối với Ô. Diệm, có giúp được việc gì đáng kể không ?

— Ở thời nào, cũng không thiếu những người xông ra vì lợi vì danh. Song cũng khá nhiều người cho biết : phải ra, dù mang tiếng là người rơm bị giạt dây, vì cần làm hậu-thuần cho Ô. Diệm; ai cũng có quyền gia nhập một đoàn-thể, chọn người lãnh-đạo và tin theo người đó; tuy vậy, hề quý trọng ông thì bị chê là nịnh bợ, ủng hộ cho ông dễ làm việc, thì bị coi là bù nhìn, chấp nhận một kỷ luật chung, một chính sách chung, và tranh đấu cho chính sách ấy thể hiện, sao lại trách là nhằm tổ chức độc-quyền đảng trị ? Quốc hội gì mà lúc nào cũng « đi » với Hành pháp ? Nhưng thử hỏi lại : có Hành pháp nào chẳng mong được sự ủng hộ của Lập pháp ? Còn tìm mọi cách để nắm nữa là khác... Không chống đối, thì kêu là chỉ biết vâng dạ, nhưng nếu

tin là phải là đúng, thì sao lại chống đối? Nếu đôi khi có sự bất-đồng-ý, mà không lên tiếng gay go, là vì phải dành quyền quyết định tối-hậu cho cấp lãnh-đạo đoàn-thể kiêm lãnh-đạo chính-quyền...

Song muốn lý luận thế nào đi chăng nữa, công-chúng vẫn hoài nghi hoặc chẳng hoan nghênh, vì cho là Quốc-hội thiếu tác-phong dân-chủ, không hề thấy bác bỏ đề-nghị nào của Hành-pháp. Dẫu đôi khi có điểm thắc-mắc do một vài Dân-biểu nêu ra, các dự-án vẫn được chấp-thuận sau một phiên giải-thích của Bộ sở-quan hoặc cùng lắm là sau vài phút khuyến-cáo của ô. Nhu hay huấn-từ của ô. Diệm.

Thực ra, cũng đã xảy ra những vụ chống đối với những lời chỉ trích gắt-gao, nhất là của những Dân-biểu thuộc nhóm thiểu-số. Như đã có lần, một vị lên án dự-luật Gia-đình mà ai cũng biết là do bà Nhu chủ xướng, đến nỗi bà tức giận phải rời bỏ phòng họp (21-12-1957). Lần khác, cả nhiều vị thuộc Phong-Trào hay Cần-Lao, cũng tỏ lòng công-phần vì bà đã công xúc Quốc hội bằng hai tiếng « thật hèn » khi chê bai những vị đã công kích dự luật « chỉ vì muốn lấy vợ lẽ ». Nên ngày 22-1-58 bà phải cho ra một thông cáo, minh xác là đã nói « thất hèn » chứ không phải là thật hèn. Lỗi của giọng nói không rõ hoặc của những màng tai không thính? Dù sao, Quốc-hội đã rộng lòng thông cảm và chấp, nhận sự phân-trần về dấu sắc, dấu nặng và dấu huyền. Nhưng cũng chưa xong chuyện. Ngày 21-5-58, một Dân biểu lại đã kích dự-luật, vì tổ chức gia-đình theo bản văn này, là trái luật tạo hóa, gây xung đột và xáo trộn xã-hội, và chống Cộng như thế là « chỉ chống Cộng có một chân ».v.v...

oOo

Sự liên-lạc Lập-pháp — Hành pháp như vậy cũng khá vui nhộn, dù sao không nêu lên vấn-đề gì nan-giải.

Song Hành-pháp vẫn thấy chưa đủ sự dễ-dàng đề hoạt động. Ngày 15-10-61, ông Tổng-thống ra sắc-lệnh tuyên-bố tình-trạng khẩn-cấp trên toàn quốc, và yêu cầu Quốc-hội đề cho ông ban hành sắc-luật thay các đạo luật, về các biện-pháp bảo-vệ an-ninh quốc-gia, và điều động nhân-lực cần-thiết.

Quốc-hội biểu quyết chấp thuận ngay 4 hôm sau, bằng đạo luật 13/61 ngày 19-10-61. Sự ủy-quyền này được coi như cần-thiết, vì tình-thế có suy-sụp trên các lãnh-vực quân-sự, tài-chánh và quốc-tế.

Ông Tổng-thống đã dựa vào văn-kiện trên mà ra những sắc-luật về các ngân sách quốc-phòng và kinh-tế, các vụ cải cách hối-suất cùng thuế-suất, trung-tập y-sĩ, lập các tòa án mặt trận, kiểm soát hội-hợp.v.v..

Nhưng tại sao áp dụng thủ-tục đặc biệt cho cả những việc chẳng có chi là cấp-bách bất-thường, không để lại cho Quốc-hội xét định, như thể-lệ hành nghề

y-sĩ (s-luật 6/62) thuế đánh trên giá thuê nhà quá đáng (s-luật 13/62) sự tân tạo và tu-bồ nhà cửa bất hợp-pháp (s-luật 16/62) thuế tem thơ và con niêm (s-luật 20/62) chế-độ đầu-tư (s-luật 21/63) sát sinh gia-súc (S-luật 7/63) vệ-sinh trong các thành-phố (s-luật 11/63) v.v. Như vậy, Quốc-hội có cũng như không?

Các cơ-quan hành-pháp đã thừa dịp đệ lên Tổng-thống những việc đáng lẽ cứ phải chuyển cho Quốc-hội thảo luận. Ông Diệm vẫn ký, không phân biệt chi hết, và nếu có bắt ông phân biệt, thì cũng tội cho ông, vì ông không phải là nhà luật học.

Lề-lối đó cho cảm-tưởng là trong thực tế, và đối với Hành-pháp, càng tránh được Lập-pháp chừng nào càng hay. Người ta thường lo rằng Quốc-hội bàn cãi tốn thời-giờ và làm chậm trễ công việc.

Phải chăng ai nấy đều mặc-nhiên coi Quốc-hội Cộng-Hòa I là không cần-thiết, là một chương-ngại, cùng lắm là một hình-thức trang-trí để chế-độ có vẻ dân-chủ mà thôi? Tôi không mong gì hơn là được cải chính với những bằng-chứng cụ-thể.

o~o

Nhiều vị Dân-biểu đã tin rằng nhiệm-vụ của mình là hãy có mặt để thể hiện chế-độ, và ủng hộ cho ông Tổng-thống làm tròn sứ-mạng: Về phương-diện này, không thể nói là Quốc hội không được việc.

Song nếu chỉ có thế, vai trò của Quốc-hội gần như tiêu-cực và khiêm-tốn quá?

Sau khi Hiến-pháp được ban hành. (26-10-56) Quốc-hội Lập-hiến bầu ngày 4-3-56 đương-nhiên biến thành Quốc-hội pháp nhiệm đầu tiên. Quốc-hội thứ hai được bầu ngày 30-8-59, gồm 123 Dân-biểu với nhiệm-kỳ 3 năm; nhiệm-kỳ này tăng lên 4 năm theo Hiến-luật 1/62. Quốc-hội thứ ba, được cử ngày 27-9-63, tức là hơn 1 tháng trước ngày chế-độ bị cáo chung.

Công việc lập-pháp bắt đầu từ 1957, và trong gần 7 năm, Quốc-hội đã biểu quyết về 80 đạo luật. Số này đáng lẽ có thể nhiều hơn, song từ 1959 và nhất là từ 1961, có 52 vấn đề khẩn-bách hay không khẩn-bách, phải dành cho các sắc-luật do Hành-pháp soạn thảo và ban hành, chiều sự ủy-quyền đặc-biệt cho Tổng-thống.

Số tác-phẩm không nhiều, song cũng tỏ rằng các Dân-biểu có làm việc. Sự cố gắng được thấy rõ nhất ở những năm chưa phải nhường quyền lập-pháp cho ô. Diệm: Quốc-hội đã cho ra 18 đạo luật năm 1957, và 19 đạo năm 1958.

Thiện-chí của Pháp-nhiệm đầu, tiếc thay, lại không được hướng dẫn vào một chương-trình lập-pháp hợp-lý hơn, để nhiều vấn-đề quan-trọng được giải-quyết trước những việc thông-thường hay tỉ-mỉ.

Như các cơ-cấu quốc-gia, Viện Bảo Hiến, Hội Đồng Kinh Tế, v.v... thì mãi tới 1960 và 1961 mới được thiết lập. Song ngay từ đầu nhiệm-kỳ và ngoài 7 đạo luật về thuế, Quốc-hội đã tốn nhiều ngày về việc lấy nhân-cầu người

chết để chữa mắt (luật 11/57) tái đăng-ký tàu thuyền (luật 12/57) pha huyết chế huyết (luật 18/57) cấm đánh cá bằng chất nổ chất độc (luật 14/58) v.v.

Về những năm sau, xem chừng các công-tác đã bớt dần tính-cách linh-tinh rời-rạc, đề chuyển theo từng khu-vực, như về hình-sự 1959 (chống tham-nhũng, chống phá hoại, chống mạo hoá v.v.) về kinh-tế tài-chánh 1960 (quan-thuế-biểu, thuế gián-thâu và trực-thâu, mua bán tàu biển, mua bán bất động-sản của ngoại-kiều...)

Cách hoạt-động như trên, có thể giải thích bằng sự thiếu sáng-kiến? Phần nhiều dự-luật không không do Dân-biểu đề nghị, mà tùy Hành-pháp khởi thảo theo nhu-cầu, rồi chuyển qua Quốc-hội thẩm định. Điều đó lộ rõ nhất, khi ông Tổng-thống cần xúc tiến sự thiết lập những cơ-quan đã dự trù từ 1956 để tỏ rằng ông muốn thực thi dân-chủ, sau vụ biến-cố tháng 11/1960: Quốc-hội biểu quyết một loạt 3 đạo luật 7/60, 5/61 và 6/61.

Trong thành-tích của Quốc-hội, một phần đã tiêu tan cùng chế-độ: đó là những đạo luật ban hành để sửa đổi Hiến Pháp, hoặc chiếu Hiến Pháp mà tổ chức công-quyền: như các luật bầu cử Tổng-thống, Phó Tổng-thống và chính Quốc-hội, luật về Thượng Hội-đồng Thẩm-phán v.v...

Một số luật khác, khét tiếng là thất-sách, phải biểu quyết dưới áp-lực cá-nhân, gồm những điều-khoản cưỡng chế bắt chấp công-luận, đã bị xóa bỏ ngay từ cuối 1963; hay giữa 1964: luật gia-đình 1/59, luật Bảo vệ Luân-lý 12/62.

Chỉ còn sống sót, những đạo luật không nhuộm màu chánh-trị, thuộc các lãnh-vực chuyên-môn, hành-chánh, xã-hội: như Bằng sáng-chế (luật 12/57) Nhân-hiệu thương-hiệu (l. 13/57) Hệ-thống cân lường (l. 15/58) Xổ số và lạc-quyền (l. 6/59) Nhập cảnh và xuất ngoại (l. 13/58) toà án thiếu-nhi (l. 11/58) Quốc-gia tương trợ cựu chiến-binh và cô-nhi quả-phụ (l. 3/62)..

Di-sản đó không được là bao, song Dân-biểu cũ chưa giống hần Dã-tràng xe cát. Và khi nhiều luật-lệ của chánh-quyền thuộc-địa Pháp vẫn còn được tôn trọng, thì sự duy trì những đạo luật của Quốc-hội Cộng-hòa I, ngay đối với những ai không quan tâm đến sự liên-tục quốc-gia, chắc cũng không gây mặc-cảm nào.

Song đáng chú ý hơn cả, không phải là số-phận của Quốc-hội này, vì mất còn là sự thường trong lịch-sử: nếu xét theo ý-niệm tương-đối và nhất-thời của các giá-trị chính-trường, có lẽ chỉ nên ghi nhận rằng: Quốc hội 1956-1963 đã chịu trách-nhiệm hay được vinh-dự thí nghiệm lần đầu một công-quyền tạm coi như dân-cử, với những thể-thức thành lập và thủ-tục điều hành chưa từng thấy áp dụng bao giờ, kể từ 1948. Những bước tập đi, sao khỏi chập-chừng? Nên sự cải-tiến hoặc thành-công, phải đợi chờ ở những Quốc-hội sau?

Đ.T.

Kỳ tới: Lang thang trên các địa-hạt.

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Chiến-tranh và Hòa-bình

L.T.S Tá: phẩm vĩ đại mang tên trên đây của văn hào Léon Tolstoi đã được Ô. Nguyễn-Hiến-Lê dịch ra Việt ngữ và nhà Lá Bôi xuất bản. Ô. Nguyễn Hiến Lê đã phải để một năm rưỡi trời, làm việc đều đặn, mới dịch xong bộ truyện lớn này, ghi chú cặn kẽ, trình bày cuộc đời tác giả cũng như sự hình thành tác phẩm. Về cuộc đời của Léon Tolstoi, Bách-khoa số 48 (1-1-1959) đã đăng khá đầy đủ — cũng do Ô. Nguyễn-Hiến-Lê viết — sau đây là sự hình thành của tác-phẩm, mà chúng tôi sẽ đăng trên mấy số báo liên tiếp.

Léon Tolstoi cưới cô Sonia (kém ông gần hai chục tuổi tháng 9 năm 1862, rồi hai vợ chồng dắt nhau về điền trang Isanaïa-Poliana.

Mấy năm đầu đời sống cặp vợ chồng đó tràn trề hạnh phúc.

Trong nhật ký ông viết : « Tôi đã sống ba mươi bốn năm mà không biết rằng người ta có thể yêu như vậy và sung sướng như vậy được. Tôi có cảm tưởng rằng tôi không xứng được hưởng hạnh phúc đó. » — « Tôi sung sướng làm sao, sung sướng làm sao, tôi yêu nàng biết bao ! » — « Hạnh phúc mênh mông. » — « Nàng thực dễ thương. Tôi sung sướng đến gần như ngạt thở ».

Có lần hai vợ chồng cùng quì xuống cầu Chúa cho được sống trong cảnh đó suốt đời.

Chính trong không khí gia đình đó và trong cảnh nên thơ của điền trang

ông viết *Chiến tranh và Hòa-bình* và được bà tận tình, vui vẻ tiếp tay.

Bà rất trọng tài của chồng, hễ khi nào chồng viết tiểu thuyết thì bà rất sung sướng, lo hết việc nhà để ông khỏi phải bận tâm một chút gì cả, giữ cho phòng viết của ông thật tĩnh mịch, không có tiếng động, không ai được lại gần, ngay bày trẻ cũng không được vô. Trong sáu năm viết *Chiến tranh và Hòa bình*, cặp vợ chồng đó rất sung sướng, ít gây lộn nhau, ít trách móc nhau, ít chép nhật ký. Chùm chìa khóa lủng lẳng ở dây lưng, bà rón rén lại cửa phòng làm việc của chồng, và thấy sổ trang viết được nhiều chừng nào bà thích chừng nấy. Thích nhất là được chép lại bản thảo. Mỗi tối bà đem từng xấp về phòng riêng, rồi dưới ánh sáng ngọn nến lù mù, bà khòm lưng chép lại tới nửa đêm. Công việc thật chán và cực nhọc. Chữ ông viết nhỏ tí, khó đọc, mà ông lại bôi xóa, sửa đi sửa lại, thêm vọt ra đặc

cả lẽ. Bà đọc được hết, đoán ý mà sửa những chữ sai, thêm những chữ thiếu, có khi thêm một nửa câu. Thì trước kia bà đã chẳng có tài chỉ nhìn chữ đầu mỗi tiếng mà đọc được ý của Tolstoi đấy ư? Trong cảnh tịch mịch ban đêm, gia nhân và trẻ ngủ hết rồi, bà nắn nót chép lại bản thảo đề sáng dậy đưa cho chồng. Ông lại sửa nữa, bà lại chép lại nữa, vui vẻ chép lại, không hề phàn nàn, mặc dầu nhiều đêm, tay mỏi cóng, mắt nhức nhối, lưng muốn sụm. Truyện dài hai ngàn trang, có trang ông sửa lại mười lăm lần, bà chép lại mười lăm lần; già nửa truyện bà phải chép lại bảy lần, còn non nửa ít nhất cũng ba bốn lần. Và trong sáu năm đó, còn phải săn sóc mọi việc, nuôi con, để con nữa chút, để gần như liên liền vì sinh lực của ông chồng thật phi thường. Thời gian đó ông làm việc thật dữ dội. Mới đầu viết rất khó khăn. Tác phẩm là một tiểu thuyết lịch sử, phải bắt được, thờ được cái không khí của thời đại đã. Thời đại trong truyện tuy cách ông không xa, nhưng ông cũng phải đọc hết những tài liệu: sử, bút ký, thư từ... bằng tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức. Những tài liệu đó gom lại thành một tủ sách.

Viết xong được phần đầu, nhan đề là 1805, ông cho đăng ngay trên tờ *Thông tin Nga* (300 rúp một xấp 16 trang), rồi vừa viết tiếp vừa sửa ấi cáo, vừa theo dõi những lời phê bình. Có hồi ông té, trật cánh tay phải, mà không nghỉ làm được vì ý tưởng cuộn cuộn trong óc, ông đi đi lại lại, đọc cho cô Tania chép. Những lúc bà đau hoặc sanh đẻ, cô thường tới săn

sóc cho chị. Ông nhân cơ hội đó, bảo cô kể cho nghe hồi thơ ấu, cả những cuộc tình duyên của cô, và nhờ vậy ông xây dựng được một nhân vật rất linh động: Natacha Rostov, và một nhân vật nữa: Anatole Kouragnine (tức Anatole Chotak tình nhân của cô Tania). Có lần cô ngại làm phiền anh chị, đòi về Moscou, ông bảo « Bậy nào! Cô tưởng cô ở đây ăn hại vợ chồng tôi sao? Cô ở đây cho tôi vẽ chân dung mà. Tôi đương đưa cô vào truyện của tôi đây. »

Vậy ta có thể bảo *Chiến tranh và Hòa bình* là công trình chung của Tolstoi, Sonia và Tania. Không có Tania thì chắc chắn chúng ta không được đọc ông tả Natacha vũ một điệu binh dân Nga trong nhà ông chú, sau cuộc đi săn.

Cả cậu em của Tania, cậu Stépan Bers, cũng có một phần công nữa. Cậu đã đưa anh rề đi coi làng Borodino, cách Moscou trên trăm cây số để ông viết về trận Borodino. Hai ngày, dưới trận mưa tầm tã, hai anh em đi coi khắp một cánh đồng mênh mông, lầy lội.

Tháng 12 năm 1869, viết xong phần *Chung cục*, ông bảo bạn thân là Fet: « Những cái tôi viết đây, không phải là tôi bịa ra đâu, tôi đã đau đớn rút từ trong ruột tôi ra đấy. »

Sống sáu năm với các nhân vật trong truyện, khi hạ bút xuống ông thấy bàng hoàng, lạc lõng bơ vơ. « Bây giờ là cái thời thiêm thiếp của tôi. Tôi không suy nghĩ, tôi không viết, tôi cảm thấy sững sờ một cách dễ chịu. » Năm đó bà sanh đứa con thứ tư, một em trai, đặt tên là Léon.

Léon Tolstoï bảo : « *Chiến tranh và Hòa bình* không phải là một tiểu thuyết lại càng không phải là một thi thiên, càng không phải là một lịch sử ký sự ». Nó là cả ba cái đó : một tiểu thuyết lịch sử có tính cách anh hùng ca ; hơn nữa nó còn chứa một khuynh hướng triết lý.

Ai đã cầm bút, tất nhận thấy một sáng tác bao giờ cũng tự nó thành hình lần lần trong khi viết. Dù ta có bố cục sẵn thì bố cục đó cũng phải thay đổi, có khi bỏ hẳn vì ý này gợi ý khác, hoặc vì kiếm thêm được tài liệu, có thêm cảm xúc, xảy thêm một biến cố, tóm lại là phần ngẫu nhiên quan trọng hơn phần dự định mà ngọn bút bị lôi cuốn theo một con đường của nó ta không biết trước được; tới khi nó ngừng lại thì tác phẩm của ta có một diện-mục khác hẳn cái hình ảnh mờ mờ trong óc ta khi mới cầm bút.

Đối với một tác phẩm lớn như « *Chiến tranh và Hòa bình* » thì nhận xét trên lại càng đúng. Đề-tài không được lựa chọn, quyết định một lần một.

Theo một bài Tựa (sau đã bỏ không in) cho « *Chiến tranh và Hòa bình* », Tolstoï bảo ông đã bắt đầu viết từ năm 1856 một tiểu thuyết mà nhân vật chính là một người của phong trào tháng Chạp, tức phong trào nổi loạn tháng Chạp năm 1825 ở Pétersbourg đòi lật đổ Nga hoàng Nicolas đệ-nhất mà đưa hoàng huynh, đại hầu-tước Constantin lên ngôi để thực hiện nhiều cải cách tự-do. Phong-trào bị đàn áp dữ dội : một số bị xử tử, một số bị đày qua Sibérie. Năm 1865 Nicolas đệ-nhất mất. Alexandre đệ-nhị lên ngôi, ân xá cho họ. Hai thi sĩ nổi danh Pouchkine và Nekrassov làm thơ ca tụng vợ các

tội nhân đã bỏ cuộc đời êm đềm xa hoa ở nhà mà theo chồng trong cuộc đời lưu đày. Tolstoï cũng ngưỡng mộ các nhà cách mạng đó, muốn chép lại chuyện cho họ. Nhưng khi tìm hiểu đời của họ thì thấy có người đã dự chiến-dịch 1812 trong đạo quân chánh quy hoặc đạo quân du kích như Nicolas và Petia Rostov (1), rồi năm 1813 cùng với đạo quân Đồng-minh, tiến vào Paris, được biết những tư-tưởng cách-mạng của Pháp, xã-hội tương đối tự do của Pháp, nên sau khi về nước, nảy ra ý đòi những cải-cách cho quê hương. Vậy muốn vạch được sự biến chuyển trong tâm hồn họ, phải trở lui lên tới thời 1812 - 1814. Ông đã viết được vài chương rồi bỏ dở.

Ông nghĩ mở đầu truyện từ năm 1812, từ cuộc lui binh tai hại của quân đội Pháp thì vô lý. Phải giảng tại sao họ thua, và trước khi thua họ đã thắng, vậy phải trở lui lên nữa, tới năm 1807, 1805. Thế là ông bỏ đề tài *Các người tháng Chạp* và tính viết một truyện dài hơn nhiều, bao quát cả một thời đại rục rịch, gồm nhiều biến cố lớn lao nhất trong lịch sử Nga.

Tháng 2 năm 1863, ông ghi trong *Nhật ký* : « *Những kẻ khốn nạn* (1) mạnh mẽ ». André Maurois, trong cuốn *Lecture, mon doux plaisir*-Arthème Fayard-1957, cho rằng chính tác-phẩm đó của Victor Hugo đã gợi cho Tolstoï viết một truyện tràng giang có tính cách lịch-sử mà xen những suy luận triết-lý.

Có thể như vậy được lắm. Điều chắc

(1) Nhân vật trong *Chiến tranh và Hòa bình*.

(1) Truyện dài của Victor Hugo : *Les misérables*

chấn là suốt mùa đông 1863-64, ông tìm hiểu thời-đại mà ông muốn làm sống lại 1805-1812. Nhạc phụ của ông - Bác-sĩ Bers — gởi cho ông nhiều tài-liệu quý ở Moscou, và chính ông cũng mua tất cả những cuốn liên quan tới những chiến tranh của Napoléon và với Napoléon: Mikhailovsky-Danilovsky, Bogdanovitch, Jikharev, Glinka, Davydov Liprandi, Korf; cả *Những tài-liệu lịch sử về người Pháp ở Moscou năm 1812, Hồi ký chiến tranh của một pháo thủ, Thư từ ngoại giao của Joseph de Maistre, Bút-ký của Marmont... Lịch-sử đời Tổng-tài và Đế-chính của Thiers, v.v...* Trong một bức thư cho bạn thân là Fet vào cuối năm 1864, Tolstoi bảo công việc « cày sâu để sửa soạn đất mà gieo hạt » đó cực nhọc vô cùng « phải trừ hoạch kết hợp cả triệu dự-định rồi mới lựa được một ».

Ngay trong khi viết, kiếm thêm được tài liệu nào thú vị ông cũng tìm cách đem vô truyện. Như tháng 11 năm 1866, có người mách ở Viện tàng cổ Roumiantzev có nhiều tài liệu viết tay ly kỳ về hội Tam-Điểm, ông tới đó ghi chép rồi cho Pierre Bézoukhov thành một hội viên Tam-Điểm.

Mới đầu ông dùng nhan đề *Năm 1805*. Cuối năm 1864 viết xong phần thứ nhất quyển I, ông gởi đăng lần lần trên tờ *Thông-tin Nga*, nhưng năm 1866, ông thấy rằng một truyện dài như vậy đăng từng đoạn ngắn trên báo, độc giả không hiểu hết ý nghĩa và giá trị, mà phê bình lăm lăm nên nghe lời bà, ông ngưng đăng báo mà cho in thành sách.

Trọn bộ gồm sáu cuốn, in làm 4.800 bản. Ông bỏ vốn ra in, để cho nhà xuất bản 10% giá bán, để cho các nhà sách 20% huê hồng, còn bao nhiêu về ông. Từ đó ông vừa viết tiếp vừa sửa lại

những phần đã đăng báo. Nhà xuất bản có nhiệm vụ sửa ấn cảo và sửa cả những chỗ « dùng chữ sai hoặc sai ngữ pháp ».

Nhan đề *Năm 1805* không hợp nữa vì truyện kéo dài tới sau 1812. (1) Ông đã tính đổi ra là: *Cái gì chung cục mà tốt thì là tốt*. Như vậy có vẻ nên thơ, khả ái, như một tiểu thuyết Anh. Nhưng rồi ông bỗng nhớ tên nhan đề một tập triết lý của Proudhon mà ông rất thích, tập: *Chiến tranh và Hòa bình*, và ông mượn ngay nhan đề này.

Chỉ trong có mấy ngày bán hết 4800 cuốn lần sơ bản. Ông hối hả viết tiếp cho mau xong và cuối năm 1869, cuốn cuối tức cuốn thứ sáu ra mắt độc giả.

Ông được hoan nghênh nhiệt liệt. Các nhà phê bình khen là « tuyệt », « hoàn toàn Nga », « vĩ đại nhất trong văn học Nga »; có người gọi ông là « con sư tử » hoặc « con voi » trên văn đàn Nga. Strakhov, một nhà phê bình có danh thời đó, sau này thành bạn thân của ông, viết trên tờ *Bình minh*: « To lớn làm sao, mà cân xứng làm sao ! Không một văn học nào có một tác phẩm giống như vậy được. Cả ngàn nhân vật, cả ngàn cảnh những phạm vi trong chính quyền và trong đời tư, lịch sử, chiến tranh, tất cả những cái ghê tởm có thể có trên trái đất, tất cả các thị dục, tất cả các giây phút của đời con người, từ tiếng oa-oa chào đời của một đứa bé tới cái luồng cảm xúc cuối cùng của một ông lão hấp hối... Vậy mà không một nhân vật nào che lấp một nhân vật nào, không một cảnh, một ấn tượng nào làm hại một cảnh, một ấn tượng nào, cái gì cũng

(1) Tới 1820, nhưng từ 1812 đến 1820, thuộc phần *Chung cục*, truyện rất sơ lược.

sáng sửa điều hòa trong các bộ phận cũng như trong toàn thể.»

Lời của Strakhov cũng hơi quá. Sự thực tác phẩm không được hoàn toàn. Ngay từ lúc đầu mới đăng báo, đã có nhiều người trách tác giả, trong một tiểu thuyết Nga mà cho nhiều nhân vật nói tiếng Pháp, nhất là cho xen vào truyện nhiều đoạn nghị luận lạc đề. Càng tới gần cuối bộ những chương bàn về triết lý càng nhiều, lời trách lại càng mạnh.

Về điểm thứ nhất — cho nhân vật nói tiếng Pháp — tác giả giữ chủ trương của mình và trình bày lý do tại sao trong bài « Vài lời về cuốn Chiến tranh và Hòa bình »

Về điểm thứ nhì, ông nhận rằng lời trách của độc giả có lý, cho nên lần in thứ ba, ông bỏ hết những chương bàn về triết lý ở đầu mỗi phần. Ông đưa những chương về lý thuyết quân sự xuống cuối sách, thành phần phụ lục; và những đoạn tiếng Pháp mà dài quá thì ông dịch ra tiếng Nga. Sáu cuốn sắp lại thành bốn cuốn.

Lần in thứ tư, năm 1880, cũng giữ hình thức đó.

Nhưng năm 1886, lần in thứ năm, bà Tolstoi và Strakhov nhận thấy rằng cắt bỏ và dời các chương đi như vậy có hại cho tác phẩm, làm mất sự liên lạc, vì vậy trở lại hình

thức thứ nhất, lập lại các đoạn tiếng Pháp, mà chỉ giữ cách phân làm bốn cuốn trong lần in thứ ba và thứ tư thôi.

Trong đời tác giả, *Chiến-tranh và Hòa-bình* còn được in thêm bốn lần nữa, những lần này đại thể như lần thứ năm, chỉ khác có lần bỏ bớt những đoạn tiếng Pháp, có lần giữ đủ. Tolstoi mắc nhiều việc khác, không có thì giờ sửa chữa lại nữa, và để mặc cho bà và nhà xuất-bản in sao thì in, sửa sao thì sửa.

Có nhiều chỗ sai, như về tên của Denisov (khi là Dmitrievitch, khi là Fiodorovitch); về tuổi của Natacha, Vera; về tuổi của chủ quán Ferapontov; về ảnh thánh mà cô Marie tặng anh là André. vân vân... Mặc dầu Tolstoi đã sửa kỹ bản thảo có chỗ 15 lần, làm cho các người chép lại bản thảo và thợ sắp chữ phải ngán, nhưng trong khi hăng say viết, ông không thể nào nhớ hết các tiểu tiết được, và khi viết xong rồi thì ông không quan tâm tới nó nữa, thậm chí cho phép nhà xuất bản tự ý sửa văn của mình nữa, trái hẳn thái độ của ông khi mới đăng tác phẩm đầu tay: *Tuổi thơ*. Ông biết rằng tác phẩm thật phi thường, những sơ sót lặt vặt không thể làm hại nó được.

(Còn tiếp)

NGUYỄN HIẾN LÊ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số: 2.701, THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

NOBEL KHOA-HỌC 1958

Vật lý học	:	<i>Giáo sư Luis Alvarez.</i>
Vật hóa học	:	<i>Giáo sư Lars Onsager.</i>
Sinh lý và Y học	:	<i>Giáo sư Marshall Nirenberg, Giáo sư Har Gabind Khorana, Giáo sư Robert Holley.</i>

Đặc biệt của các giải Nobel khoa học năm nay : những khảo-cứu-viên được giải đều là người Hoa-kỳ hoặc hiện nay làm việc tại Hoa-kỳ. Còn về đề tài khảo cứu thì chỉ có công tác của ba nhà bác học được giải sinh lý và y học là được công chúng biết đến ít nhiều vì đụng chạm đến bộ máy ám hiệu di truyền và những axit nuclêic mà các khám phá mới lạ những năm gần đây đã vượt ra khỏi phòng thí nghiệm để được phổ biến qua nhiều báo chí. Hai giải vật lý và hóa học thì trái lại đã thưởng cho hai giáo sư mà, công tác tuy rất quan trọng, chỉ được những chuyên gia tham hiểu vấn đề chú ý đến : những trạng thái công-hưởng tìm ra được nhờ hoàn hảo phòng bóng và những khám phá căn bản về các trạng thái một chiều trong môn nhiệt-động-học.

Ông Alvarez sinh năm 1911 tại San-Francisco. Ông học ở Chicago rồi qua làm ở viện đại học Californie tại Berkeley từ năm 1936. Năm 1945, sau chín năm làm khảo-cứu-viên và giảng-sư, ông được bổ làm giáo sư. Từ năm 1954, ông làm phó giám đốc phòng thí nghiệm Lawrence Radiation rồi qua năm 1959 thì thành giám đốc. Ông đã được thưởng nhiều giải như Huy chương Einstein (1961), Huy chương quốc gia khoa học (1964). Bắt đầu từ năm nay ông lại còn là phó chủ tịch Hội vật lý học Hoa-kỳ.

Ông Onsager sinh năm 1903 tại Oslo bên Na-uy. Ông bắt đầu học tại Na-uy sau qua Thụy-sĩ và cuối cùng đậu tiến sĩ năm 1935 tại Viện đại học Yale. Qua Hoa-kỳ từ năm 1928 và chọn quốc tịch Hoa-kỳ từ năm 1945, ông Onsager đã dạy học ở nhiều Viện đại học : John-Hopkins, Brown University (1929-1933), Yale (1933-1945) Sau thế chiến ông qua dạy ở Cambridge bên Anh rồi trở về lại Yale. Ông cũng đã được thưởng nhiều giải như Huy chương Lorentz (1958), Huy chương John G.Kirkwood (1962), giải Debye (1965). Ông là nhân viên của nhiều Viện đại học Hoa-kỳ, Na-uy và Viện Hàn-lâm Thụy-điền.

Ông Nirenberg sinh năm 1927 tại New-York. Ông học ở các Viện đại học Floride và Michigan và đậu tiến sĩ năm 1957. Ông khảo cứu ở Viện quốc gia các bệnh tác dụng biến-thể và phong-thấp đến năm 1962 thì dời qua điều khiển Phân khoa di-tính-sinh-hóa học ở National Heart Institute ở Bethesda cho đến nay.

Ông Khorana sinh năm 1922 tại Raipur bên Ấn-độ. Ông học ở Ấn-độ rồi tiếp tục ở Liverpool. Lúc ban đầu ông làm phụ khảo ở bên Thụy-sĩ rồi qua Cambridge và năm 1960 được bổ làm ở Viện khảo cứu giếu-tổ thuộc Viện đại học Wisconsin.

Ông Holley cũng sinh năm 1922 tại Urbana, tiểu bang Illinois. Tốt nghiệp năm 1942 tại Viện đại học Illinois, ông được bổ làm tại Phân khoa sinh hóa học và sinh vật phân tử học tại Viện đại học Cornell. Nay ông điều khiển phân khoa ấy. Ông đã được giải Lasker năm 1965 nhờ đã khảo cứu về các axit nucleic.

Alvarez và những hiện tượng mau lẹ

Từ ngày nguyên tử được bắn nức, khái niệm vật chất chỉ do ba cấu tố: dương tử (proton), trung hòa tử (neutron) và điện tử (electron) lập thành dần dần bị hủy phá vì với những máy móc tối tân để chế tạo cũng như để tìm dò ngày càng hùng mạnh và tinh vi, người ta đã khám phá ra được vô số hạt vật chất mới. Nhưng những hạt vật chất không dễ gì thấy được vì chúng rất nhỏ; hơn nữa những hạt vật chất cộng-hưởng còn là những trạng thái bất ổn, hiện ra trong khoảng 10^{-23} giây (1) nên máy móc phải thật hoàn hảo mới theo dõi được chúng.

Năm 1952, một nhà vật lý học, D. Glaser, đã nghĩ ra được một chiếc máy để « săn » các hạt vật chất kia. Máy này gọi là phòng bóng (Chambre à bulles) hay phòng iông (Chambre d'ionisation). Năm 1960 ông ta đã được thưởng giải Nobel vật lý học nhờ đã tìm ra được nguyên tắc chiếc máy ấy. Phòng bóng không phải chế ra để thấy

hay bắt những hạt vật chất từ máy gia tốc cấu tạo ra vì các hạt vật chất vừa chạy lạnh vừa sống ngắn, mà chỉ để theo dõi dấu vết khi chúng vượt ngang qua phòng. Nguyên tắc là cho chứa đựng trong phòng một loại khí, khi hạt vật chất vượt qua rất lạnh thì giật những điện tử của các nguyên tử khí ra, biến các nguyên tử ấy thành iông. Các iông này tự động lại thành bóng trên đường hạt vật chất vừa băng qua. Chỉ còn việc chụp hình những đường bóng ấy là suy ra được đặc điểm của hạt vật chất. Hiện tượng này tương tự như khi chiếc máy bay phản lực liệng qua trên trời cao: lắm lúc ta chẳng thấy máy bay nhưng nếu thấy được một vết trắng dài trên nền trời xanh thẫm thì ta đoán biết một chiếc máy bay đang vượt qua. Giả thử mỗi loại máy bay để lại một vết trắng khác nhau (to, nhỏ, dài, ngắn, trắng ít, trắng nhiều...) thì người quen nhìn cũng đoán biết được máy bay loại nào.

(1) 10^{-23} là $1/10^{23}$; 10^{23} là con số 1 theo sau 23 con số 0.



Luis Alvarez

Lars Onsager

Nhưng từ nguyên tắc của ông Glaser cho đến lúc hoàn thành được chiếc máy còn cần phải vượt qua biết bao khó khăn từ các kỹ thuật chế lạnh, làm không cho đến các phương pháp điện từ học. Ngoài ra chụp hình một đường bóng đầu vạch mắt, thức biệt được hạt vật chất mà phải chụp bằng ngàn, bằng vạn, có khi bằng ức cái hình và công cuộc khai thác số lớn các hình ấy lại là một vấn đề nan giải khác.

Ngày nay phòng bóng đã được hoàn hảo và nhờ đấy người ta đã khám phá ra được biết bao các hạt vật chất, nhiều đến nỗi người ta phải kiếm cách phân hạng, kê chia và cố tìm thử chúng có phải do một vài mảnh cấu-bản nào còn nhỏ hơn đã hợp lại mà làm thành! Trong số những người đầu tiên có công chế biến để cho phòng bóng đạt đến kết quả ngày nay có tên ông Alvarez. Ông đã quen dò tìm những hiện tượng vô cùng mau lẹ như những trạng thái cộng-hưởng, chỉ hiện ra trong khoảng khắc chớp nhoáng, thời gian «sống» quá sức ngắn ngủi cho nên sự hiện hữu của chúng chưa được toàn

thể các nhà vật lý học chấp nhận. Lẽ dĩ nhiên môn vật lý học tiến bước được nhanh nhờ những lý thuyết khéo léo xây dựng trên những lập luận hợp lý, nhưng cũng nhờ những máy móc dụng cụ ngày càng tinh xảo để có thể sông sâu vào vật chất, đo lường từng phần tỷ gam, theo dõi từng phần tỷ giây, kiểm tra từng phần tỷ ly.

Ở cơ quan Lawrence Radiation Laboratory, ông Alvarez đã là một khảo-cứu-viên khéo léo, một nhà thực-nghiệm thiên nghệ, thành công trong mọi lãnh vực. Trong thế chiến trước, ông đã là một kỹ sư tài tình, chuyên môn trong ngành dùng radar cho hạ máy bay bất cứ ở thời tiết nào. Sau đấy, ở Los Alamos, ông đã cộng tác khảo cứu về bom nguyên tử. Gần đây, ông lại còn thiết lập một chương trình rất táo bạo để chiếu quang tuyến các kim-tự-tháp ở Ai-Cập: công tác đã bắt đầu và hiện người ta đang khai thác những kết quả đầu tiên.

Những người như giáo sư Alvarez thật cần thiết cho cuộc phát triển kỹ thuật và do đấy cho cả cuộc phát triển khoa học.

Onsager và cuộc tìm hiểu con người.

Trái với ông Alvarez, ông Onsager là một nhà lý thuyết chuyên môn về nhiệt-động-học. Môn nhiệt-động-học khảo cứu những trao đổi nhiệt, điện, vật chất qua những năng-thông (flux d'énergie). Từ thế kỷ trước, với môn nhiệt-động-học cổ điển, người ta chỉ xem xét những hệ thống thăng bằng, nghĩa là những trao đổi kia chỉ là những dao động thuận nghịch (oscillation réversible) quanh một thể quân bình. Nhưng một hệ thống thăng bằng là một hệ thống tĩnh học, không biến chuyển, cho nên có thể bảo môn học ấy là môn nhiệt-tĩnh-học (thermostatique), chứ không phải nhiệt-động-học (thermodynamique).

Một hệ thống không thăng bằng ắt là phải có tính động lực vì nó phải luôn biến chuyển để tìm thể quân bình. Kết cấu là hệ thống đạt đến một trạng thái hỗn độn, năng lượng sút kém. Trong thực tế, người ta có cách cho hệ thống không thành thăng bằng để luôn duy trì những trao đổi nói trên: đấy là trạng thái một chiều (état irréversible) và đấy mới chính là động-học.

Công trạng của ông Onsager là đã khảo cứu những hệ thống mất quân bình, những tiến triển một chiều kia. Tuy qua năm 1935 mới đậu tiến sĩ, nhưng từ năm 1931 ông đã đặt những nền tảng về những liên quan hỗ-tương trong những hệ-thống một chiều, sau này được gọi là liên quan Onsager. Gần đây, những nhà chuyên môn mới nhận thấy tầm quan trọng của những khám phá của ông.

Tuy là một lý thuyết vật-lý-học, những khám phá của ông Onsager trong môn nhiệt-động-học các tiến triển một

chiều đã được các nhà hóa học và sinh-vật-học chú-ý đến. Trong một cuộc phân tích các chất đồng-vị bằng phương pháp khuếch-tán hơi khí (diffusion gazeuse) cũng như trong cơ thể các sinh vật, cuộc trao đổi qua các bức màng là động tác chính của mọi phản ứng. Vì vậy rồi đây ngành điện-hóa-học cũng như ngành sinh-vật-tế-bào-học sẽ dựa lên công tác của ông Onsager để tiếp tục những khảo cứu đã bắt đầu.

Nhìn về mặt vật-lý và hóa-học, cơ thể con người chỉ là một hệ thống các bức màng luôn luôn bảo tồn những trạng thái mất quân bình để duy trì những trao đổi sinh vật học. Vì vậy những khám phá của ông Onsager có liên quan đến cuộc tìm hiểu con người. Khảo cứu về vật lý học, được giải Nobel vật-hóa-học, giáo sư Onsager sẽ giúp các nhà sinh-vật-học tiến bước trong công cuộc khơi tìm những bí mật của Tạo hóa. Riêng về con người, giải Nobel vật-hóa-học năm nay tặng cho ông Onsager không phải là tình cờ vì còn ba nhà bác học nữa lại được giải sinh lý và y học nhờ đã khảo cứu về axit nuclêic là căn bản của mọi tế bào sống. Nhìn lại trong khoảng mười năm vừa qua, Hội đồng phát giải Nobel đã thưởng luôn mười bốn khảo-cứu-viên chuyên lo học hỏi về đời sống.

Trong lúc có người hướng mắt về vũ trụ bao la, nhiều chuyên gia đã mò mẫm ở tế bào nhỏ bé: khoa học ngày nay thật đã không bỏ qua một phương diện nào.

Nirenberg, Khorana, Holley và những axit nuclêic.

Ba nhà bác học này tuy làm việc



Nirenberg

Holley

Khorana

riêng biệt nhau đã cùng nhằm một mục đích : tìm hiểu bộ ám hiệu di truyền của các axit nuclêic tức là tìm hiểu vì sao người sinh ra người, vì sao con giống cha là một hiện tượng khéo léo của Tạo-hóa.

Xin nhắc lại sơ qua cách vận dụng của bộ ám hiệu di truyền Trong cơ thể ta cũng như trong cơ thể mọi động vật, ở mỗi nhân tế bào, tất cả các tài liệu di tính cần dùng cho cuộc sinh sản đều gom góp trong những sợi nhiễm-sắc thể thành một phân tử axit nuclêic khổng lồ gọi là ADN. Khi cần phải sinh sản từ nhân tế bào một phân tử axit nuclêic khác, nhỏ hơn gọi là ARN liên lạc, chạy đến cơ quan đảm nhiệm cuộc sinh sản là ribôôm để truyền lệnh và trao chương trình chế tạo đã thiết lập trong ADN. Muốn chế tạo cần phải có vật liệu. Một axit nuclêic khác, gọi là ARN chuyển nhượng, chạy đi tìm và đem về những axit amin là những vật liệu cần để chế tạo ra prôtêin.

Trong sinh vật có tất cả là hai mươi axit amin. Vậy những prôtêin khác nhau một đấng ở công-thức hóa học, một đấng ở cách sắp đặt các axit amin này trong phân tử. Người ta có thể ví hai

mươi axit amin như hai mươi chữ cái. Dem những chữ cái này sắp đặt với nhau, theo những thứ tự khác nhau, khi nhiều, khi ít, khi ngược, khi xuôi, thì được vô số chữ, câu : như vậy, danh từ prôtêin thật là phong phú. Đấng khác, phân tử ADN trong nhân tế bào gồm có bốn đơn vị căn bản gọi là nuclêôtit sắp lại từng bộ ba và cách sắp đặt này chỉ định vị trí của axit amin sẽ dính vào trong lúc chế tạo prôtêin. Đây là nguyên tắc tóm lược của bộ ám hiệu di truyền.

Công trạng của ông Nirenberg là năm 1961 đã thực hiện một thí nghiệm vô cùng tài tình dẫn đầu cho mọi khảo cứu sau này trong môn di-tính-học : ông đã thành công dùng một ARN liên lạc nhân tạo thay thế cho ARN liên lạc trong tế bào. Chiếc ARN nhân tạo của ông là một axit nuclêic đặc biệt chỉ có một nuclêôtit (chứ không phải bốn như đã thấy ở trên) lắp dính với nhau thành một phân - tử lớn gọi là poly-U (U là do uracil mà ra, tên của nuclêôtit độc nhất trong chiếc ARN nhân tạo). Vì chiếc ARN đặc biệt như vậy nên tế bào đã chế ra một prôtêin

cũng đặc biệt chỉ gồm có một axit mà thôi ! Lẽ tất nhiên prôtêin này không có trong thiên nhiên. Khảo cứu trên prôtêin này, ông Nirenberg đã khám phá ra được phải cần gấp ba nuclêôtit so với axit amin ; đấng khác ông lại chứng minh được bộ ba nuclêôtit thật đã chỉ định axit amin dinh vào.

Sau thí nghiệm này, ông Nirenberg đã tiếp tục khảo cứu thêm về liên quan giữa những nuclêôtit và axit amin có thể dính kết với nhau theo sáu mươi bốn cách phối hợp. Người ta bảo ông đã đặt nền móng cho « văn phạm » bộ ám hiệu di truyền trong một ngữ pháp mà bản mẫu tự gồm có hai mươi chữ cái đã nói ở trên.

Ông Khorana cũng chuyên môn về axit nuclêic nhưng bên mặt hóa học hữu cơ. Ông thành công chế tạo ra được nhiều axit nuclêic nhân tạo với những nuclêôtit khác nhau. Nhờ vậy

ông đã chứng minh được đề nghị của ông Nirenberg và gom góp dẫn chứng để kết luận tinh chất bao quát của bộ ám hiệu di truyền có thể áp dụng cho bất cứ sinh vật nào.

Bên phần Holley thì ông đã phân tích một chiếc ARN. khảo cứu từng đơn vị nuclêôtit và thiết lập hình thức của nó. Ông là người đầu tiên đã xác định được cấu tạo của một phân tử lớn. Theo sau công tác của ông, nhiều kỹ thuật đã nhanh chóng ra đời và người ta hy vọng rồi đây xác định được hạt di truyền đã chi phối sự tổng hợp chiếc ARN chuyên nhượng và chế tạo nó.

Mỗi người một địa hạt, cả ba giáo sư đều đã góp phần lớn vào công việc tìm hiểu cơ chế di truyền và tuy các công tác đang vào lúc ban đầu cũng đã mở rộng đường cho mọi khảo cứu sau này.

VÕ-QUANG YẾN.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 120/DT/CCDP

**NÓ ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐANG TIN CẬY :**

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
ĐT. 20.267

**SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA**

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Bao vây cho thường dân chết đói có thể coi là một khí giới chiến tranh không ?

VỤ BIAFRA

● V Û - B A O

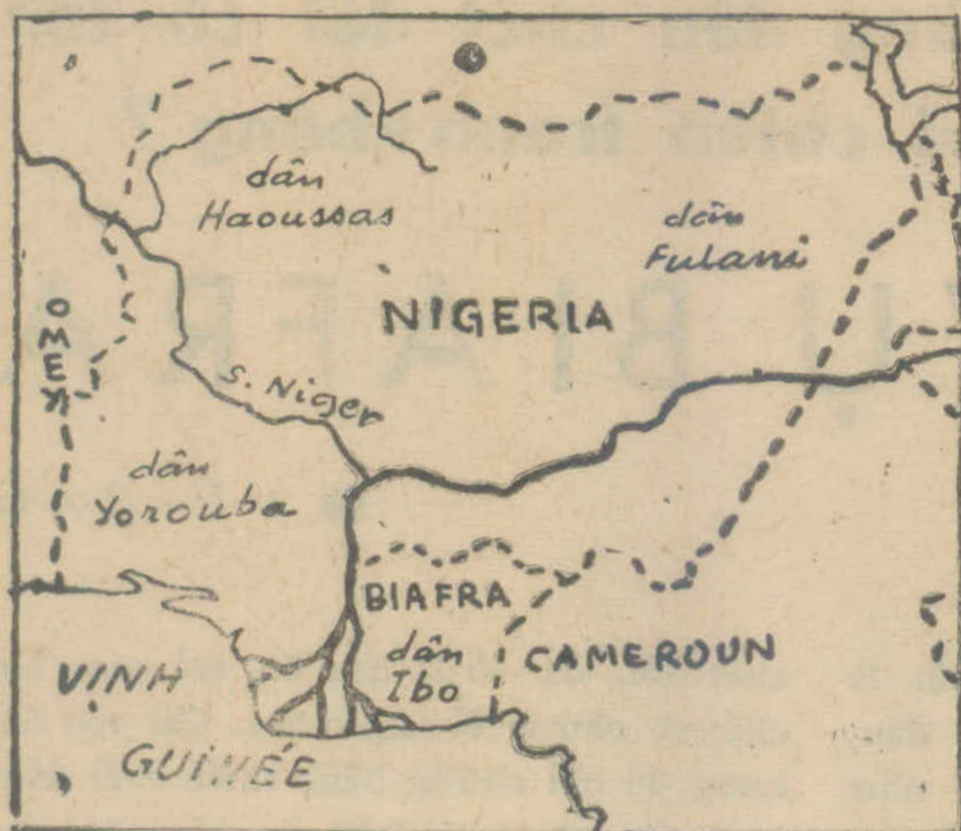
Thế giới chúng ta đang sống thật là kỳ cục. Có những chuyện không đâu, chẳng đáng để dư luận chú ý như chuyện Tổng Thống Johnson kéo tai con chó để cho nó uống vitamine thì người này rên rỉ kêu lên là tàn ác, kẻ khác đánh điện phản đối là tệ xử với súc vật. Trong khi đó tại Nigeria từ một năm rưỡi nay, quân đội chính phủ đang xiết chặt vòng vây tiêu diệt bộ lạc thiểu số Ibo ở Biafra, khiến cho mỗi ngày từ 3.000 đến 6.000 thường dân lăn ra chết đói thì lương tâm thế giới vẫn yên ổn như thường. Cả đến nhà đại bác-ái U Thant, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc cũng hãy còn bận kêu gọi Hoa Kỳ ngưng ném bom Bắc-Việt nên chưa kịp nghĩ gióng lên tiếng nói nhân đức của ngài cho hàng triệu dạ dày lép kẹp.

Vụ Biafra quả thực là một thảm kịch của Phi châu ngày nay. Nếu chỉ kể số người chết trên trận địa thì khôn khổ cuộc chiến chưa tới kích thước chiến tranh ở Việt Nam. Từ ngày khởi đầu tới nay hai bên mới có chừng trên 20.000 chiến sĩ hy sinh.

Nhưng nếu kể số thường dân đã chết vì bị phong tỏa lương thực, thì tại Biafra đã có khoảng 2 triệu người

chết đói, đa số là đàn bà, trẻ con. Họ chết vì chứng Kwashiorkor. Cái tên hãi hùng đó chỉ chứng bệnh thiếu chất đạm-bạch là các loại thức ăn hết sức cần thiết cho cơ thể. Kwashiorkor nghĩa là đầu tiên ngực và tay gầy đét tận xương, bụng chướng phình ra, chân phù thũng. Đến giai đoạn hai thì Kwashiorkor nghĩa là da nứt ra và mụn lở loét đầy người. Lúc đó dạ dày và ruột mỏng lại như tờ giấy cuộn thuốc lá và không còn cách gì cứu chữa được. Có bày hàng mâm trứng, sữa, thịt, cá trước mặt, người bị Kwashiorkor cũng không còn sức ghi những hình ảnh ấm lòng đó vào đôi mắt đục mờ của họ. Đến giai đoạn ba và giai đoạn chót, Kwashiorkor làm cho tóc trắng xoá và một đứa trẻ chết vì Kwashiorkor vẫn có thể tự an ủi là nó đã cũng như ai sống từ thuở trắng răng đến buổi bạc đầu.

Có những tạp chí đăng các hình ảnh phóng viên mang từ Biafra về mà phải xin lỗi độc giả trước vì sự thực được phô bày quá sức kinh hoàng. Nhưng vẫn chưa có một hành động nào cụ thể chấm dứt thảm kịch của Biafra. Có những đứa trẻ của xứ này ngồi bên lửa bếp, chờ bữa ăn không bao giờ tới đã đói đến mức không còn biết đau, gục đầu vào đồng lửa mà chết,



Bản đồ Nigeria và Biafra



Em bé Biafra với chứng bệnh Kwashiorkor

không cảm thấy cả da thịt mình đang cháy sèo sèo. Và cả vùng Biafra phảng phất mùi thịt người rữa ra vừa thối thối mà lại vừa ngòn ngọt.

Câu chuyện giữa Nigeria và Biafra là câu chuyện của một thuộc địa mới được độc lập.

Ngày 1 tháng 10 năm 1960, lá cờ Anh được kéo xuống, gấp lại trao trả cho quan toàn quyền John Macpherson. Trong niềm hân hoan mới dành được độc lập, Nigeria nhìn về tương lai thấy mở ra cả một chân trời hứa hẹn.

Nigeria đông dân cư nhất châu Phi chính thể vững vàng, kinh tế phồn thịnh. Bốn năm trước ngày độc lập, người ta tự nhiên đào thấy những giếng dầu hoá quan trọng đưa Nigeria vào đứng hàng thứ 13 trong danh sách các nước sản xuất dầu hỏa nhiều nhất thế giới.

Tất cả những yếu tố thuận lợi đó đã không giúp Nigeria duy trì được sự thống nhất của mình. Như một giòng định mệnh, con sông Niger vắt vẻo trên xứ này với 3 nhánh giống

một chữ Y không lồ chia Nigeria ra làm 3 khu vực. Miền Bắc là miền rộng nhất, 4 phần 5 đất đai và một nửa dân số gồm các sắc dân Haoussa và Fulani theo Hồi giáo. Miền Tây Nam là miền của dân Yorouba quanh năm vui sống tế hát với 400 vị thần linh. Miền Đông Nam là miền của dân Ibo.

Khi người Anh mới đặt chân lên Nigeria thì dân Ibo là một sắc dân lạc hậu nhất tỉnh thoảng còn đưa cay với những món nhậu thịt người. Nhưng trong phong tục của họ, có những nét đặc biệt khiến họ đã thấm nhận mau chóng ảnh hưởng Tây Phương để trở nên một sắc dân thông minh và cương nghị nhất châu Phi. Khác hẳn với các bộ lạc khác, họ không có những tù trưởng. Mỗi làng được cai quản do một hội đồng gồm những người có khả năng nhất do dân làng bầu ra. Người chết mang đi tất cả danh phận của mình, không có chuyện cha truyền con nối, chỉ có sự lãnh đạo của những kẻ có tài.

Các nhà truyền giáo, các giáo sư, các kỹ sư, chuyên gia người Anh đã tìm thấy ở dân Ibo những người học trò lỗi lạc. Họ học đủ các môn chính trị kinh tế, khoa học, kỹ thuật. Trong mỗi làng dân chúng gón tiền lại rồi chọn đưa trẻ nào xuất sắc nhất gửi sang Anh Mỹ du học tại các đại học nổi tiếng như Oxford, Harvard. Những trẻ ở nhà thi đua nhau nhai nghiền sách vở, ngốn nuốt các kiến thức, góp nhặt, bắt chước, sáng tạo và trước khi xảy ra cuộc phân tranh hiện nay dân Ibo đã có tới 300 trường trung học, 2 trường Đại học, 600 kỹ sư, 500 bác sĩ, hai phần ba nhân viên hỏa xa của Nigeria, và ba phần tư các nhà vận tải.

Đã thế họ lại còn phân tỏa ra các ngành, các vùng khác, một người làm ăn khấm khá là kéo bà con anh em lên gây dựng lẫn cho nhau. Và cứ cái đà đó dân Ibo dần dần chiếm hầu hết các địa vị then chốt trong chính quyền, quân đội, các giới ngân hàng và doanh thương.

Cái sức xâm lấn đó khiến cho các sắc dân kia rất khó chịu nhất là khi người Anh đi rồi thì cái ưu thế của người Ibo càng rõ rệt.

Cuộc khủng hoảng đầu tiên xảy ra 3 năm sau khi thu hồi độc lập, khi người ta kiểm tra lại dân số để tổ chức bầu cử. Việc kiểm tra này có một tầm quan trọng đặc biệt vì miền nào càng nhiều dân số lại càng có nhiều ghế trong quốc hội liên bang và sẽ nắm được quyền kiểm soát trên toàn lãnh thổ. Không biết cuộc kiểm tra được thực hiện như thế nào mà miền Bắc của các sắc dân Hồi giáo cách đó hai năm mới có 35 triệu dân bằng nhay



Đại-tá Ojukwu

vọt lên tới 56 triệu trong khi miền Đông Nam của dân Ibo chỉ có 12 triệu (Dân miền Bắc còn cho số 12 triệu này vẫn là con số ăn gian vì thực ra miền Biafra của dân Ibo chỉ có 8 triệu dân). Chúng ta cứ cho là số 12 triệu của miền Nam có hơi lạc quan đi nhưng khi mà con số của miền Bắc được thổi phồng tới 56 triệu, thì sự phẫn nộ của dân Ibo cũng rất là dễ hiểu. Việc tách rời miền Biafra ra khỏi Nigeria mạnh nha từ đó.

Đến ngày 15 tháng giêng 1966, lại xảy ra một cuộc đảo chánh. Phe quân nhân chán ngán vì nạn hối lộ thối nát, nổi dậy giết chết Thủ Tướng Balewa để nắm chính quyền. Nếu chỉ có vậy thì cũng chưa tai hại. Điều tai hại là Balewa là người miền Bắc theo Hồi giáo và cuộc đảo chánh lại do 5 sĩ quan Ibo của miền Nam chủ xướng. Tổng tham mưu trưởng quân đội, tướng Ironsi lên cầm quyền và Ironsi cũng là dân Ibo. Cuộc mâu thuẫn càng trở nên sâu sắc.

Ngày 29 tháng năm 1966, người Hồi

giáo phục thù. Họ đi lùng bắt dân Ibo, rồi mổ bụng, khoét mắt, chặt củi đốt. Một tháng sau đó, một trại lính nổi loạn giết chết 200 sĩ quan Ibo. Họ kéo vào dinh tướng Ironsi lời ông ta ra bắn chết. Một trung tá 34 tuổi lên đài phát thanh tuyên bố: «Kể từ ngày hôm nay, tôi, Yakubu Gowon lên nắm chính quyền».

Gowon là người Hồi giáo miền Bắc và dân Hồi giáo được trón giết luôn một mạch 30.000 dân Ibo giữa những tiếng hét la man rợ và những bản chiến ca sôi sục của rừng rú Phi châu.

Lẽ tất nhiên dân Ibo phải lo tự vệ. Muốn sống sót họ không thể nào sống lẻ tẻ mà phải rút lui về cố thủ ở miền Đông Nam là khu vực cối rễ của họ. Lệnh tập hợp được truyền từ miệng này qua miệng khác, từ nhà nọ tới nhà kia, tất cả những dân Ibo ở rải rác khắp xứ Nigeria lục đục trở về cố quận. Họ dùng mọi phương tiện, kể lên xe lửa, người đạp xe hơi, có người chở vợ con bằng xe đạp, có người khác chỉ đi bộ đồ đạc của cải mang được thứ nào đi thì đội ở trên đầu. Người sống trở về, người chết cũng trở về: một vài gia đình đã mang theo cả đầu lâu của đứa con vừa bị dân Haoussa sát hại, đặt trong một cái thùng nhỏ vợ chồng thay nhau cắp cho đỡ mỏi.

Lệnh tập hợp vang ra tận hải ngoại những người Ibo đang sinh sống sung túc ở nước ngoài, bác sĩ hành nghề tại Luân đôn, giáo sư đang giảng dạy tại Nữ ưóc bỏ lại hết cơ nghiệp để trở về đất tổ. Sinh viên đang du học xếp bút nghiên, lên đường hồi hương chia xẻ với đồng bào những thử thách của cuộc chiến tranh tự vệ.

Linh hồn của sự kháng đối này là đại tá Ojukwu. Ông ta đã ăn học ở Luân đôn lâu năm và đã nhận được ở đây một nền học vấn mà ngay cả những nhà quyền quý Anh quốc cũng mong mỏi làm sao lo được như vậy cho con cái họ: trung học tại trường Epsom, đại học tại Oxford, cao đẳng quân sự tại Sandhurst. Năm nay Ojukwu mới 35 tuổi, đôi mắt u buồn như chứa đầy nỗi hờn của dân Ibo và râu không cạo từ ngày giữa năm 1966 để «đề tang những anh em đồng chủng bị sát hại».

Ngày 30 tháng năm 1967, trước một cử tọa cuồng nhiệt, Ojukwu tuyên bố 3 tỉnh miền Đông Nam từ nay sẽ tách rời ra khỏi xứ Nigeria và trở thành một quốc gia độc lập mang tên là Cộng hòa Biafra.

Mất Biafra là mất hết dầu lửa nên phía bên kia, quân đội Nigeria phản ứng ngay tức khắc. Hải quân phong tỏa chặt chẽ bờ biển Biafra trong khi đó bộ binh quét lần từng làng, từng làng, Họ đi tới đâu là Biafra lại một phen điêu đứng. Người Ibo bị đóng đinh vào vách tường để cho hàng loạt liên thanh khạc đạn. Có khi cả làng Ibo phải đứng xếp hàng dài cho quân đội Négeria bắn tỉa cho từng cây thịt đồ xuống. Máu Ibo chảy ra còn được người ta xoa lên mặt mình để được kéo dài cái cảm giác đê mê của sự bắn giết.

Khi đó người Ibo mới nhận thấy là họ có tất cả mọi tài năng nhưng họ không có súng đạn và thức ăn nên ngay từ buổi đầu cán cân lực lượng đã chênh lệch quá độ. Họ chỉ còn biết kêu gọi lương tri của thế giới, nếu không giúp đỡ họ đánh lại Nigeria thì ít nhất cũng

bảo đảm cho họ quyền được sinh sống theo họ lựa chọn.

Nhưng thế giới lại không nghĩ như vậy. Trước hết là Nga sô luôn luôn rình mò cơ hội để đặt vừng chân lên Phi châu đã tìm thấy ở Nigeria một dịp bằng vàng để thay thế ảnh hưởng của Anh quốc. Thế là Nigeria cần súng đạn gì để đánh quân phản loạn Biafra. Nga sô cho chở tới ngay. Lại gửi chuyên viên tới để huấn luyện quân sự. Rồi khu trục cơ Mig, rồi phóng pháo cơ Ilyouchine. Kết quả của sự viện trợ đó là cán bộ thân Nga đã nằm sẵn trong Liên Hiệp Nghiệp đoàn Nigeria gồm 300.000 đoàn viên.

Tấn Nga sô nhẩy vào, Anh quốc đâm ra lo ngại. Vì nếu để một mình Nga giúp Nigeria thì Anh sẽ mất hết cảm tình của một cựu thuộc địa, Anh sẽ mất một khách hàng quan trọng bậc nhất ở châu Phi và thứ nhất là Anh sẽ không còn quyền lợi về dầu hỏa. Thế là hàng chục chiếc tàu vận tải Anh chở sang Nigeria nào đại bác, nào liên thanh nào chiến xa, nào đạn dược.

Thành ra người Ibo là những người đã lãnh hội được sâu xa nhất văn học và kỹ thuật Anh lại bị Anh bỏ rơi vì những quyền lợi kinh tế ; xứ Biafra thiếu khí giới nhất lại không được viện trợ trong khi Nigeria vừa đông người, sẵn khí giới lại càng nhận được nhiều khí giới do sự tranh giành ảnh hưởng giữa Nga sô và Anh quốc.

Một ký giả của nhật báo Times, sau khi viếng Biafra về Luân đôn đã phải hạ bút viết : « Tôi lấy làm xấu hổ là người dân Anh. » Và Ojukwu cũng đã lên tiếng cảnh cáo : « Lịch sử sẽ không bao giờ tha thứ cho Anh quốc trong vụ Biafra ? »

Người ta có thể đặt câu hỏi : « Thế còn Phi châu nghĩ sao về vụ Biafra ? »

Thái độ của Phi châu lại càng thờ ơ lạnh lẽo. Lý do là các nhà lãnh đạo Phi châu đều gặp ở nước họ một bài toán nan giải : nước nào cũng có nhiều bộ lạc sống bên nhau và các bộ lạc này ít khi hoà thuận. Cách đây không lâu ở Congo, ông Tshombe đã tính chuyện qua phân, nay lại đến ông Ojukwu ở Nigeria. Cái bệnh tách đất sống riêng này mà thành công thì nó sẽ lan tràn ra nhiều xứ khác. Do đó phần lớn các nước Phi Châu đều thầm mong cho Nigeria sớm dẹp xong « loạn Biafra » và cái phong trào nguy hiểm của sắc dân Ibo sẽ tắt ngúm trước khi lây sang nước bên cạnh. Chỉ có 4 nước ở Phi châu đã công nhận Biafra : đó là Côte d'Ivoire, Gabon, Tanzanie và Zambie.

Chính cái thái độ thiếu thiện cảm của các nước Phi châu đối với Biafra đã làm cho Hoa kỳ dè dặt không can thiệp. Hơn nữa Hoa kỳ cũng còn đang bận rộn về vấn đề Việt-Nam và 5.000 dân Hoa kỳ còn cư ngụ trên phần đất Nigeria.

Trong cái bối cảnh đó, chiến tranh cứ tiếp diễn và vòng vây của quân đội Nigeria càng ngày càng khép chặt trên lãnh thổ Biafra. Cuối tháng 5 vừa qua hai bên cũng đã ngồi vào bàn hội nghị để nói chuyện hoà bình. Nhưng tới nay lập trường của hai bên cũng vẫn chưa tìm được chỗ để gặp nhau : bên Biafra thì đòi Nigeria phải rút quân về vị trí trước khi có chiến tranh rồi mới nói chuyện ; bên Nigeria lại đòi Biafra phải từ bỏ tư tưởng ly khai, độc lập rồi mới có thể hoà đàm.

Hầu hết các đô thị của Biafra đã bị

quân Nigeria chiếm giữ. Nhưng nữ ký giả Ida Lewis tìm gặp được đại-tá Ojukwu vẫn thấy ông ta hết sức lạc quan : « Ở Châu Phi, làng xã mới là trung tâm của đời sống dân chúng. Ngày nào bà nghe thấy nói Biafra đã bị thanh toán xong là ngày đó dân chúng Biafra đã về cố thủ ở các làng mạc và ngày đó chiến tranh mới thực sự bắt đầu ».

Những nơi Ojukwu trú đóng thường bị oanh tạc, và người ta hỏi tại sao ông ta không cho vợ con lánh nạn ra nước ngoài. Ojukwu đã trả lời : « Tại sao lại vợ tôi chứ không phải vợ người khác, tại sao lại con tôi chứ không phải con người khác ? Thượng Đế sẽ không để cho một người chỉ huy nào ở Biafra có thể có ý định rời bỏ đất này ».

Sự lạc quan của Ojukwu thực ra có duyên cớ khác : De Gaulle đã kiên quyết giúp Biafra và trong những tháng vừa qua Đại tá Ojukwu đã nhận được vài ngàn tấn khí giới đạn dược của Pháp, hỏa lực của quân đội Biafra đã thấy tăng cường lên rất nhiều.

De Gaulle không bao giờ thú nhận việc này nhưng các quan-sát viên cũng đã tìm thấy nhiều dấu hiệu để giải thích sự can thiệp đó. Trong cảnh bạc chính trị này De Gaulle không mất mát gì hết. Nếu Biafra thắng, nước Pháp sẽ có nhiều quyền lợi trên những giếng dầu. Nếu Biafra thua, nhiều lắm là Pháp sẽ chỉ phải giúp đỡ chính phủ lưu vong của Ojukwu trên đất Gabon, thuộc địa cũ của Pháp ở ngay bên cạnh Biafra. Trong cả hai trường hợp, chiến tranh sẽ kéo dài vài năm và xứ Nigeria sẽ hao mòn kinh tế không còn là một đe dọa cho khu vực ảnh hưởng Pháp tại miền Tây Phi châu. Ngoài

cái lý do đó, hình như De Gaulle lúc nào cũng tìm thấy thú-vị riêng trong việc chọc gậy gậy bánh xe khiến cho Anh Mỹ phải nhúc đầu.

Cái trò chơi của mấy cường quốc, Anh và Nga thì giúp Nigeria, Pháp giúp Biafra, cái trò chơi đó chỉ làm thường dân chết oan. Trong số 8 triệu dân của Biafra, 2 triệu người đã chết đói rồi, 2 triệu người nữa đang ngoắc ngoải. Những người còn sống mỗi ngày chỉ nhận được một phần nhỏ số thực phẩm cần dùng. Nhiều tổ chức quốc tế đang tổ chức những cầu hàng không chở thực phẩm cho dân Biafra, nhưng dầu có nhận được đồ tiếp tế, nếu vội ăn ngay cho đầy bụng họ cũng sẽ chết như thường vì đã lâu dạ dày chưa làm quen với thức ăn.

Trong khi đó, bên Nigeria thì đang lớn tiếng tố cáo những « hành động sát nhân » của các tổ chức cứu trợ quốc tế, đã giúp lương thực cho dân Biafra khiến chiến cuộc phải kéo dài, hao tổn sinh mạng. Lý luận chặt chẽ đến như vậy là hết rồi. Người ta không lấy làm lạ khi thấy giáo-sư René Cassin, giải thưởng Nobel 1968 về hòa bình, gần đây tới lĩnh thưởng tại Oslo đã đọc diễn văn trên đề tài Biafra. Giáo sư đã nói hết sự đau lòng của mình khi nhận thấy những nhân viên Hồng-Thập-Tự quốc-tế hoạt-động tại Biafra đã bị đe dọa, đánh đập, hạ sát. Và giáo sư kết luận nhân loại phải bảo vệ những người thay mặt nhân loại làm vơi bớt đau thương của kẻ khác.

Lời kêu gọi đó liệu có tiếng vang gì không ? Hay là trong lịch sử nhân loại chưa bao giờ tình nhân loại lại xuống thấp như trong vụ Biafra ?

VŨ BẢO

trước và sau cuộc bầu cử

Tổng - tài đảng Tự - dân Nhật

● LÊ-THANH-HỒ

Nếu chiến cuộc Việt-nam đã làm cho nội bộ đảng Dân-chủ Mỹ chia rẽ trầm trọng, thì cũng có thể nói chiến-cuộc Việt-nam đã đem lại nhiều dao động trong nội bộ đảng Tự do dân chủ Nhật, đảng hiện đang nắm chính quyền tại Nhật.

Nếu tình trạng chia rẽ trong đảng Dân chủ Mỹ đã phơi bày quá rõ ràng trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ vào đầu tháng 11/68, thì tại Nhật, những dao động trong nội bộ đảng Tự do dân chủ cũng được mọi người một phen nhìn thấy qua cuộc bầu cử chức Tổng-tài của đảng này vào cuối tháng 11-68 vừa qua.

Theo quy chế, đảng Tự do dân chủ Nhật, thường được gọi tắt là đảng Tự dân, người lãnh đạo đảng gọi là Tổng tài. Chức Tổng tài sẽ được Đại hội đảng bầu 2 năm một lần. Và người giữ chức Tổng tài của đảng Tự dân, một khi đảng chiếm được đa số ghế trong Quốc hội, cũng là người lãnh đạo chính phủ, tức Thủ tướng. Ông Sato trước đây đã 2 lần trúng cử chức này, bây giờ lại trúng cử thêm một lần nữa, nghĩa là ông Sato có thể tiếp tục giữ chức Thủ tướng Nhật đến năm 1970

Chẳng rõ những lần trước như thế nào, chứ riêng lần này, cuộc bầu cử Tổng tài đã làm cho nhiều người đặc

biệt theo dõi, không phải riêng trong nội bộ đảng mà cả đến những 4 đảng đối lập, không phải chỉ lôi cuốn sự chú tâm của quần chúng trong nước mà cả đến các chính khách ở ngoài nước nữa. Sở dĩ có có sự chú ý đặc biệt đến như thế, phải chăng cuộc bầu cử Tổng tài kỳ này đã đặt trước những vấn đề quan trọng khó khăn đối với trong nước cũng như ngoài nước ?

Tình thế hiện hữu có thể thay đổi ngược lại tùy theo kết quả của cuộc bầu cử Tổng tài này. Nói thế ắt đủ biết lập trường các ứng-cử-viên đối lập đến độ gần như mâu thuẫn, mặc dầu cùng một đảng cả.

Hai trong bốn ứng-cử-viên được mọi giới chú ý từ đầu là ông Eisaku Sato, 67 tuổi, đương kim Thủ tướng, và ông Takeo Miki, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao trong chính phủ Sato vừa qua. Ông Sato với đường lối cố hữu, vẫn mềm dẻo với Mỹ, vẫn một chút lạnh nhạt với phe xã-hội chủ-nghĩa và uyển chuyển trước những vấn đề nội bộ. Ngược lại, ông Miki, thì gần như trái ngược, vẫn giữ tình với Mỹ nhưng chủ trương nhích lại gần phe xã-hội và có một lối giải quyết dứt khoát đối với tình hình nội bộ.

Di nhiên, đường lối của ông Miki rất đẹp lòng phần nào quý khách bên

xã-hội chủ-nghĩa cũng như các nhóm « chống Sato » trong nội bộ. Có lẽ ông Miki đã nghiên cứu nhiều về tình hình và đã sửa soạn từ lâu cho cuộc tranh cử năm nay. Trong mùa hè vừa qua, người ta thấy phe của ông Miki đã có một cuộc tập họp hội thảo về hiện tình chính trị tại Karuizawa, một thành phố nghỉ mát mùa hè ở phía Tây Nam Tokyo. Sau cuộc hội thảo riêng của phái Miki, dư luận báo chí bắt đầu theo dõi những sửa soạn của vị nguyên Ngoại trưởng Nhật lúc đó. Nhưng ông Miki vẫn kín đáo, trả lời với báo chí rằng, ông chưa có quyết định đề ra tranh cử Tổng tài đảng vào tháng 11 năm nay.

Nhưng rồi, việc gì đến cũng đã đến. Sau khi đọc xong bài diễn văn trước Đại-hội-đồng Liên-hiệp-quốc vào đầu tháng 10-68, ông Miki trở về Nhật chính thức sửa soạn cuộc tranh cử.

Ngày 26-10-68, ông chính thức đệ đơn lên Thủ tướng Sato xin từ chức Bộ trưởng Ngoại giao, và vài hôm sau 30-10, một cuộc họp báo tại bản doanh của phái Miki ở Yotsuya (Tokyo), ông xác nhận việc ra tranh cử Tổng tài và đồng thời công bố lập trường của ông chống hẳn đường lối của Thủ tướng Sato hiện hữu.

Thế là các nhà báo lại được một phen săn tin tức cuộc chạy đua hào hứng. Mấy ngày sau, ứng cử viên thứ ba được xác nhận : ông Shigesaburo Maeo, nguyên Bộ trưởng Kỹ-nghệ và Thương mại, cũng có đường lối chống Sato.

Hai tay đua mới này đã hoạt động ráo riết đề lôi kéo được số phiếu của các phái Trung gian. Gọi là phái Trung

gian, bởi lẽ nội bộ đảng Tự-dân Nhật gồm nhiều phái, phái Sato, phái Miki, phái Maeo..., rồi những phái ủng hộ một trong ba ông trên. Dĩ nhiên còn lại một số phái chưa ngã ngũ lập trường. Đó là những phái Trung gian, đối tượng tranh thủ của các tay đua. Phái Sato tương đối trầm lặng. Dư luận đã có lúc nghi ngờ ông Miki có thể đắc cử. Nhưng gần đến ngày bầu cử, người ta lại thấy ông Sato đắc ý, dơ cao hai ngón tay làm dấu chữ V, ngầm nói sự đắc thắng sẽ đến. Báo chí lúc đó cũng đã nói đến ông Sato câu được một giỏ lớn các phái Trung gian và như thế ông có thể thắng cuộc.

Rồi giờ phút cuối cùng đã đến. Kết quả của cuộc bầu cử Tổng tài được công bố tại Đại-hội lần thứ 4 của đảng tự do dân chủ Nhật tại hội trường Hibiya-Tokyo sáng ngày 27-11-68 :

Ông Eisaku Sato	249 phiếu
Ông Takeo Miki	107 —
Ông Shigesaburo Maeo	95 —
Ông Fujiyama	1 —

Cuộc đua đã về tới đích. Người thắng cuộc, ông Sato, được quá bán số phiếu, tiến lên diễn-đàn tuyên bố sơ lược về quãng đường sắp tới của ông, trong đó có những vấn đề đặc biệt quan trọng : vấn đề Okinawa, vấn đề sinh viên tranh đấu, vấn đề hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ (US-Japan Security Treaty).

Dư luận ngoại quốc liền sau đó cũng cho thấy những « hoan hỉ » trong các điện văn chào mừng cũng như những « đáng tiếc » trong những bản tin cộc lốc. Dĩ nhiên, những thái độ trên cũng rất dễ đoán xuất xứ từ phía nào.

Ba ngày sau, ông Sato đã cải tổ nội các. Trưa ngày 30-11 danh sách hội-đồng nội các đã được công bố. Người ta nhận thấy sự vắng mặt hai ông Miki và Maeo trong chính phủ mới của Thủ-tướng Sato. Và, hơn nữa, dư luận còn ghi nhận rằng ông Sato đã nhận thấy tầm quan trọng của tình thế hiện tại bên trong cũng như bên ngoài Nhật-bản nên tổ chức lại một nội các mạnh với những nhân vật thân Sato.

Chẳng hạn chức « Tổng - thư-ký Hội-đồng Nội các » (Chief Cabinet Secretary) được giao cho ông Shigeru Hori, 66 tuổi, người mà báo chí cho là cánh tay mặt của ông Sato, trong khi ông Toshio Kimura đã giữ chức này trong 6 năm qua giờ đây lại trụt xuống chức phó Tổng-thư-ký.

Sự bổ nhậm các ông Kiichi Aichi, 61 tuổi, Ngoại-trưởng, Michita Sakata, 52 tuổi, Bộ-trưởng Giáo-dục, và Kakuei Tanaka, 50 tuổi, Tổng-thư-ký đảng Tự do dân chủ cũng được giới quan sát lưu ý, vì các ông phải đương đầu với bao nhiêu vấn đề khó khăn hiện đang còn ối động ở chính phủ trước.

Thực vậy, cuộc tranh đấu của sinh-viên Zengakuren tại các Đại-học Nhật đã tới hồi trầm trọng. Trường đại-học Đông-kinh coi như tê liệt phân nửa vì sự chiếm đóng của sinh viên hơn 6 tháng qua. Ông Viện-trưởng đã phải từ chức để bầu lại vị mới, nhưng rồi giải quyết cũng chẳng đi tới đâu. Hằng ngày 3 phái sinh viên tranh đấu cứ xung đột nhau đến nỗi có hôm đã huy động hàng vạn sinh viên tận miền Nam lên tiếp ứng, khiến mọi người phải một phen kinh hồn tưởng đã có một cuộc đổ máu to lớn. Ngoài trường đại-học

Tokyo ra đã có hàng trăm trường đại học công tư khác trên toàn quốc cũng đang có phong trào tranh đấu tiếp diễn. Bởi thế mà cái ghế Bộ-trưởng Giáo-dục, tưởng không phải là món bở. Tiếp đến là vấn đề đối ngoại. Hiện tại là vấn đề Okinawa. Đưa Okinawa trở về lãnh thổ Nhật và giảm bớt các căn cứ quân sự Mỹ tại Nhật là những chuyện có thể đưa mỗi tình Nhật-Mỹ đến hồi xét lại. Và cái hồi « xét lại » ấy đã báo động rồi. Ứng cử viên của đảng Tự do dân chủ đã thất cử trong cuộc bầu Chủ tịch chánh phủ Lưu Cầu (quần đảo Okinawa) ngày 10-11 vừa qua. Rồi hôm 2-12 mới đây trong cuộc bầu Thị-trưởng Naha (thủ đô quần đảo Okinawa), đảng Tự do dân lãnh thêm một lần thất bại nữa. Ông Chobyō Yara, Chủ tịch chính phủ Lưu-Cầu (quần đảo Okinawa) và ông Ryshō Taira, Thị-trưởng Naha, là những người thuộc đảng đối lập và như thế phong trào tranh đấu đòi phục hồi lãnh thổ hiện đang ồ ạt tại Okinawa, chắc chắn sẽ được hai ông nói trên hậu thuẫn mãnh liệt. Chánh phủ Sato sẽ phải xử sự ra sao cho phải lẽ đây ?

Rồi một tương lai không xa, tình hình Việt - nam đang chuyển động mạnh, vấn đề kinh tế hậu chiến VN đã được các chánh khách Nhật đặc biệt bàn cãi hơn sáu tháng qua, vấn đề buôn bán với Trung cộng... là những sóng gió đáng kể đang thử thách tay lái chiếc thuyền ngoại giao Nhật - bản hiện tại.

Mặt khác, trong nội bộ đảng Tự do dân chủ không phải là không có vấn đề. Số phiếu 107 mà ông Miki thu được cho thấy khuynh hướng « chống Sato » trong nội bộ không phải là con số nhỏ. Bởi vậy

đur luận mới không xem thường việc thay đổi vai Tổng thư ký đảng Tự do dân chủ kỳ này.

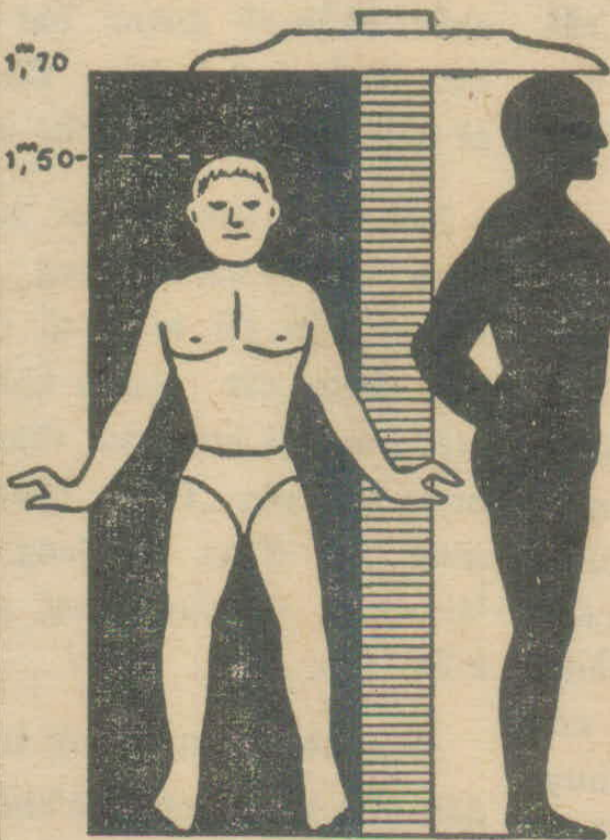
Bây giờ, mọi việc coi như đã xong. Thủ-tướng Sato có thể xoa tay đắc ý trước một ván cờ đã được sắp lại. Nhưng dầu thế nào chẳng nữa, nếu cuộc bầu - cử Tham nghị - viện (tức Thượng - viện) Nhật hồi mùa xuân năm nay cho thấy khuynh hướng

chính trị của đa số dân Nhật, thì cuộc bầu cử Tổng tài kỳ này cũng có thể cho thấy khuynh hướng chính trị của đa số trong đảng Tự do dân chủ, một đảng lớn bậc nhất của Nhật. Phải chăng đó là điều đáng được suy ngẫm về tình hình chính trị ở những nước mà tự do đã được phát triển mạnh mẽ như Nhật bản hiện tại.

LÊ-THANH-HỒ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

S6 KN 78 MBYTIQCDP

Cơn giông

Đêm cuối cùng anh gặp em trong rạp hát, ngồi bên cạnh lão đàn ông già, anh có ý định nhào vô đấm lão ta một trận để báo với em và lão biết, anh là thằng tình nhân của em, thằng tình nhân một trăm phần trăm của em, thằng lính si tình em... Nhưng anh không dám. Anh quờ quạng đi từng bước trong phòng chiếu bóng. Mắt anh tìm em từ hàng ghế thượng hạng xuống hàng ghế thấp nhất. Thằng chỉ-dẫn cầm đèn pin rọi cũng phải than lên: ^ng tìm gì tìm dữ vậy. Hết pin của tôi nè. Anh đồ quạu, chưởi: Đ. m. mày, muốn chết hả. Rõ ràng men bia đã làm anh kích thích, mặt anh nóng bừng. Anh muốn lôi cõ lão già ra khỏi rạp, cho lão vài thoi để em thấy. Nhưng có sao anh lại đứng lại, buồn bã, khi nhìn ra em, mang chiếc áo trắng, mái tóc uốn, ngồi dựa má vào mặt lão. Chiếc đèn pin đã dọi qua mặt em, và em quay mặt nhìn anh, không lộ vẻ xúc cảm. Anh biết vậy, anh biết được điều đó, vì em là một con điểm con điểm, tại sao mình lại ghen vô cớ như vậy nhỉ. Tại sao khi nhìn con điểm là em — con điểm mang tên là Phương — đi với lão già chủ xe đồ vào rạp, thấy em cười vui vẻ, và bàn tay lão ta ìm vào hông em, anh lại nóng giận, chưởi thầm: Tao cho bọn mày biết, tao không sợ ai. Đạn tao không sợ, huống hồ là một tên già ốm yếu như tên chó chết này. Lúc đó anh định vào. Rồi chẳng hiểu sao anh lại lủi thủi vào quán cà phê, ngồi trong một xó. con điểm.. Tại sao mình lại đi ghen với một con đàn bà chuyên nghề bán tròn nuôi miệng. Tại sao mình lại đi làm một trò cười trước mọi người. Anh kêu một chai bia, rồi thêm một chai bia nữa. Trong túi chỉ còn hơn một trăm đồng. Một phần ba số tiền em đi khách với một người đàn ông. Anh uống, thất vọng, đắng tê đầu lưỡi. Tại sao vậy, hả. Có lẽ cuối cùng men bia đã làm anh chọn lựa một quyết định: Phải vào rạp, phải tìm ra em, phải lôi lão ra khỏi ghế, phải nói với em, anh nốc hết chai, trả tiền rồi lủi thủi vào cửa rạp. Thằng soát vé hình như nhận ra bộ mặt đặng đặng sát khí, bộ quần áo trận bê bết của anh, nên thả tay mời vào. Anh vào, nhảy từng ba cấp.. Anh vào. Và em đã biết anh đã thất bại với tình yêu với một con điểm.

Anh gặp em ba ngày trước đây. Cũng vào một buổi chiều. Thành phố bắt đầu lên đèn dưới cơn mưa giông. Anh tắm mưa vào phòng ngủ với hy vọng tìm một cô gái làm anh quên lãng trong cuộc sống lính tráng đầy nguy hiểm này. Đó là một thói quen cho bọn lính tác chiến. Vui chơi rồi đi ra trận. Anh run rẩy lên bậc thang lầu. Lão gác dan, mặt rỗ hoa, đưa tay lên chào : Lâu ngày quá, thiếu úy. Anh la to : Aha, chào ông Ba, dạo này ra sao. Em út nhiều hông ? Lão ta chỉ tay lên tầng hai. Trên đó, mấy cô mới về. Dưới này hết rồi. Anh làm bộ buồn. Vậy na ! Đi lấy Mỹ hết hả ? Dạ, ế nên mấy cô đi hết.

Anh hút thêm một điếu thuốc, sửa lại mái tóc rối, cõ áo, mở cái lon khỏi túi áo rồi đi lên lầu. Một vài người bạn em đi xuống anh khẽ tát nựng vào má. Sao các em bỏ đi vậy. Anh lên thăm các em mà. Mấy cô bạn em cười lên nắc nẻ. Thôi đi cha nội, cho con nhờ. Anh còn nghe mùi dầu thơm của các cô bạn em ở đâu đây. Anh lên phòng chị Tư. Chị nuôi của anh đó. Mỗi lần thiếu tiền, anh lại đến, đưa bàn tay trơn tru. Cho em ít chục đi bai xi cô đi, chị Tư. Lúc đó chị Tư la lối om sòm : Quí nà. Báo hại người ta nà. Thiếu úy mà đi xin tiền. Nghèo dữ hôn Anh chỉ biết phân trần : Tiền lính tính liền mà chị Tư. Lính 25 tây, 26 tây đi rảo một vòng để trả nợ, 27 tây thì bắt đầu đói rồi. Chị thương bọn lính đánh giặc này với. Cuối cùng chị Tư cũng móc túi đưa một trăm vài chục. Có lẽ chị nể anh, vì anh là xếp đầu đàn đám lính ba trời chuyên môn đánh lộn và chơi quít. Em biết không ? Anh tìm chị Tư thật khổ nào. Có lẽ anh đã trở thành một thứ gì chứ không phải là giống người. Da mặt đã dày ba tấc rồi. Anh hỏi chị Tư : Có em nào ngon không giới thiệu em đi chị Tư. Mắt chị sáng lên. Đợi đó, đợi một chút thiếu úy. Có em này ngon lắm. Anh làm bộ hối hả : mau, mau đi. Mới lãnh lương mà. Chị Tư cười. Anh biết dù sao chị cũng sợ cái thứ ba trời chuyên môn cho lũ em út của chị lên chùa anh vỗ đống đập vào cái bóp dày cộm (toàn chứa giấy tờ lặt vặt với mấy trăm bạc) để cho chị tin tưởng. Rồi anh đi đi lại lại thỉnh thoảng ngồi trên chiếc ghế, nghe giọng ca cải lương của Văn Hường trong đĩa hát hay thỉnh thoảng thêm vào câu chuyện hài hước. Thì em ra. Anh thấy ở em một điều gì khiến cho anh xúc cảm. Có lẽ em mặc bộ bà ba trắng kín đáo, hai tại đôi mắt của em giống đôi mắt của một người anh yêu hay tại những ngón tay thon nhỏ đó. Em đi ra, dựa vào bờ vách, mặt cúi xuống, và bàn tay phải những vết nhăn trên chiếc quần vải trắng. Em cầm mấy tờ bạc trăm đỏ, thông thả mở nút áo bỏ vào giữa nịt vú. Chị Tư cười : giới thiệu cho ông trời đánh, con Phương đó. Chịu hôn. Vô buồng đi. Anh gật đầu theo em vào phòng. Em bật đèn lên, tìm que diêm, điếu thuốc, mời : anh hút thuốc không ? hút nhé, để em châm cho. Rồi em đứng yên. Anh ngồi trên mép giường nhìn em. Đôi mắt của em, đôi lông mày

không cạo, anh bắt gặp ở một người tình, đã xa xăm lắm, anh không nói dối đâu. Có những sự trùng hợp kỳ lạ. Người yêu đầu tiên cũng có đôi mắt chớp chớp như vậy và hay cúi xuống nhìn như vậy. Bây giờ nàng đã bỏ anh đi xa rồi. Lại đây em, ngồi xuống bên cạnh này. Em làm anh nhớ một người. Em cười nắc nẻ. Phải ông muốn rượu phải không? Anh gật đầu. Em hỏi: uống mấy chai? Sơ sơ mới ba chai. Em la lên: Ba chai mà sơ sơ hả. Uống gì mà thở toàn hơi mùi rượu nè.

Em Phương.

Anh đã uống rượu thực. Tại anh buồn. Tại anh nhìn thấy nỗi tủi thân của một thằng người khi trở về từ trận mạc. Cảm ơn em đã cho anh được mười lăm phút quên lãng, để biết mình còn sống còn thở còn hôn còn hít còn làm ái tình như một giống sinh vật. Nhưng ở em, anh sẽ gục cả mặt vào cổ em, sẽ hôn lên mắt của em. Một trăm người đàn ông phủ phục trên em, ai tìm trên đôi mắt ấy một hình bóng khó phai, một kỷ niệm lưu luyến. Anh đã hôn nhẹ đôi mắt. Em để cho anh hôn vì em là điểm, vì em là điểm, vì em là một giống hoa của muôn phương, anh đã từng bảo với lũ bạn. Tao phục nhất là mấy con điểm, không biết chạy đua theo tiền, biết săn sóc đám lính khốn nạn. Dù sao, bọn nó cũng có công mang lại trạng thái bình thường cho những thằng đứng trên bờ vực thẳm. Và em, đã làm anh xúc cảm. Em biết không? Bàn tay anh mò dưới gối, tìm thấy lá thư em viết gửi má, gửi đứa con của em. Chồng em cũng ra đi sao? Anh đọc những giòng chữ nguệch ngoạc, có lẽ đầy nước mắt của em — của một người mẹ và của một đứa con — anh đã ân hận vì coi em như một người con gái làng chơi khác. Anh không dám kể lẽ tình cảm của anh. Vì chắc em sẽ cho anh là thằng dối trá. Anh nắm ôm em, ôm chặt, và môi thì hôn lên đôi mắt. Phương, anh muốn nói em một điều. Em cười: điều gì, anh. Anh nhìn lên trần mùng, nói: anh nói điều này sợ em cười. Anh biết em sẽ nói anh nói dối. Em có tin anh không? Em không đáp, đứng dậy, bật đèn sáng, rồi trở lại nằm bên cạnh anh. Phương, anh vừa đọc thơ của em gửi má và con. Anh biết hoàn cảnh của em. Chiến tranh bây giờ tàn nhẫn. Nhưng anh phục em. Dù sao cũng hơn anh. Em dẫu làm nghề này để nuôi mẹ và con. Còn anh, chưa hề giúp đỡ cha mẹ anh một đồng. Có lẽ đến khi cha mẹ anh nằm dưới lòng đất. Nhưng anh thương em. Em hãy bỏ nghề này. Anh hứa danh dự. Anh sẽ thuê một căn nhà nhỏ. Em sẽ về. Mỗi lần hành quân về, cho anh ăn một bữa cơm ngon. Chúng mình quên quá khứ.

Em nói với anh: Thật anh chưa có vợ sao.

— Thật tình. Anh nói lão ra trận Việt cộng bắn. Bàn tay của em tát khẽ vào má anh. Anh cầm và hôn, thì thầm:

— Em chịu không?

Em gật đầu : Mai anh đi thuê nhà rồi đến nói chị Tư. Em bỏ nghề theo anh, miễn là anh thương em là được. Rồi tự nhiên em ho. Em ho từng hồi sặc sụa. Anh đã bắt gặp hình ảnh tồi tàn của một người con gái điếm sau khi bị mọi người bỏ rơi. Rồi em sẽ là hình ảnh đó, Những bài đờm, những mẩu thuốc, những bài nước đặc sệt, những vệt loang lổ trên tấm drap trắng khiến anh muốn nôn và khiến anh càng thương em hơn. Anh đã cố quên người yêu của anh. Bởi vì nàng không thể nhìn thấy nỗi khổ cực thâm ngoài những bóng dáng cao xa vời vợi khác. Nàng không hiểu anh. Nhưng em hiểu anh.

Ngày hôm sau, em giận anh không cho anh vào phòng. Anh đã không mang theo thuốc ho như anh đã hứa. Có lẽ vì anh quên, hay vì anh mắc đầu láo với lũ bạn ngoài quán cà phê. Em đóng cửa lại. Tự nhiên anh có ý nghĩ từ giờ phút này anh là chồng của em. Có tiếng ho và tiếng khóc trong ấy. Anh nói xin lỗi rồi cúi xuống thang lầu, vào tiệm thuốc Tây. Anh trở lại dỗ dành em như một tên tình nhân si dại. Phương này, anh chưa tìm ra nhà. Nhưng có một phòng của thằng bạn. Có đủ rế sô nấu cơm nấu nước. Em sửa soạn, rồi anh nói chị Tư.

Em vẫn ho, nước mắt ràn rụa. Rót cho em một tí nước đi anh. Em bị mệt. Thôi anh nằm đó, chờ em. Anh ăn cơm chưa. Ăn rồi hả. Minh năm nói chuyện đừng đi, em bị mệt.

Anh gật đầu. Anh đang nghĩ đến một căn nhà nhỏ, để anh dừng chân lại sau những ngày ở chiến trường. Anh đang nghĩ đến món canh chua cá lóc mà em đã từng khoe với anh. Rồi em sẽ về và anh sẽ không còn cô độc nữa. Chúng mình cứ tận hưởng những gì còn lại sau những ngày mục rữa. Anh nhìn em chải lại đầu, thoa lớp kem phấn hồng. Em sửa soạn như một cô dâu mới. Anh thấy em rực rỡ dưới ánh sáng tàn tạ của buổi chiều. Anh đã nằm bên em mà không hề nghĩ đến sinh lý. Anh đã nói nhiều và thấy mình mơ nhiều.

Em hẹn anh bảy giờ tối đến đón em. Trong thời gian từ 5 giờ đến bảy giờ anh đã vào nhiều quán đề tiêu phí thì giờ trống trải đầy chờ đợi đó. Anh đã gặp một vài thằng bạn để kể lại câu chuyện của anh và em. Tất cả đều tán đồng. Lương nhà lính, tình nhà thổ mà em. Tất cả đều đốc thúc anh tiến tới trong việc lợi dụng em. Thứ nhất anh khỏi tốn tiền lằng nhằng và thứ hai sống nhờ ở em. Làm sao chúng hiểu anh đang thương em và nỗi xúc động ấy rộng lớn làm sao. Em hẹn anh đêm nay sẽ về phòng em. Bảy giờ anh đến đón em coi xi nê, nha. Thành phố đã mưa dai dẳng trên đầu anh. Anh đứng dưới vĩa hè trước khách sạn. Anh tiếp tục hút những điếu thuốc. Rồi anh lên lầu đón em. Cái thân anh, em thấy không, không hề đến một nhà thổ ngày đêm sẵn đón như vậy. Nhưng anh lại thương em, muốn em ra khỏi đám bùn nhơ ô uế đó. Anh còn nghe tiếng ho sặc sụa của em trong phòng. Anh

cảm thấy bức rức. Ngày mai, ngày một em sẽ ra khỏi ngưỡng cửa này —
Phương.

Anh ngồi trên ghế. Đã quá bảy giờ mà em chưa ra. Có lẽ em lại bận đi với kẻ đàn ông nữa. Anh nhìn cánh cửa đóng cảm thấy buồn. Chị Tư đang quát ầm lên, về cô bạn em, không chịu đi khách Mỹ. Rồi một tốp đàn ông vào phòng. Em đi ra, bàn tay còn gài lại nút áo và phủ vết nhăn trên quần. Anh nhìn em, thật lâu. Em hiểu được cái nhìn của anh không. Cái nhìn chua xót. Có thể nào trước mắt anh, em lại để cho một thằng đàn ông phủ nhục trên thân thể của em. Em đã làm anh ghen rồi. Em đứng đợi thằng đàn ông móc ví trả tiền. Ba tờ giấy bạc trăm đỏ, kèm thêm cái tát nựng trên má em. Em lại cười lên dòn dả. Phải nguồn hạnh phúc em đã đạt được là như vậy chăng. Em thấy anh không hỏi lên một tiếng. Chị Tư nói : Phương, đây là tiền ngủ đêm của mày. Một ngàn rưởi ông già bên cạnh phòng đó. Anh thấy mắt em sáng rục lên. Đôi mắt tàn nhẫn đó, anh không thể nào quên được. Anh cúi xuống coi tờ báo, lặng lẽ. Em vẫn ho. Và trong túi của anh còn mấy chục viên thuốc ho đây. Anh ngồi trong phòng đầy mồ hôi, thuốc lá, tiếng cười, tiếng cửa mở khép, tiếng cái lương vọng cồ. Anh ngồi cảm thấy tủi thân. Tại anh không có tiền để mua em về đêm nay và mãi mãi. Còn em bây giờ em đã bị dằm dưới tận cùng vực rồi. Đời em đã coi như chết rồi. Trí óc của em đã u đặc rồi. Bây giờ em chỉ biết tờ bạc trăm đỏ, những đêm vui suốt sáng, trận cười thâu đêm. Chính em muốn, và con đường đó em đã lựa chọn.

Anh ngồi gục đầu để lắng nghe tiếng cười sen lẫn tiếng ho sặc sụa của em. Anh đắng cay cả đầu lưỡi. Rồi em cùng lão đàn ông già đang sửa soạn gì đó trong phòng. Em làm gì đó trong phòng ? Có lẽ anh lại ghen rồi. Một con điếm mà anh ghen — vô lý thật. Anh lắc đầu xua đuổi ý nghĩ vợ vẫn đó. Anh phải xuống thang lầu, rồi đi, rồi quên, rồi coi mọi sự đều không có. Nhưng anh vẫn tiếp tục ngồi, hút từng điếu thuốc, hút từng sự giận dữ, thồn thức, cau xé trong tâm hồn của anh. Những tiếng cười nắc nẻ xoáy tròn lên, những bàn tay sờ soạn, những phòng đóng cửa rồi lại mở ra. Một vài thằng đàn ông đi ra, mệt mỏi bơ phờ. Anh thấy em và lão già dắt nhau xuống thang lầu. Từng bước xoáy vào tim anh. Rồi anh không thể biết tại sao anh lại đứng dậy, đi theo em, âm thầm. Trốn tránh đôi mắt của em. Anh đi dưới cơn mưa giông đang nổi lên trong thành phố.

Một buổi đi thăm đẻ

hồi ký TRÙNG-DƯƠNG

Người nữ y tá đưa chúng tôi vào phòng chờ sanh. Nói là phòng chờ sanh nhưng ba sản phụ nằm tại ba chiếc giường sắt kê ngang dọc trong căn phòng nhỏ bí hơi chỉ chừa có một khoảng trống hình chữ nhật, ngang một thước, dài gần hai thước, cả ba sản phụ trong số đó có người chị kể tôi đã sanh rồi và đang nằm chờ phòng. Mấy hôm trước khi chị tôi sinh đưa con thứ sáu (trong suốt mười năm làm vợ của chị với hai-mươi-tám tuổi đời), anh tôi, một sĩ quan về phép, đến đặt phòng trước tại nhà bảo sanh. Người nữ y tá nói nửa đùa nửa thật : gần Noël rồi người ta bận lo Noël chẳng ai bận tâm đến chuyện chữa đẻ đâu, ông chẳng cần đặt phòng trước. Có nhẽ anh tôi nghĩ tuy đó là lời nói đùa nhưng như vậy chắc có nghĩa là nhà bảo sanh lúc này cũng sẵn phòng nên chẳng cần đặt phòng trước làm gì, vả lại chị tôi là khách quen của nhà bảo sanh từ khi bắt đầu làm mẹ, và từ khi nhà bảo sanh còn ở địa chỉ cũ một dãy nhà thấp không lấy gì làm sang trọng cho đến khi rời sang một tòa nhà hai tầng xây theo lối mới, có nhẽ họ sẽ dành cho chị tôi một sự biệt đãi chẳng ? Nên anh tôi yên chí ra về.

Kết quả là chị tôi phải vào nằm lại chiếc giường mang bảng đề "chờ đợi 3" khi chị tôi bắt đầu lên cơn đau và rồi sinh ra một cháu gái, tình trạng kéo dài đến một ngày, trước khi có phòng riêng để nhường chỗ lại cho những người kể vào chờ sinh.

Tôi ghé thăm chị lần đầu sau khi hay tin chị sinh lúc nửa đêm, khi chị còn nằm ở phòng chờ sanh với con bé cháu còn đỏ hồng xinh xắn da thịt mềm như trái nhót chín đã được bóp nắn nhiều lần. Lúc ấy vào giữa trưa. Căn phòng thiếu ánh sáng, thiếu khí trời và chật chội. Tôi hỏi chừng nào có phòng. Chỉ bảo chừng nào người ta về và chừng nào hai người kia có phòng. Chính chị cũng không biết. Hai người kia là hai sản phụ nằm đợi như chị. Một người mang bảng "chờ đợi 1" và một người mang bảng "chờ đợi 2". Họ cũng chỉ trẻ như chị tôi và mỗi người đều đã làm quen với nhà bảo sanh từ ba lần trở lên. Như tất cả những người đi thăm đẻ đều hỏi cùng loại câu hỏi : sanh hồi mấy giờ ? Sanh khó không ? Có đau lâu không ? Cháu được mấy kí ? Lúc ra đời nó có khóc dữ không và v.v. . Và như tất cả những người nằm sinh hơn một lần chị tôi kể về kinh nghiệm sinh đẻ của chị, so sánh với những lần sinh trước dễ hay khó, mau hay lâu, đau nhiều, hay đau ít, phải kẹp hoặc khâu mấy mũi, trước khi sinh chị đã làm gì, ăn gì, chị đã đến nhà bảo sanh bằng gì, như thế nào. Tôi vẫn nghĩ rằng kinh nghiệm của lần đầu tiên làm mẹ dầu sao cũng thú vị và hào

hứng hơn khi được kể lại những cái mình nghĩ, mình cảm. Sự bình thản trọng giọng nói của bà chị làm tôi liên tưởng đến một sự chịu đựng, sự mòn mỏi, dù tình thương đối với lũ con vẫn là tình thương không thay đổi, nhưng những săn sóc cho bọn nhỏ sinh sau đâu còn giống được như sự săn sóc dành cho đứa con đầu lòng. Và ai biết được những gì sẽ còn xảy ra cho lũ con đó ở những năm sắp tới, khi mà những ảnh hưởng xã hội và kinh tế len lỏi vào gia đình, khi mà những đứa trẻ không chỉ lớn lên trong gia đình trong sự bao bọc của cha mẹ mà thôi, mà chúng còn phải chung đụng với xã hội, với bạn bè, với người yêu, với những người không quen biết, với những ảnh hưởng đa tạp mà cha mẹ không thể kiểm soát.

Buổi chiều, tôi ghé thăm chị một lần nữa. Chị vẫn nằm ở phòng đợi sanh, hay phải nói là « đợi phòng » thì đúng hơn. Hai sản phụ kia cũng vậy. Bữa cơm chiều đã xong. Những chiếc khay đựng thức ăn còn trong phòng chưa được mang đi. Tôi lại hỏi chị bao giờ có phòng. Chị vẫn không biết. Tôi có dẫn theo thằng con ba tuổi. Nó hoảng hốt lùi lại. Khi bước vào căn phòng người nằm ngồi ngón ngang. Có lẽ đây là lần đầu tiên con tôi bước vào một nơi như vậy. Trước khi đi tôi bảo con : mẹ dẫn con đi xem em bé xinh lắm, nhỏ xíu, dễ thương lắm. Tôi nói câu đó một cách thành thật, không chỉ riêng cho cháu gái tôi, mà cho tất cả những đứa trẻ sơ sinh. Tôi cũng nói câu đó với một thiết tha mơ hồ. Con tôi không quan tâm đến điều tôi tả. Nó chỉ thấy được mẹ chở xe đi và nó hiểu hai chữ « em bé » vì nó vẫn có một trịu mển đặc biệt dành cho những đứa nhỏ hơn nó, sạch sẽ, trắng trẻo và dễ thương—dù chính cu cậu nhiều lúc chẳng sạch sẽ gì ! Đôi khi tôi giả vờ đánh thẳng cháu con cô em nhỏ hơn nó gần hai năm, nó la tôi, dọa đánh lại tôi và đến ôm thẳng bé rồi hôn hít rồi quay lại nạt nộ tôi : đánh mẹ giờ. Một lần tôi bị nó túm lấy cẳng cho hai cái đến rách cả áo vì dám đụng vào em nó. Nó thương trẻ con như vậy. Lòng người mẹ nào không chùng : muốn cho con thêm một đứa em ? Tôi đã nghĩ đến điều đó đôi khi. Nhưng sự bận rộn và nếp sống độc thân hiện tại nhiều lúc lôi cuốn tôi hơn. Tôi không phủ nhận điều đó. Và lại, tôi vẫn nghĩ sự cưu mang một đứa nhỏ khi còn ở trong lòng không thể so sánh với việc nuôi dưỡng một đứa trẻ từ khi còn sơ sinh cho đến khi đủ tuổi đến mẫu giáo cổ nhiên chưa kể những năm tới trong cuộc sống của một con người, nhất là lứa tuổi dậy thì. Mấy bà chị tôi thường nói : mang bầu không ngại mà chỉ ngại lúc nuôi, giá có đủ phương tiện mười người nuôi thì để mấy mươi lần cũng được. Thật vậy, tôi sút đến mười ký từ lúc sinh thẳng con cho đến khi nó biết đi chỉ vì nuôi nó, thức đêm thức hôm, rồi những lúc con đau ốm v.v.. Bây giờ con tôi đã gần đủ ba năm, tôi không phải bận rộn với nó nhiều về phương diện vật chất, thì lại bắt đầu gặp khó khăn những lúc con bướng bỉnh, thích ra đường chơi với bọn trẻ hơn là ở nhà, rồi dậy nó nói, thưa gửi, xin lỗi khi hỗn

láo với người lớn, rồi việc chọn một trường mẫu giáo đứng đắn để cho nó tập làm quen với nếp sống tập thể v.v...

Không người mẹ nào lại không muốn tự tay săn sóc con mình. Nên dù có mượn vú em trông coi, cũng chỉ chốc lát. Mẹ tôi thường nói : cá đuối đấm đuối vì con.

Phải một lúc sau, thằng con tôi mới mon men lại gần chỗ chị tôi nằm và nhón chân lên xem em bé. Tôi bồng con bé đang ngủ lên tay cho con nhìn kỹ hơn. Nó dờ dẫm đầu, mặt, tay chân đưa bé một cách lạ lùng. Tôi bảo nó hôn con bé, nó bảo : em bé ngủ mà. Tôi không thể tưởng tượng những gì đang xảy ra trong đầu một thằng bé ba tuổi trước đứa hài nhi có phần kỳ lạ đối với nó. Được một lát, vì sợ thằng con đụng mạnh vào thóp con bé, nên tôi trả con bé về chỗ cũ. Nó vẫn ngủ, dường như việc tôi bồng nó lên không gây cho nó một thay đổi nào. Nó quen nằm yên trong bụng mẹ. Thằng con tôi chạy ra ngoài chơi với đứa con gái lớn của ba chị. Chị tôi có bốn trai hai gái. Chị thích có con trai hơn vì nuôi một đứa con trai đầu sao dễ dàng hơn một đứa con gái. Chị nói : nó đái cũng sạch sẽ hơn con gái. Con cháu lớn tôi là đứa con thứ hai của chị tôi. Năm nay nó 7 hay 8 tuổi gì đó. Mỗi lần vào nhà thương thăm mẹ và biết là mình vừa có thêm một đứa em trai, nó hờn giận phụng phịu nói : mẹ chỉ đẻ con trai ra để ăn hiếp con không à. Lần này có em gái, chắc con bé mừng vô cùng. Riêng chị tôi không mấy vui lắm. Tôi bảo chị : may mà chị đẻ con gái, nếu không ngủ quý thì hỏng. Và lại, con bé cũng xinh. Và nó có cái tên rất dễ thương : Trang Anh.

Tôi ngồi lại nói chuyện với chị một lát. Tôi không hiểu được tại sao lúc bấy giờ tôi cảm thấy thương chị hơn lúc bình thường, hơn là đạo tôi còn con gái và ưa theo đuổi những tư tưởng viển vông thường quá cao và quá khô khan với bản chất tình cảm của mình. Chị là một người bình thường, chân thực, cởi mở và có duyên. Khi tôi sinh thằng con, chị đón tôi về nhà trông nom săn sóc. Khi thằng con tôi bệnh phải đưa vào Saint Paul, lúc đó tôi vừa sinh được nửa tháng, chị vào chăm lo mỗi ngày mặc dù chị cũng vừa bận đi làm vừa bận đàn con. Nhưng những cuộc đối thoại giữa chị và tôi không vượt xa quá những điều thông thường : mua sắm, may mặc, kinh nguyệt, chữa đẻ, nuôi con. Tôi thương chị ở chỗ trung thành với chồng, săn sóc con cái chu đáo, trước khi theo anh rề tôi đi đơn vị ở xa — Lâm Đồng, Phan Rang, Phan Thiết rồi Sông Mao... —, chị làm thư ký đánh máy cho một cơ quan Hoa Kỳ đến gần mười năm chị học thêm cả kế toán và Anh ngữ nói như gió, nhưng lương chị vẫn chỉ ở mức bầy, tám ngàn vì chị không cầu cạnh, xin xỏ, đòi hỏi. Và khi cần bỏ sở để đi theo chồng, chị vẫn bỏ một cách không luyến tiếc. Chị nói : để giữ cho anh khỏi sa ngã những lúc xa vợ con, khỏi chán nản những khi gặp thất bại. Cố nhiên sự cảm mến tôi dành cho chị cũng một phần vì chị là người sẵn sàng giúp đỡ với tất cả thiện chí khi cần.

Chúng tôi đề cập đến vấn đề ngừa thai. Thực ra thoát đầu vì tôi ngạc nhiên về sự đông khách của nhà bảo sanh. Mặc dù những viên thuốc ngừa thai được các bà truyền miệng nhau mua dùng, mặc dù những thứ thuốc chích ngừa thai do một vài địa điểm các bà mách nhau đến, mặc dù chương trình kế hoạch hoá gia đình được người ta bàn cãi, mặc dù giá phòng của nhà bảo sanh vẫn tăng lên vùn vụt theo sinh hoạt, nhà bảo sanh vẫn là nơi được nhiều người chiếu cố hơn cả. Điều đó chứng tỏ mức sinh sản vẫn gia tăng trên cái bản chất mẫn con của đa số phụ nữ VN.

Chị tôi bảo : sau kỳ sinh này phải đến cầu cứu ông C., là một bác sĩ chú chồng chị. Chị kể với tôi về một loại vòng mà chị đã được đưa cho xem. Chị sẽ đến cho bác sĩ C. đặt vòng đó. Bác sĩ C. chỉ nhận đặt vòng cho bà mẹ nào đã có từ bốn mặt con trở lên. Bà nằm giường đối diện với chị có vẻ chăm chú nghe chúng tôi nói chuyện. Bà ta tán thành tiêu-chuẩn bốn con. Tôi cũng nghĩ rằng như vậy là vừa. Bốn đứa nhỏ, lớn lên là bốn vấn đề khác biệt. Đối với một gia đình lương thiếu tá, mười-mấy-ngàn như anh rề tôi, với giá sinh hoạt hiện tại, nếu chị không làm thêm, nếu anh không áp-phe thêm, làm sao đủ cung cấp cho bốn đứa — chứ đừng nói sáu — từ lúc nhỏ cho đến khi đủ sức tự lập ? Vậy mà cái thông điệp của Đức Giáo Hoàng vẫn đến được cái xứ đói khổ chiến tranh loạn lạc này...

Tôi già từ chị tôi khi có mấy người bên nhà chồng chị đến thăm. Vì không có đủ chỗ đứng cho trên hai người thăm để một lúc. Cô nữ y tá vào báo cho biết vừa có ba người ở các phòng hạng nhì về. Tôi mừng giùm chị tôi. Tôi hỏi giá phòng hạng nhì thì bao nhiêu. Chị bảo ba ngàn rưỡi hay bốn ngàn rưỡi, tôi không nhớ rõ. Nhưng với một nhân viên nhà nước như tôi và như nhiều người khác, kể như tháng ấy coi như chỉ lãnh một nửa lương, chưa kể những chi phí phụ khác mà chỉ những người đi sinh mới biết được. Và tôi đã bán cuốn sách đầu tiên cho nhà xuất bản K.T. cũng không ngoài mục đích đó.

TRUNG DƯƠNG

XI/1968

Ca dao đã phát hành

— Tuổi trẻ bản khoán

của Hermann Hesse

— Đời tranh đấu của Mục sư King

(in lần hai, có bổ chính)

Sắp phát hành :

— Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống

của Krishnamurti

Sống Mới tổng phát hành

Điều-hòa sinh-sản hay kế-hoạch-hóa gia-đình tại nước người

Vấn đề « điều hòa sinh sản » hay « kế-hoạch-hóa gia đình » đã được đề cập khá nhiều trên báo chí nước nhà và ngay trên tạp chí Bách-Khoa, gần đây, cũng đã có những bài về hạn chế sinh đẻ, về thuốc ngừa thai về danh từ « kế hoạch gia đình »...

Trong những bài trên đây bạn đọc đã rõ muốn hạn chế sinh đẻ, muốn ngừa thai, hiện nay người ta đã có những phương pháp sau đây :

— Các phương pháp « cổ truyền » (traditional methods), tức là những phương-pháp được biết từ lâu đời như phương pháp Ogino Knauss (1), phương pháp dùng bao cao su, kem, thuốc nước v.v...

— Phương pháp thắt ống dẫn tinh trùng của đàn ông và thắt ống dẫn trứng của đàn bà.

— Phương pháp dùng thuốc ngừa thai (xem bài « Thuốc điều-sinh » của ông Trần Lương Ngọc trên BK. số 273 ngày 15-5-1968).

— Phương pháp đặt vòng xoắn I.U.D (xem bài « Hạn chế sinh đẻ » của Ngọc Vân trên BK 240 ngày 1-1-1967).

Phương pháp nào tốt hơn cả ?

Không thể nói phương pháp nào là

tốt hơn cả, vì mỗi phương pháp đều có cái lợi và bất lợi của nó. Hơn nữa mỗi người lại ưa thích những phương pháp khác nhau, người ta lựa chọn một phương pháp tùy theo tạng-thể từng người, tùy theo hoàn cảnh kinh-tế, xã-hội, có khi tùy theo tín-ngưỡng nữa ; Tỷ dụ như những người Công-giáo chỉ được phép chọn phương-pháp Ogino mà thôi, những người hay quên thời khó dùng thuốc uống vì phải uống đều mỗi ngày, người đàn ông muốn thắt ống dẫn tinh-trùng có thể vì không muốn vợ thụ thai mà cũng có thể muốn được tha hồ tự do mà không phải lo ngại ?...

Nói tóm lại, phương pháp nào hợp với ai thời người đó cho là tốt nhất.

Tuy nhiên trong các chương trình đại quy mô thời những phương pháp được coi như chính yếu là :

— Vòng xoắn I.U.D.

— Thuốc uống.

Có những nước coi vòng xoắn là chính, như Đại Hàn, Trung-hoa Quốc gia (Đài Loan), v.v.. cũng có nước coi

(1) Xin xem « Bàn về vấn đề thụ thai theo ý muốn » của Bác-sĩ Nguyễn-Trần-Huân trên B.K. số 58 và 59 (1 và 15-9-1959).

thuốc uống là chính như Nhật-bản, Phi-luật-tân v.v...

Sở dĩ nhiều nước đã dành ưu tiên cho phương pháp vòng xoắn IUD vì đặt vòng xoắn có nhiều lợi ích. Vòng xoắn làm bằng nhựa dẻo (plastic) được sản xuất nhiều cỡ — có 3 cỡ: lớn, trung bình, nhỏ. Vòng xoắn không gây bệnh hay làm hại cơ thể. Vòng xoắn rất rẻ tiền chỉ cần đặt một lần là yên trí mãi. Khi nào người đàn bà muốn có con thì chỉ cần nhờ bác sĩ lấy vòng ra.

Khi sự điều-hòa sinh-sản được coi như một quốc-sách

Nhiều nước như Ấn-độ, Hồi-quốc, Đại-hàn, Trung-hoa Quốc-gia v. v... đã coi công cuộc điều hòa sinh sản như một quốc sách, như thế có nghĩa là các nước ấy đã áp dụng một chương trình quốc-gia về « kế-hoạch-hóa gia-đình ». Muốn thi hành chương trình này chính phủ phải:

— Vận động cơ-quan lập-pháp ban bố những luật-lệ mới nếu các luật cũ ngăn cản các biện pháp kế-hoạch-hóa gia đình.

— *Giáo-dục quần-chúng*: chương trình cần được quần chúng ủng hộ tham gia nên cần phải phổ biến rộng rãi trong quần chúng ý thức điều hòa sinh-sản và sự hiểu biết về các phương-pháp ngừa thai.

— *Thiết-lập kế-hoạch*: dĩ nhiên cần phải có một kế hoạch để thực hiện chương trình, lúc mới đầu người ta thường lập ra một vài thí-điểm để rút kinh nghiệm rồi mới áp dụng kết quả cho toàn quốc.

— *Dành ngân khoản*: không thể thi hành một chương trình mà không có ngân khoản cần thiết. Các nước Á-Châu đã thi hành chương trình kế-

hoạch-hóa gia-đình thường được ngoại quốc viện trợ. Cơ quan viện trợ nhiều nhất là một hội tư tại Nữu-ước, Hoa-kỳ, đó là Population Council (tạm dịch: hội Dân số).

— *Huấn luyện cán bộ*: Cần phải huấn luyện các nhà chuyên-môn y-khoa để áp dụng các biện pháp chuyên-môn về mặt kỹ thuật như: cột ống dẫn tinh trùng, đặt vòng xoắn v.v.. Lại còn cần huấn luyện các cán-bộ giáo dục để phổ biến tư-tưởng kế-hoạch-hóa gia-đình cho đại đa số dân chúng, và tìm hiểu tâm lý và thái độ của dân chúng, cán bộ thống kê để định lượng kết quả v.v..

Nghiên cứu điều tra về sự hiểu biết, thái độ và sự thực hành của dân chúng đối với vấn đề kế-hoạch-hóa gia-đình. Tiếng Anh gọi là KAP survey (K: knowledge, A: attitude, P: practice). Sự nghiên cứu này rất quan trọng vì nhờ đó mà ta biết tâm lý quần chúng, biết rằng họ có tán thành chương-trình hay không? Nếu họ chống đối thì vì những lý do gì? Những phương pháp nào được ưa thích, vì sao? Những phản ứng khác nhau hoặc thái độ khác nhau có liên quan đến tuổi tác, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh xã-hội không? v.v...

— *Minh-định một chính-sách trong kế-hoạch-hóa gia-đình*: Chính phủ chủ-trương dùng một phương pháp ngừa thai nào thì sẽ phổ biến rộng rãi và dành ưu tiên cho phương pháp đó, trợ cấp để có thể thực hiện cho dân chúng với một giá rất hạ. Tỷ như Đài-Loan hiện đang chủ trương dùng vòng xoắn là phương pháp chính và uống thuốc ngừa thai là phương-pháp bổ túc, nghĩa là khi không thể dùng vòng xoắn mới dùng đến thuốc uống. Chính phủ cung cấp hai phương pháp nói trên với giá rất hạ. Còn nếu

dân chúng muốn thực hành các phương pháp khác thời phải đến bác-sĩ tư. Còn Đại-Hàn cũng coi vòng xoắn như một phương pháp chính và khuyến khích việc dùng vòng xoắn, nhưng Chính phủ cũng vẫn cung cấp cho dân chúng các phương tiện khác với giá rẻ hoặc không mất tiền như thắt ống dẫn tinh trùng, thắt ống dẫn trứng, uống thuốc ngừa, bao cao-xu v.v... Nhật-bổn, Phi-luật-tân thời coi phương-pháp uống thuốc ngừa là chính.

Đại-Hàn áp dụng kế-hoạch-hóa gia-đình như thế nào ?

Sau khi Chánh-phủ Cách-mạng tại Đại-Hàn được thành lập vào 1961 thời một kế-hoạch Ngũ-niên Phát-triển Kinh-tế được thiết lập. Kế hoạch này trù liệu rằng tốc độ tăng gia dân số phải từ từ bớt đi, theo một tiêu-chuẩn như sau : Mức tăng gia dân số vào thời gian khởi điểm (1961) là 2,9% sẽ phải sụt tới 2,5% vào 1960 và 2% vào 1971.

Do đó kế-hoạch-hóa gia-đình trở nên một quốc-sách, và các luật-lệ ngăn cấm ngừa-thai đã được bãi bỏ. Một chương-trình quốc gia về kế-hoạch-hóa gia-đình được thiết-lập và do cơ-quan Bảo-trợ Mẫu-nhi thuộc Bộ Y-tế phụ trách. Chương trình này được chính phủ triệt để ủng hộ và được phát động từ thị-thành cho tới thôn-quê : các trung-tâm đặt vòng xoắn và cung cấp các phương tiện ngừa thai khác được thiết lập ; lại có các xe lưu động đi tới các nơi hẻo lánh xa xôi. Song song với hoạt động của chính phủ, còn có một hội tư nhân được mệnh danh là PPFK (Planned Parenthood Federation of Korea) tích cực giúp đỡ chương trình.

Ngoài ra, hai Đại-học tư tại Hán-thành cũng góp phần đắc lực cho chương trình là Seoul National University và Yonsei University. Trường Đại-học Seoul National phụ trách áp dụng và nghiên cứu kế-hoạch-hóa trong một thí-điểm thành-thị là Sung Dong Gu một quận của Hán-thành. Còn trường Đại-học Yonsei thời phụ trách một thí-điểm nông thôn, quận Kyunggi. Tại mỗi thí-điểm nói trên, ngoài việc thực hiện các công tác chuyên môn, hai trường đại-học còn phải nghiên-cứu về sự hiểu biết, thái độ của dân chúng và kết quả về sự thực hành phương-pháp ngừa thai. Do đó các trường Đại-học trên đây có thể dựa vào kết-quả của công trình nghiên cứu mà đưa ra những khuyến cáo hữu ích cho Chính-phủ.

Đại-hàn khuyến khích việc dùng vòng xoắn nhưng đồng thời cũng cung cấp cho nhân dân những phương tiện ngừa thai khác với giá thật rẻ hoặc phát không.

Sau đây là một vài kết quả của chương trình, riêng về việc đặt vòng xoắn cho phụ nữ và việc thắt ống dẫn tinh trùng cho đàn ông :

	Số phụ nữ đặt vòng xoắn	Số đàn ông thắt ống dẫn tinh trùng
1964	108.892	49.535
1965	226.179	13.078
1966	380.449	19.964
1967	305.359	19.677
Tổng cộng :	1.020.879	102.254

Ngoài ra hàng tháng chính phủ phát không chừng 150.000 bao cao-xu.

Trong năm 1967, chính phủ chi tiêu cho chương trình kế-hoạch-hóa gia-đình

tại trung-ương cũng như địa - phương một ngân khoản là 1.750.000 Mỹ-kim, chưa kể các khoản tiền của ngoại quốc trợ cấp mà tổng số là 2 triệu Mỹ-kim. Phần lớn số tiền này chi dùng cho việc nghiên cứu. Tính ra thời chương trình kế-hoạch-hóa gia-đình mỗi năm chỉ lam tổn cho mỗi người dân 0,07 Mỹ kim khoảng 10 đ. Việt Nam.

Kết quả là mức gia-tăng sinh sản đã giảm đi từ 290/0 vào năm 1961 xuống 2,70/0 vào khoảng năm 1966, như thế ta thấy họ chưa đạt được mục-tiêu đã ấn-định là 2,50/0 vào 1966. Có lẽ vì đồng thời số tử vong cũng giảm đi nên mức gia-tăng sinh sản không giảm được nhiều.

Đài-loan áp dụng kế-hoạch-hóa gia-đình như thế nào ?

Phong trào đặt vòng xoắn IUD phát khởi tại Đài-loan từ 1963, tuy nhiên mãi đến cuối năm 1966 Bộ Nội-vụ mới thành lập một «Hội-đồng Dân số» có nhiệm vụ nghiên cứu một chương-trình quốc-gia về kế-hoạch-hóa gia-đình. Hội đồng này đưa ra trước chính phủ những khuyến cáo về một chính-sách quốc-gia trong chương-trình hoạt-động và từ tháng 5/1968 thời kế-hoạch-hóa gia-đình mới trở thành một chương-trình quốc-gia, được chính phủ thực hiện và đài thọ phí khoản. Từ đó Bộ Y-tế chính thức phát động chương-trình kế-hoạch-hóa trên toàn quốc, do cơ-quan Bảo trợ Mẫu nhi phụ trách với sự trợ giúp của Hội-đồng Dân-số. Về phía tư nhân có hội Bảo trợ Mẫu nhi, một hội do chính phủ nhân Tổng-thống Tưởng-Giới-Thạch đỡ đầu.

Cũng như tại Đại-Hàn, Đài Loan dành ưu tiên cho biện pháp «vòng xoắn

IUD» và kết quả ghi nhận được về vòng xoắn đặt cho các phụ nữ mỗi ngày một tăng-gia như sau :

1963 :	3.650	vòng
1964 :	46.600	—
1965 :	99.253	—
1966 :	111.242	—
1967 :	121.108	—

Ở Đài-Loan, những phụ nữ chọn phương pháp vòng xoắn phần nhiều là các phụ nữ dưới 30 tuổi.

Những người không chịu được vòng xoắn được phép dùng thuốc viên.

Trung bình tại Đài-Loan cứ mỗi tháng có chừng 10.000 người dùng vòng xoắn và chừng 2.500 người dùng thuốc viên.

Trong khi chính phủ Đại-hàn cung cấp cho dân chúng đủ mọi biện-pháp ngừa thai thời Đài-loan chỉ cung cấp vòng xoắn và thuốc viên, dĩ nhiên với một giá rất rẻ, đặt vòng xoắn chỉ tốn 0,75 Mỹ kim (khoảng 100đ. Việt Nam) và dùng thuốc viên tốn 0,25 Mỹ kim (khoảng ngót 40đ V.N.) mỗi tháng.

Còn các biện pháp khác thì dân chúng có thể tự do sử dụng trong địa hạt tư, nghĩa là không được Chính phủ trợ cấp. Trước đây vào cuối năm 1966 và đầu năm 1967 chính phủ cũng đã thử áp dụng các biện-pháp thắt ống dẫn-trứng cho phụ nữ và thắt ống dẫn tinh-trùng cho đàn ông và đã thực hành các biện-pháp này cho lối chừng 12 000 phụ nữ và 1.800 đàn ông, phí tổn là 5 Mỹ-kim cho việc thắt ống dẫn tinh-trùng và 7,5 Mỹ-kim cho việc thắt ống dẫn-trứng. Công việc này đã bị đình chỉ vào tháng 2 năm 1967 vì lý do ngân quỹ eo hẹp.

Tại Đài-loan có một thí-điểm đặc biệt về kế-hoạch-hóa gia đình được tổ-chức vào năm 1965 tại thị-trấn Kaohsiung. Thị trấn này có chừng 630.000 dân. Công việc trọng yếu đầu tiên là phải giao dục y tế để dân chúng hưởng ứng chương trình. Do đó cần phải hiểu trong thị-trấn đó phương-pháp giáo-dục nào hữu hiệu nhất đối với quần chúng. Sau cuộc nghiên-cứu, người ta có xếp thứ tự hiệu quả của các phương pháp như sau :

Vô tuyến truyền thanh :	720/0
Chiếu bóng :	400/0
Báo chí :	290/0
Tuần báo :	190/0
Vô tuyến truyền hình :	130/0

Như vậy ta thấy phương pháp giáo dục quần chúng hữu hiệu nhất tại thị trấn Kaohsiung là Vô tuyến truyền thanh.

Tuy nhiên những cuộc phỏng vấn và nghiên cứu ở mọi nơi, Đại-Hàn cũng như Đài-Loan, đều công nhận là các phương pháp thông tin đều không nhậy bén bằng hình thức thông-tin « khẩu-truyền », nghĩa là do sự mách bảo của hàng xóm. Thế mới hay là những biện pháp từ quần chúng phát sinh ra bao giờ cũng hữu hiệu nhất đối với họ.

Ở Đài-Loan, sự thi hành chương trình kế-hoạch-hóa gia-đình không gặp trở ngại nào đáng kể, những sự chống đối phần nhiều chỉ ở phạm vi cạnh tranh nghề-nghiệp, vì khi chương-trình được phát-động thời một số bác-sĩ mất rất nhiều thân-chủ.

Đài-Loan dành ngân-khoản là 425.000 Mỹ kim, một ngân khoản hạn hẹp so với Đại-hàn (Đại-hàn dành một ngân khoản 4 lần lớn hơn : 1.750.000 Mỹ

kim như trên đã nói). Do đó mỗi người dân Đài-Loan chỉ phải tốn chưa đến 0,05 Mỹ-kim cho chương trình kế-hoạch-hóa gia-đình trong khi Đại-hàn tốn 0,07 Mỹ-kim trên mỗi đầu người cho chương-trình này.

Kết quả tại Đài-Loan không vì vậy mà sút kém : Tiêu-chuẩn của chương trình là phải làm giảm mức tăng gia dân số từ 30/0 xuống 1,80/0 trong khoảng từ 1963-1973, thời ngày nay sau hơn 5 năm hoạt động mức tăng gia sinh-sản đã hạ xuống dưới 2,50/0. Kết quả khả quan này cho phép chúng ta tin tưởng ở sự thành công của Đài-Loan trong việc đạt được tiêu-chuẩn nói trên.

Các biện-pháp áp-dụng tại Việt-Nam

Tại Việt-Nam hiện nay chưa có chương trình kế-hoạch-hóa gia đình. Một trở ngại lớn lao cho sự thiết lập chương trình này là đạo luật ban hành từ 1920. Đạo luật này trừng phạt gắt gao không những sự phá thai, sự bán thuốc ngừa thai, mà còn trừng phạt cả sự quảng cáo thuốc ngừa thai, phổ biến các biện-pháp ngừa thai nữa.

Tuy nhiên để đáp ứng với nhu cầu quốc-gia, Bộ Y-tế đã thành lập vào cuối năm 1967 một « Ủy-ban kế-hoạch gia-đình », trực thuộc Chương-trình Bảo trợ Mẫu nhi. Ủy-ban này có nhiệm vụ nghiên cứu về : Dân số, phân-xuất tử, phân-xuất sinh, mức sống của dân, phản ứng của dân chúng đối với kế hoạch gia đình v.v... (1)

Ủy-ban nói trên khuyến khích sự thành lập một hội tư nhân để phổ-biến

(1) Đã có phản ứng về danh từ « kế hoạch gia đình » trên BK. số 283 (15/10/68) trang 44.

tư tưởng kế-hoạch-hoá gia đình trong dân chúng. Hội này đã được thành lập và lấy tên là « Hội Bảo vệ Hạnh-phúc gia-đình ». Đồng thời Ủy ban nói trên đã thiết lập được 7 thí điểm đặt vòng xoắn tại Saigon và một số tỉnh, với mục đích nghiên cứu. Thí điểm tại Saigon được đặt tại Bảo-sanh-viện Hùng-vương. Tại đây cuộc thí-nghiệm rất dè dặt vì các phụ-nữ muốn được đặt vòng xoắn phải hội đủ một số điều kiện như sau :

- Phải có giá thú hợp pháp.
- Phải được chồng cho phép
- Phải có ít nhất 5 năm con còn sống.

Phí tiền đặt vòng xoắn rất rẻ tại các thí điểm này.

Sau này, nếu cần, chính phủ sẽ dựa vào kết quả công cuộc nghiên cứu của các thí điểm nói trên mà xin sửa đổi luật pháp, trừ phi Quốc-hội có sáng kiến trước. Chúng ta hy vọng rằng công cuộc nghiên cứu của Bộ Y-tế sẽ thành công và cống hiến được nhiều dữ-kiện hữu ích nếu một chương trình quốc-gia về kế-hoạch-hóa gia-đình được thi hành tại nước ta.

Lợi và hại của chương-trình kế-hoạch-hóa gia đình

Hiện nay ở nước nhà có nhiều người còn chống đối « kế-hoạch-hóa gia đình » hoặc vì lý do tôn giáo, hoặc vì quan niệm cổ truyền cho rằng đông con đông cháu là có phước, hoặc nghĩ rằng « trời sinh voi, sinh cỏ » và còn nhiều lý do khác nữa. Có người lại hiểu lầm rằng kế-hoạch-hóa gia đình có nghĩa là làm tuyệt tự, làm dân số giảm đi. Sự thực thì kế-hoạch-hóa gia đình có nghĩa là điều hòa sinh

sản, làm cho các bậc làm cha mẹ có được số con tương hợp với số lợi tức của họ. Có rất nhiều biện pháp ngừa thai mà khi ngừng áp dụng các bà mẹ vẫn thụ thai được như thường.

Chương trình kế-hoạch-hóa gia đình không hề làm cho dân-số giảm đi mà chỉ làm cho dân-số tăng lên vừa phải, nói khác đi là làm cho mức tăng gia sinh sản không quá cao.

Việt-Nam chúng ta mặc dầu đang ở trong tình trạng chiến tranh mà mức tăng gia sinh sản vẫn còn là 3%. Đó là một mức tương đối cao, ngang với Đài Loan khi xứ này chưa thực hiện chương-trình kế-hoạch-hóa gia đình. Người ta tính rằng với mức tăng gia này thì trong 23 năm nữa, dân số của nguyên Việt-Nam Cộng-Hòa sẽ tăng gấp đôi tức là khoảng 32 triệu và sau 46 năm sẽ tăng gấp 4 tức là khoảng 64 triệu.

Như vậy, dù nông nghiệp có được canh tân, đất hoang có được khai thác hết, kỹ-nghệ có được phát triển, thời lợi-tức quốc-gia cũng không đủ cung ứng một đời sống sung túc cho một số dân đông đảo đến như vậy. Do đó, trong tương-lai, nhất là trong kế hoạch kinh tế hậu chiến, chúng ta nên áp dụng kế-hoạch-hóa gia đình.

Theo kinh nghiệm của hai nước bạn Đại-Hàn và Đài-Loan thời chính phủ, tuy phải dành một ngân-khoản cho việc kế-hoạch-hóa gia đình, nhưng lại tiết kiệm được một ngân-khoản lớn dùng để cung cấp dịch-vụ hộ sinh, và ngân-khoản để điều trị một số lớn trẻ em. Nhờ kế-hoạch-hóa gia đình, hai nước nói trên đã phát triển kinh tế một cách dễ dàng hơn, mức lợi tức trên

mỗi đầu người được cao hơn. Số trẻ em giảm bớt nên việc giáo-dục được đầy đủ hơn. Nhờ kế-hoạch-hoá gia đình và sự tiến triển về Y-tế công-cộng, người ta nhận thấy tại hai nước nói trên thành phần tuổi tác trong xã-hội đã đổi khác. Trước khi có kế - hoạch-hoá gia đình, số người tráng niên, tức là số người làm việc được, phải nuôi một số đông đảo lớp người ấu-niên và lão niên, tức là những người không sản-xuất cho xã hội. Sau khi áp dụng kế-hoạch-hoá gia-đình thời thành phần tuổi tác thay đổi, số người ấu-niên bớt đi, lớp người ấu-niên này được bảo vệ săn sóc cẩn thận nên số tử vong ít đi, khiến cho số người tráng niên tăng lên, và số người tráng niên này chỉ phải nuôi một số ít người ấu niên, lợi tức gia đình sẽ rời rạc và có thể săn sóc số người lão niên một cách đầy đủ hơn.

Khi chính-phủ áp dụng kế-hoạch-hoá gia đình thì những lớp người nghèo được hưởng lợi-ích tức thời, vì họ có thể tăng-gia ngân quỹ gia-đình, sống một đời sung túc hơn, giáo dục con cái được cẩn thận hơn, cho theo học đầy đủ hơn, bảo vệ sức khoẻ gia đình và do đó hạnh phúc gia-đình được bảo đảm hơn.

Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích kể trên, kế-hoạch-hoá gia-đình cũng có thể mang lại những điều bất lợi. Người ta nhận thấy ở Đại-Hàn và Đài-Loan, mặc dầu luật cấm phá thai vẫn còn nhưng số phụ nữ phá thai lại tăng gia trong khi đã có các biện pháp ngừa thai khác, đó là một điều trái ngược lại hẳn những điều dự đoán. Nguyên nhân có lẽ vì ý

niệm kế-hoạch-hoá gia-đình càng phát triển thì người ta lại càng quyết liệt định rằng phải có một số con đúng theo ý muốn, vì thế khi lỡ có bầu là họ đi phá thai ngay. Sự phá thai có hậu quả là làm hại sức khoẻ của người mẹ, vì thế nên chúng ta áp dụng kế-hoạch-hoá gia-đình cần phải lưu ý đến điểm này.

Lại còn một phương diện khác rất quan trọng là khi phát khởi chương-trình kế-hoạch-hoá gia - đình, chúng ta sẽ phải cung cấp cho dân chúng, cơ quan, những phương tiện ngừa thai, cả trong công quyền cũng như trong địa hạt tư. Việc cung cấp này có thể gây ra sự lạm dụng không? Nghĩa là các thanh niên nam nữ có thể dựa vào chương trình kế-hoạch-hoá gia đình mà đi sâu vào con đường truy lạc không? Người ta kể lại rằng đã có lần tại một trường Đại-học ở Huê-kỳ, các cô nữ sinh-viên đã biểu tình đòi hạ giá thuốc ngừa thai, vì nếu đắt giá quá thì "bồ" của các cô không mua nổi. Tuy nhiên đó chỉ là câu chuyện bên trời Âu-Mỹ, riêng tại Đại-hàn và Đài-Loan không có vấn đề thanh thiếu niên lạm dụng thuốc ngừa thai. Nhưng dù sao cũng là một vấn-đề mà chúng ta không thể không chú ý.

Tóm lại, có vài điểm mà chúng ta phải thận trọng trong khi tiến hành chương trình kế-hoạch-hoá gia đình, nhưng chúng ta không thể phủ nhận được những ích lợi lớn lao của chương-trình và sự cần thiết lập chương trình đó trước vấn đề nhân mãn và vấn đề phát triển kinh tế.

THẾ NHÂN

Thời-sự thế-giới

● TỪ-TRÌ

Trong những tuần qua người ta chú ý nhiều tới sự ra mắt của tân nội các Nixon ở Hoa Kỳ và những cuộc khủng hoảng quốc tế tại Trung Đông cũng như những cuộc khủng hoảng nội bộ tại Ý và Ba Tây. Nếu các cuộc khủng hoảng của Ý và Ba-Tây chỉ là những khủng hoảng nội bộ phản ảnh của một chính thể thì khủng hoảng tại Trung Đông làm cho thế giới lo ngại rằng mỗi lửa chiến tranh lại có thể bùng lên đe dọa hoà bình thế giới.

Mỹ-châu : Tại Hoa-kỳ tân nội các Nixon ra mắt quốc dân.

Sau nhiều ngày suy tính cân nhắc và tham khảo ý kiến các nhân vật chính trị quan trọng trong nước, ông Nixon đã đưa ra trình diện trước quốc dân Mỹ một nội các sẽ cùng ông cầm vận mệnh Hoa Kỳ và thế giới trong 4 năm sắp tới. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hoa-Kỳ mà một vị Tổng-thống tân cử đưa ra cùng một lúc toàn thể các bộ trưởng trong chính phủ.

Nội các của ông Nixon gồm có 12 người :

— Ông Williams P. Rogers được cử giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại-giao.

— Ông Melvin Laird giữ chức Bộ trưởng Quốc-phòng

— Ông David Kennedy được giao phó chức Bộ trưởng Tài-chính

— Ông John Mitchell, Bộ-trưởng Tư-pháp,

— Ông Robert Finch, Bộ-trưởng Y tế, Giáo dục.

Đó là 5 nhân vật quan trọng nhất trong tân nội các. Ngoài ra người ta còn thấy 7 vị Bộ-trưởng khác kém quan trọng hơn. Đó là các ông Winton Blount (Bưu điện), Clifford Hardin (Canh nông), Walter Hickel (Nội vụ), George Romney (Phát triển đô thị), George Schutz (Lao động), Maurice Stans (Thương mại) và John Volpe (Giao thông).

Tuy các vị Bộ trưởng mới không có nhiều tên tuổi mấy trên chính trường từ trước tới nay nhưng dư luận dân chúng Hoa-kỳ đều tỏ ra hài lòng vì tất cả đều là những người có đầy đủ khả năng và đã thành công lớn trong đời sống cá nhân của mỗi người.

Nội các của ông Nixon được coi là giống ông như hai giọt nước. Thật vậy các tân bộ trưởng phần lớn đều có một cuộc đời chân chỉ và cần cù như ông Nixon. Cũng như ông Nixon, họ là những sản phẩm của giai cấp trung lưu. Cũng như ông, họ đã bắt đầu ra đời trong những điều kiện khó khăn ; sau đó, họ vượt các trở ngại và sự nghèo khó để trở thành giàu sang. 7 vị bộ trưởng trên 12 vị đã trở thành triệu phú sau nhiều năm tranh đấu. Đó là các ông Blount, Hickel

Kennedy, Rogers, Romney, Stans và Volpe. Cũng như ông Nixon, họ phần lớn đều là những sản phẩm của các trường Trung học tỉnh lỵ (trừ hai ông Laird và Finch xuất thân tại các trường Trung học có tiếng). Sau hết cũng như ông Nixon, tất cả các bộ-trưởng mới (ngoại trừ ông Mitchell đã ly dị) đều có gia đình, vợ con đẽ huề.

Nói tóm lại, nội các Nixon tượng trưng cho giới trung lưu Hoa-kỳ với những nếp sống và chí hướng của phái trung lưu. Họ không có những thành tích hay kiến thức lớn rộng như các cộng sự viên của các ông Kennedy và Johnson, nhưng họ là những người mà dân chúng Mỹ coi là tượng trưng cho xã-hội Mỹ, những người tự lập (self-made men), những người làm việc hữu hiệu và có một đời sống đạo đức không chê trách được.

Đặc biệt nhất là trường hợp tân Ngoại trưởng William Rogers. Ông Rogers cũng cùng tuổi với ông Nixon, 55 tuổi. Ông cũng sinh trưởng tại một tỉnh nhỏ. Được bầu vào Quốc hội, ông Rogers gây được tiếng vang trong các vụ điều tra tội-phạm. Dưới triều đại Tổng-thống Eisenhower, ông Rogers cũng đã giữ chức vụ quan trọng là Tổng trưởng Tư pháp. Khi Tổng Eisenhower rời Bạch Cung, ông Rogers cộng tác với một văn phòng luật-sư và trở thành một luật-gia có tiếng. Đọc tiểu-sử ông, người ta có cảm tưởng là tiểu-sử của ông Nixon. Với hai cuộc sống giống nhau tới mức lạ lùng như vậy, lẽ dĩ nhiên là hai ông Nixon và Rogers trở nên tương đắc. Trong mỗi giai-đoạn quan trọng của cuộc đời ông Nixon, người ta đều thấy hình bóng ông Rogers. Thật vậy, năm 1948 khi còn là Hạ nghị-sĩ, ông Rogers đã giúp ông Nixon rất nhiều trong việc truy tố Alger Hiss. Năm

1952 khi bị phe đối lập tố cáo là đã xử dụng một quỹ đen bí mật, ông Nixon nhờ ông Rogers mà đã biết cách lật ngược thế cờ. Năm 1955, khi Tổng-thống Eisenhower bị bệnh nặng, ông Rogers đã giúp ông Nixon rất nhiều trong việc xử-lý thường-vụ.

Vì vậy người ta không ngạc nhiên khi thấy ông Rogers được chọn làm Ngoại-trưởng. Tuy chưa có kinh nghiệm gì về ngành Ngoại-giao, nhưng nhiều người, nhất là các thượng nghị-sĩ trong Ủy-ban Ngoại-giao Thượng-viện, tin rằng ông Rogers sẽ thành công vì ông sẽ không có những thành-kiến và người ta tin vào trí phán đoán vững chắc của ông vì đó là điểm mà ngành Ngoại giao đòi hỏi nhiều nhất.

Tuy các Bộ-trưởng đều là những người có khả năng, nhưng người ta vẫn thấy rằng ông Nixon đã gặp nhiều thất bại trong việc đi tìm một chính-phủ đoàn-kết quốc-gia. Ông Nixon đã thành lập một chính-phủ toàn người da trắng, toàn phe Cộng-hòa, toàn nam giới, không có sự tham gia của người da đen, đảng viên Dân-chủ và phụ-nữ. Thật vậy, Thượng nghị-sĩ da đen Brook cũng như ông Humphrey đã từ chối không chịu nhận chức vụ Đại-sứ Hoa-kỳ tại Liên-hiệp-quốc.

Với một chính phủ hợp với đường lối và lý tưởng của ông, Tổng-thống Nixon sẽ có thể làm việc một cách hữu hiệu vì sẽ ít xảy ra những sự tranh chấp giữa ông và các cộng-sự-viên như dưới triều - đại Johnson. Nhưng các quan-sát-viên ngoại-quốc ngại rằng với một nội các trung-lưu, với một tính chất bảo-thủ, đặc tính của phái trung lưu, Hoa-kỳ

sẽ dần dần quay trở lại chính sách biệt lập (isolationnisme) và sẽ rút lui khỏi vai trò quốc tế của họ dưới triều đại Nixon.

Nam-Mỹ : khủng hoảng chính trị tại Ba-Tây

Bốn năm sau khi lật đổ chính thể dân cử của Tổng-thống Joao Goulart, quân đội Ba-Tây vẫn không giải quyết được các vấn đề kinh tế và xã hội trầm trọng mà Ba-Tây phải đối phó. Nạn lạm-phát ngày một bành trướng. Dân chúng không có đủ trường học. Trong một quốc gia có 90 triệu dân mà chỉ có 158.000 sinh viên. Vì vậy sinh viên và tả phái biểu tình phản đối chính phủ, đòi tái lập một chính phủ dân cử Hữu phái, trước những vụ lộn xộn do tả phái gây ra, đã phản ứng lại mãnh liệt bằng cách tổ chức những cuộc bạo động, khủng bố phe tả.

Chính quyền Ba-Tây do Thống chế Costa e Silva lãnh đạo đã dung túng phe hữu. Vì vậy cảnh sát và quân đội chỉ đàn áp những cuộc biểu tình của tả phái và chỉ tầm nã các phạm nhân thuộc phe này.

Tại Quốc-hội, một dân-biểu đối lập, Moreira Alves chỉ trích thái độ của chính phủ và quân đội. Alves còn yêu cầu dân chúng phản đối bằng cách tẩy chay cuộc duyệt binh trong ngày quốc khánh.

Quân đội đòi đưa Moreira Alves ra xử trước tòa án vì tội nhục mạ quân đội. Nhưng vì Moreira Alves là dân biểu nên muốn đưa ra xử phải được phép của Quốc-hội. Quốc-hội bằng 216 phiếu chống và 141 phiếu thuận, từ chối không cho phép đưa Moreira Alves ra xử. Vì vậy Quân-đội làm áp lực với

Tổng-thống Costa e Silva đề ông tìm biện pháp đối phó với Quốc-hội.

Vì là quân nhân và cũng vì sợ quân đội làm đảo chính lật đổ ông, nên Tổng thống Costa e Silva đã ra lệnh đóng cửa Quốc-hội, đình chỉ hiến-pháp và tự cho ông mọi quyền hành. Đồng thời các chính-trị-gia bưng bình, trong đó có cựu Tổng-thống Kubitschek, đều bị tống giam.

Một lần nữa, thêm một quốc-gia Nam Mỹ lúng túng với khủng hoảng định chế. Trường hợp Ba-Tây cho ta thấy rõ tại lục-địa này người ta chưa tìm được một giải-pháp dung hòa cho nhu cầu dân-chủ và nhu-cầu phát-triển quốc-gia.

Âu châu : Khủng hoảng xã-hội và chính-trị tại Ý

Không riêng gì tại Ba-Tây, tại Ý-đại-lợi một cuộc khủng hoảng xã-hội cũng đã bùng nổ. Hơn 2 triệu công nhân đình công đòi tăng lương. Và sinh viên cũng biểu tình đòi cải-tổ Chính-phủ Ý do Thủ tướng Aldo Moro đã từ chức. Cuộc khủng hoảng chính trị này chỉ mới được chấm dứt bằng việc thành lập một nội các mới. Nội các này dựa trên sự liên-hiệp của ba đảng Dân-chủ Thiên-chúa-giáo, Xã-hội và Cộng-hòa. Đây là chính phủ thứ 29 từ khi đệ-nhi thế - chiến chấm dứt. Thủ tướng Chính phủ là ông Rumor thuộc đảng Dân-chủ Thiên-chúa-giáo, Phó Thủ-tướng là ông Francesco de Martino, thuộc phe cực tả, và ông Nenni (77 tuổi) thuộc đảng Xã-hội giữ chức Tổng trưởng Ngoại-giao. Với một chính phủ khuynh tả, ông Rumor hy vọng sẽ tìm được sự thỏa thuận với sinh viên và thợ thuyền.

Sự thật thì tân chính phủ cũng sẽ

bị bắt lức như những chính phủ trước. Vì xã hội Ý mắc phải nhiều căn bệnh trầm trọng. Trước hết là sự hoài nghi của dân chúng trước chính quyền, sau đó là sự thiếu khả năng của công chức và sự phân phối tài sản đồng đều. Ngoài ra chính-thể đại-nghị với sự hiện hữu của quá nhiều đảng-phái làm cho guồng máy chính-trị của Ý càng thêm đình trệ. Nếu không giải quyết kịp thời những nạn này, Ý có lẽ khó mà tránh được cuộc khủng hoảng như Pháp hồi tháng 5 và 6 vừa qua.

Trung Đông : tình trạng căng thẳng giữa

Do-Thái và Ả-Rập

Sau ít lâu ngưng chiến, Do-thái và Ả-rập thỉnh thoảng lại nổ súng trở lại. Do-thái đã hạ một chiếc oanh-tạc-cơ Mig 17 của Ai-Cập rồi sau đó đã nã súng sang quân đội Jordanie qua bờ sông Jourdain. Quân đội Jordanie cũng phản công mạnh mẽ.

Thật ra người ta không rõ bên nào bắn trước bên nào. Trong nhiều năm sống chung trong một tình trạng cực kỳ căng thẳng cả hai bên Ả-Rập và Do-thái gần như đã hết bình

tình. Chỉ vì một cơ rất nhỏ là họ đã nổ súng vào nhau. Tình trạng này khiến cho hoà-bình ở Trung-Đông trở nên hết sức mong manh. Chỉ một cuộc đụng độ thật nhỏ cũng đủ biến Trung-Đông thành bãi chiến trường. Tân Tổng - thống Mỹ Nixon thừa hưởng tình-trạng này nên ông đã gửi ông William Scranton sang hoà-giải.

Ông Scranton sau khi gặp các lãnh-tụ Ả-Rập và Do-Thái đã tuyên bố đại ý là ông Nixon muốn xiết chặt giây liên lạc với các quốc gia Ả-rập. Do-thái đã tỏ ra hết sức xúc động về lời tuyên bố này và ông Nixon đã phải lên tiếng cải chính. Tuy nhiên sau khi trở về hội-kiến với ông Nixon trong 2 giờ đồng hồ, ông Scranton vẫn giữ nguyên quan-điểm trên. Người ta tự hỏi khi ông hiểu ông Scranton không thể hiểu nổi ông Nixon hay là tại ông Nixon muốn thả một quả bóng để thăm dò dư luận trước khi quyết định một đường lối ở Trung Đông.

Dù có đường lối nào đi nữa, dù thân Ả-rập hay thân Do-thái, ông Nixon cũng vẫn còn sẽ gặp nhiều khó khăn trong những năm tới tại Trung-Đông.

TỪ TRÌ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

NHÂN DỊP ĐOÀN VĂN-NGHỆ V. N. XUẤT NGOẠI

TRÌNH DIỄN TẠI BA-LÊ, LUÂN-ĐÓN VÀ BẮC-PHI,

LÊ-PHƯƠNG-CHI phỏng vấn PHẠM-DUY, NĂM-CHÂU
và NGUYỄN TẤN THỌ đề tìm hiểu :

Kinh nghiệm một chuyến đi

PHẠM DUY : Hai chữ Việt-Nam to quá, bao nhiêu năm xương máu đổ xuống đã tô đậm cho hai chữ Việt-Nam, thành thử nghe nói đến V.N. là người ta tìm đến... Họ lấy làm lạ rằng một dân tộc đã chịu đựng một phần tư thế kỷ chiến tranh đau khổ như thế mà cũng còn hát được...

... — Không nên áp dụng chính sách kham khổ quá mức đối với nghệ sĩ, khi họ phải diễn cực nhọc. Nên có cuộc tiếp tân để anh em trong đoàn được mời các kiều bào, thân hữu. Các ông chính phủ dám bỏ mười mấy triệu để đi trình diễn không bán vé cho kiều bào xem, mà không dám tốn thêm chút ít nữa để gây một tình cảm tốt đẹp và sâu xa trong lòng kiều bào thì chẳng khác chi bỏ bao nhiêu triệu xây đài T.H.V.N mà không dám chi tiền rộng rãi cho những show có giá trị, bỏ bao nhiêu triệu dựng lên Trung - tâm Điện - ảnh, mà không dám bỏ tiền để làm những phim lớn.

Khi biết rõ mục đích cuộc phỏng vấn, Phạm-Duy cười lớn : chuyện đưa một đoàn văn nghệ đi ngoại quốc lúc này dễ hơn đem một đoàn hát đi Qui-nhơn hoặc Đà-nẵng. Vì suốt hai mươi lăm năm chiến tranh, sự đi lại trong những vùng đang đánh nhau rất khó khăn. Bằng chứng là trong những lần tôi và Tạ Ty cùng phái đoàn Văn nghệ Quân đội chừng mười người, đã phải ăn chực năm chờ ở Đà nẵng suốt một ngày, mới có máy bay về Sài Gòn. Giá dụ bây giờ, giao cho tôi một đoàn 37 người như vậy, bảo đưa đi Cần-thơ trình diễn chẳng hạn. Thú thật là tôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn vì chiến tranh chi phối. Hơn nữa, sự thành công cũng không được đảm bảo vì dân chúng Việt nam sau mấy mươi năm lửa đạn, họ đã chán chường, khó mà làm cho họ tán thưởng một cách đầy nhiệt tình như chúng tôi đã thu nhận được trong cuộc trình diễn ở ngoại quốc vừa rồi. Có lẽ khán giả Việt-nam đã quen với những nghệ phẩm như thế rồi, thêm vào đó, dân chúng VN đang sống trong dầu sôi

lửa bỏng, họ không còn bình thần thưởng ngoạn như khán giả ngoại quốc, họ đòi hỏi như một con hồ háu ăn, khó lựa món nào hợp khẩu vị của họ. Do đó, tôi so sánh thấy rằng đi lưu diễn ở ngoại quốc rất giản dị. Rạp thì mình giữ chỗ trước, máy bay hoặc ô tô, tàu hỏa chạy rất thông suốt và đúng giờ. Khán giả phần đông là Việt-kiều đang ngóng chờ và tiếp đón một cách nhiệt tình. Nhất là rạp hát ở ngoại quốc tối tân từ hệ thống âm thanh cho đến ánh-sáng, giúp cho anh em nghệ sĩ gặt hái sự thành công dễ dàng. Chẳng hạn như ở Rabat (Maroc), mình tưởng là xứ lạc hậu, không ngờ rạp hát lại tối tân hơn nhiều rạp ở Nữ-Ước mà tôi đã có dịp đi qua. Rạp của họ có đầy đủ phương tiện, màn Cô Gái Diên nhờ hệ thống ánh sáng tối tân mà hay hẳn lên. Hệ thống âm thanh cũng quá tốt, không cần một rùng micro dàn ra trước miệng kép Thành-Được như rạp Sài-gòn, khán giả ngồi tít đằng xa ai cũng nghe rõ. Thành-Được dễ sống với vai trò của mình, khỏi lệ thuộc vào mấy cái micro trước mặt. Một điều khích lệ chúng tôi là khán giả các nơi ấy đều chờ đợi đoàn văn nghệ Việt Nam. Vì hai chữ Việt Nam to quá. Bao nhiêu năm xương máu đổ xuống đã tô đậm cho hai chữ Việt Nam to bằng ngọn Hi-mã Lạp-soni Thành thử nghe nói đến VN là người ta tìm đến. Không phải họ đến với VN chết chóc, VN tham nhũng, VN bần thiêu, mà họ chỉ đến để xem cái VN nơi chúng tôi đầy thơ mộng. Họ lấy làm lạ rằng một dân tộc đã chịu đựng một phần tư thế kỷ chiến tranh đau khổ như thế, mà cũng còn hát được. Do đó mà nghệ thuật trình diễn của đoàn chúng tôi hay một cũng hóa hay mười. Chữ nghệ thuật của bản thân chúng tôi mà đem so với các nước khác thì chẳng địch nổi với ai cả.

— *Xin Phạm-Duy cho biết những điệu vũ nào được khán giả ngoại quốc hoan nghênh nhiều nhất? Và có biểu diễn những điệu vũ hờ hạng không?*

— Không bao giờ có cái chuyện vũ hờ đến đâu gối chửi đừng nói hờ đến háng. Như anh đã biết, trong những năm gần đây tinh thần dân tộc nước mình đang lên, các ông vũ sư như Trịnh-Toàn, Lưu-Hồng, Hoàng-Thi-Thơ cũng đã nghiên cứu sáng tác những điệu vũ gọi là vũ-dân-tộc. Khi đưa những điệu vũ này trình diễn, khán giả ngoại quốc rất thích vì họ thấy vũ sinh xinh xắn, y phục lạ mắt, nhịp điệu không cuồng nhiệt, nhưng cũng mềm dẻo, chứ không đến nỗi nhà quê lắm. Còn Việt-kiều thì lấy làm lạ tại sao người Việt nam ở nước nhà lại có thể tiến nhanh như vậy được. Người ta hoan nghênh không phải vì các điệu vũ biểu lộ được tinh thần dân tộc VN, mà chính là họ thấy lạ, thấy đẹp. Chẳng hạn như màn múa trống được hoan nghênh nhiệt liệt...

— *Trong lúc đó, Tổ Nhạc của Phạm-Duy trình bày những bài ca gì? Những bài dân ca nào của Phạm-Duy được hoan nghênh nhất? Và Tổ Dân Ca Dân nhạc gồm có những ai?*

— Ngô-Nhật-Thanh, Vinh-Phan, Ban AVT, Hồ-Điệp, Minh-Tuyết và tôi.



Minh Tuyết, Phạm Duy và Hồ Điệp tại sân khấu ngoại quốc

Hát thì hát Dân ca cổ truyền, chúng tôi chọn những điệu dân ca cổ truyền muôn thuở của dân tộc VN. Như các bài Lý Đờ Đờ, Lý Tình Tang, Lý Chim Khuyên là ba bài Dân ca cổ truyền của ba miền Nam, Trung, Bắc. Nhạc khí thì là đàn tranh, đàn độc huyền, đàn cò v.v... Tôi không hát một bài dân ca mới nào của tôi cả. Tôi chủ trương không đưa cái Phạm-Duy sáng tác, mà chỉ sử dụng Phạm-Duy sân khấu thôi.

— *Xin cho biết nhiệm vụ của Phạm-Duy trong chuyến đi ấy ?*

— Nhiệm vụ chính của tôi là tiền đạo, đi trước để tổ chức mọi việc sẵn sàng cho đoàn qua sau. Tình hình khi chuẩn bị cho đoàn xuất ngoại có vẻ bi quan lắm. Các tòa đại sứ đánh điện về bảo đừng đi vội, hãy chờ sáu tháng sau, chờ chuẩn bị chu đáo hẳn đi, vì bây giờ sợ không lấy được rạp v.v... Nhưng ông Tôn-Thất-Thiện Tổng trưởng Thông Tin đồng ý để tôi đi trước mười ngày. Tôi đi ngày 15-10, đoàn đi ngày 24, hay 25 gì đó. Nhờ đó tôi mới lấy được rạp ở Paris và lấy luôn rạp ở Londres, lúc ở nhà chưa nghĩ đến chuyện trình diễn ở Anh-quốc. Vấn đề thuê rạp và chỗ ở, một phần lớn là nhờ các tòa đại sứ. Nhưng cái chính là phải có mình đến nơi thì họ mới giúp cho. Vì họ lo chuyện chính trị và ngoại giao chứ đâu phải chuyện hát xướng. Sau đó tôi mới liên lạc với Rabat, Casablanca ở Maroc và Dakar ở Sénégal. Nếu không có người đi trước để chuẩn bị rạp thì làm sao có rạp trống chờ mình đến diễn đúng vào những ngày giờ mình muốn. Ở Sài Gòn muốn thuê rạp Hưng Đạo trong thời gian mười ngày trước còn khó, có phải không anh ?

— *Phạm Duy nghĩ thế nào về số tiền do phái đoàn tiết kiệm dư được 5 triệu ?*

— Ô, đó là kết quả những sự chịu đựng kham khổ của anh em nghệ sĩ trong đoàn. Đó cũng là một điều tốt. Nhưng theo tôi, không nên áp dụng chính sách kham khổ quá mức đối với nghệ sĩ, khi họ phải lưu diễn cực nhọc.

Lại nữa, cũng nên có những cuộc tiếp tân để cho anh em trong đoàn như Năm Châu, Phùng-Há, Hoàng-Thi-Thơ chẳng hạn, được mời các kiều bào thân hữu đi ăn một bữa cơm thân mật để thông cảm nhau hơn, cho họ bớt hiểu lầm về miền Nam này, như thế sẽ có lợi vô cùng. Cáo ông chính phủ dám bỏ ra mười mấy triệu để đi trình diễn không bán vé cho kiều bào xem, mà không dám tốn thêm chút ít nữa để gây một tình cảm tốt và sâu xa trong lòng kiều bào, thì chẳng khác nào mấy ông chịu tốn phí bao nhiêu triệu để xây đài THVN mà không dám chi tiền rộng rãi cho những show có giá trị, dám bỏ bao nhiêu triệu dựng lên Trung-Tâm Điện - ảnh mà không dám bỏ tiền để làm những phim lớn. Như vậy thì các ông đừng trách dân chúng chỉ thích xem TV Mỹ, xem phim ngoại quốc.

— Ngoài nhiệm vụ đi trước thuê rạp, Phạm-Duy còn làm những gì khi đi chung với đoàn ?

— Giới thiệu từng màn một trước khi trình diễn bằng tiếng Pháp ở Paris, Maroc và Sénégal, bằng tiếng Anh ở Londres. Và đệm đàn cho các cô Hồ-Điệp, Minh-Tuyết hát, và cũng đệm cho Trần-Văn-Trạch hát nữa.

— Các màn Cải lương, Phạm-Duy đã giải thích cho khán giả ngoại quốc về cốt truyện hay cả lời ca ?

— Giải thích luôn cả cốt truyện, cử chỉ và cả những kịch tính từng lúc một. Chẳng hạn khi Thành-Được hoặc Phùng-Há ra sân khấu, tôi phải cắt nghĩa: "đó là một ông tướng VN vào thời đại bấy giờ"... Khi Thành-Được ca, tôi chỉ giới thiệu đại cương: "ông tướng ấy đang bực mình vì ông ta yêu cô My-nương, mà My-nương lại đi yêu con trai của kẻ thù, vậy thì ông ấy sẽ tìm cách hạ giá trị kẻ thù trước mặt người yêu v.v..". Khán giả ngoại quốc có hiểu được hay không hả ? Hiểu được lắm chứ. Vì trước khi mở màn cải lương, tôi đã giới thiệu cốt truyện Trọng Thủy My Châu là một thảm kịch gần như quốc tế. Nó chẳng khác nào Le Cid của Corneille, cũng có con của hai kẻ thù yêu nhau. Đó là thảm kịch muôn thuở của loài người. Nhưng ở VN chúng tôi thể hiện bằng hình thức ca nhạc bình dân để được phổ biến rộng rãi trong dân gian...

— Phần đông các nghệ sĩ VN có bỏ ngỡ lần đầu khi họ phải trình diễn trên một sân khấu rộng lớn gấp đôi sân khấu nước nhà ?

— Khả năng người VN rất dễ thích ứng với hoàn cảnh một cách kinh khủng. Nhất là những người chưa xuất ngoại lần nào, họ cũng chỉ bỏ ngỡ trong vài giây đầu, rồi đâu lại vào đấy. Đó là một điều rất đáng cho chúng ta tự hào. Nhất là hôm đến Rabat, không có thì giờ để tổng duyệt (répétition générale). Vì đoàn sang đến nơi từ 13g trưa, còn phải đi xe hơi từ Casablanca về Rabat để tối đó diễn. Không còn thì giờ để tổng duyệt. Làm cho bà giám đốc rạp hát ở đấy rất băn khoăn, bà ta cứ loay quanh ở sân khấu. Gặp nghệ sĩ nào, bà ta cũng đặt câu hỏi tại sao các ông không répétition générale thì tối nay làm sao các ông diễn được trôi chảy ? Chúng tôi cũng chẳng biết làm gì hơn là 21g mở màn, thì 17g đưa nhau đến chỉ cho nhau thấy sân

khẩu như thế này, vị trí trình diễn mỗi người phải như thế nọ, thế kia. Sau đêm trình diễn ấy, bà ta rất ngạc nhiên, không ngớt khen ngợi: « Tôi không thể tưởng tượng được tại sao các ông lại có thể làm được đến như thế. Tôi đã từng trông thấy nhiều đoàn hát quốc tế đi qua đây, không một đoàn nào có thể không répétition générale mà lại dám trình diễn như các ông đã làm ». Đó là một điều làm cho chúng tôi rất lấy làm thú vị. Điều thứ hai là trước khi ra đi, đoàn chúng tôi có đòi hỏi được đem theo một người lo về quần áo cho các nghệ sĩ (habilleuse), thì có người kêu ầm lên tại sao lại cho đi làm gì? Khi sang đến bên ấy, anh thử tưởng tượng là suốt 3 giờ trình diễn, quần áo phải thay đổi khoảng chừng 100 bộ cho từng ấy người theo từng màn. Thế mà một mình chị Khinh, cháu của chị Phùng Há, chị ta vừa ủi quần áo cho ngàn ấy người, vừa phải thuộc các lớp nào dùng y phục nào, phải lấy treo sẵn lên móc cho mỗi người. Nhất là phải biết bộ đồ nào của người nào mới thật là tài. Có một số chuyên viên sân khấu các nước họ đến xem lối làm việc ở hậu trường của mình. Họ rất lấy làm kinh ngạc, họ xin tôi đưa họ đến bắt tay khen ngợi chị Khinh. Họ nói không hiểu tại sao bà ta không cần phải ghi chú vào một mảnh giấy nào cả, thế mà bà ta vẫn thuộc được giờ nào, màn nào, bộ quần áo nào, của nghệ sĩ nào để sắp sẵn một cách đầy đủ. Họ thán phục bằng những cặp mắt kinh ngạc. Họ nói khả năng làm việc của một habilleuse của VN bằng sức làm việc ít nhất cũng phải đến ba người của họ. Anh thấy có đáng hãnh diện không?

— *Xin Phạm Duy kể cho nghe việc mấy ông VC tổ chức phá hoại mấy đêm hát của đoàn chúng ta ở Paris và ở Londres?*

— Thế này nhé. Khi chúng tôi mới sang Paris, cùng một lúc với Phạm-vấn-Ba, giám đốc phòng thông tin của MTGPMN. Sẵn dịp tổ chức buổi tiếp tân ông ta ra mắt kiều bào hải ngoại, cán bộ Cộng sản tuyên bố rõ rệt rằng: « kiều bào nên tẩy chay đoàn Văn nghệ của chính quyền miền Nam gửi sang ». Họ cho rằng chúng tôi sang đó cũng sẽ tuyên truyền như họ đã từng làm. Nhưng họ có biết đâu trước khi chúng tôi đi chúng đã được đề nghị là chỉ trình diễn văn nghệ thuần túy, nhất định không tuyên truyền cho ai cả. Chúng tôi chỉ thể hiện trên sân khấu những nét hay, đẹp cổ truyền muôn thừa của dân tộc VN ba miền. Không đả động đến chủ nghĩa nào, không đề cao cá nhân ông Thiệu, ông Hương hay ai cả. Do đó mà chúng tôi nhận đi. Thế là các ông VC hổ, vì chưa chi họ đã chụp mũ cho chúng tôi là văn công, văn nô như các ông ấy. Nói xuông như vậy chưa đủ. Các ông còn viết một lá thư gửi cho kiều bào các nơi, bảo không nên đi xem vì đi xem sẽ bị chúng tôi lợi dụng để quay phim mang về nhà cho lên Truyền hình để tuyên truyền. Đây lại là một điều sai thứ hai, Tuy vậy kiều bào vẫn đến xem đông đảo. Thấy không cấm ngăn được kiều bào, VC đi vào sai lầm thứ ba, là khi chúng tôi trình diễn, các ông ấy cho người trèo lên lầu chót

thả cờ của Mặt Trận GPMN xuống để phá rối. Trong lúc khán giả đang mải xem, mà bị phá rối, lập tức họ phản ứng. Một số đông các sinh viên hô « Đả đảo cộng sản ». Sau đó Cảnh sát Pháp đến mời mấy người thả cờ phá rối đó ra ngoài. Thành ra sự phá hoại của họ đâm ra lỗ bịch. Vì kiểu bào đều thấy đoàn chúng tôi chẳng những không thềm tuyên truyền một cách rẻ tiền, mà còn đề cao những gì cao đẹp muôn thừa của dân tộc VN trên khắp ba miền Nam Trung Bắc.

— *Còn đêm ở Londres họ tổ chức phá hoại như thế nào ?*

— Họ rút kinh nghiệm thất bại ở Paris, họ xúi cho những thanh niên ngoại quốc chừng 17 người, đi vòng quanh nơi chúng tôi diễn, cứ hô đả đảo... và hoan Hồ chí Minh để phá rối. Chúng tôi ra diễn thì họ đuổi vào. Anh cũng nên biết vấn đề dân chủ ở nước Anh rất cao. Mọi người có thể biểu tình, diễn thuyết các nơi công cộng nào cũng được, miễn là đừng làm đảo lộn trật tự. Cho nên đám thanh niên ấy tha hồ hò hét xua đuổi chúng tôi. Nhưng chúng tôi rất bình tĩnh. Mặc kệ họ làm gì thì làm ! Khi họ im thì chúng tôi nói, chúng tôi hát, họ làm ồn thì chúng tôi im. Do đó, khán giả lấy làm bất bình, tự động đứng lên đuổi bọn kia đi. Tuyệt nhiên chúng tôi không đóng màn, mà cũng không nhờ Cảnh sát Anh can thiệp. Sau khi bọn họ bị khán giả la ó đuổi ra khỏi rạp, chúng tôi diễn càng phấn khởi hơn, gặt hái được nhiều thành công hơn. Khán giả thương chúng tôi hơn, báo chí cảm tình với chúng tôi hơn.

— *Còn những ngày ở Maroc, có bị VC phá hoại không ?*

— Hoàn toàn không. Có lẽ họ thấy đã thất bại nên không tổ chức phá hoại chúng tôi nữa.

— *Chuyến đi vừa rồi, Phạm Duy có điều gì đáng ghi nhớ, xin cho chúng tôi nghe ?*

— Cảm động nhất là đêm chúng tôi diễn ở Dakar, có một cô chừng 20 tuổi người xinh xắn, nước da đen kịt, nói tiếng Việt giọng miền Nam, mặc áo dài. Ngồi chờ mãi đến 2 giờ đêm chực để xem cho thấy tận mặt Thành Được. Chẳng biết cô ta nghe Thành Được ca lúc nào mà mê đến như thế. Cô ta cho biết mẹ và bà ngoại cô ta đều ở Rabat. Điều thứ hai là khi chúng tôi đến Londres, khám phá ra rằng nhạc phẩm Giọt Mưa Trên Lá của tôi đã được một nhóm nghệ sĩ ở đây chọn làm nhạc mở đầu cho một chương trình của đài truyền hình ở Londres mà phần đông họ không biết tác giả là ai. Lúc trình diễn trên sân khấu, Trần Văn Trạch mới nhắc việc đó và giới thiệu chính tác giả bài Giọt Mưa Trên Lá sẽ ca bài ấy. Điều này đã làm cho khán giả ở Londres ngạc nhiên vì một nước nhỏ bé đang bị chiến tranh dai dẳng như VN, lại có một bài hát được đài TH Anh quốc chọn làm nhạc mở đầu và dựa vào ý kiến trong bài hát ấy để làm một chương trình như vậy. Tôi có gặp người trưởng ban của chương trình ấy không hả ?

Có chứ, đây là hình ảnh và báo chí và tài liệu ở bên Londres nói về chương trình ấy và nhạc phẩm Giọt Mưa Trên Lá của tôi.

— Nghe nói sắp có hai đoàn cải lương xuất ngoại nữa. Theo Phạm-Duy, chúng ta nên rút kinh nghiệm gì của lần đi trước để bồi bổ cho đoàn đi sau ?

— Nhiều điều đáng nói lắm, nhưng có điều cần nhắc ông Chính phủ: Hứng lên cho đi, về nhà thì mỗi người một ngã. Chẳng có chủ trương gì để bồi dưỡng cho chúng tôi và cho các nghệ sĩ khác tập dượt để có dịp lại đi nữa chứ. Đâu phải lúc nào cũng chỉ trình diễn có bấy nhiêu, cứ bòn cũ soạn lại mãi? Chính phủ chỉ thích dùng binh mà không chịu nuôi binh, làm sao mà dụng binh lâu dài được. Nói như vậy không phải tôi kêu gào chính phủ phải nuôi tôi, mà tôi nhắm vào đa số các anh chị em nghệ sĩ khác để họ sửa soạn, khi cần dùng là có thể ra đi. Và một điều nữa, là khi đi xong, chính phủ cũng nên giúp đỡ những nghệ sĩ nghèo. Vì những ngày họ đi, vợ con họ ở nhà phải chịu thiệt thòi, thay vì có họ ở nhà những lần trình diễn, họ còn lãnh tiền cachet đưa về cho gia đình để sinh sống. Khi họ đi, với 20 đô la một ngày mà phải tự túc cả chỗ ở, ăn và luôn cả sự đi lại, chẳng dư đồng nào cả. Một lần, rồi hai, ba lần thì họ kiệt quệ, làm sao còn đi nổi nữa. Muốn xử dụng nghệ sĩ, phải có chính sách bồi dưỡng nghệ sĩ, thì mới dùng họ lâu dài được chứ.

— Phạm-Duy nghĩ thế nào về dư luận báo chí nước nhà có vẻ thiếu tin tưởng khi đoàn sắp đi ?

— Vì tôi đi trước, nên không biết chuyện ấy. Lúc về đến phi cảng Tân Sơn Nhất mới biết. Nếu phải ngỏ lời về vụ ấy, lẽ tất nhiên tôi chỉ xin cảm ơn những bài báo đã đả kích đoàn văn nghệ chúng tôi. Vì nhờ đó mà chúng tôi cố gắng hơn. Và có lẽ cũng nhờ sự chỉ trích thiếu tin tưởng đó, làm cho mấy ông VC chủ quan chỉ ngồi chờ sự thất bại của chúng tôi. Sự thành công tốt đẹp của chúng tôi hôm nay có lẽ một phần cũng nhờ đó. Phải cảm ơn chứ không nên hờn giận làm gì cho mất niềm hòa khí. Có phải không anh ?

(Còn tiếp 1 kỳ)

LE PHƯƠNG CHI

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-khoa trân trọng cảm ơn Đ. Giám đốc Ban Tu-thu Viên-Hồng đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Tự-diễn Anh-Việt tiêu chuẩn** (loại mới) của Giáo-sư Lê-Bá-Kông, tái bản lần thứ 18, dày 500 trang, chữ mới rất rõ ràng. Giá 180 đ.

— **Phát triển kinh tế**, nguyên tác Economic development in perspective của John Kenneth Galbraith, bản dịch của Lê Bá Kông in lần thứ nhì, dày 68 trang.

Bản đặc biệt. Giá 25 đ.

— **Mối thù thiên thu** và 9 truyện tuyệt tác khác, nguyên tác của Jack London. Lời giới thiệu của Eugene Burdick, bản dịch của Lê Ba Kông và Võ Hà Lang. Sách thuộc loại Anh Việt đối chiếu (5000 ngữ vựng Anh văn) in lần thứ nhì, dày 446 trang—Bản đặc biệt, giá 90 đ

— **Miền thông reo**, nguyên tác The country of the pointed firs của Sarah Orne Jewett, bản dịch của Phan Khải. Sách dày 208 trang. Giá 60 đ

nguyen thi thuy vu
thú
hoang



hông đức

Ấn phẩm thứ nhất của nhà xuất
bản HỒNG-ĐỨC

THÚ HOANG

truyện dài của Nguyễn-thị Thụy-Vũ

- Mỗi nhân vật là một con thú hoang quyết liệt săn đuổi tình yêu trong vòng vây đur luận tình lễ và tội lỗi.
- Tác phẩm táo bạo của cây bút phụ nữ táo bạo nhất.

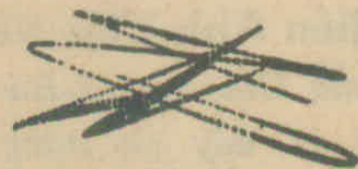
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CỔ ACIDE GLUTAMIQUE

khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



KN 2071. BYT



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý-vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Bí mật đầu lửa** tiểu thuyết mạo hiểm của Robert Gaillard, do Nguyễn Hiến Lê dịch. Tuổi Hoa xuất bản và dịch giả gửi tặng. Một gương kiêu nhẵn và hy sinh rất hợp với tuổi trẻ. Sách dày trên 180 trang, trình bày đẹp. Giá 40đ.

— **Tiếng khóc dậy thì** truyện dài của Nguyễn Đạt Thịnh do Hoa-đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 263 trang giá 140đ.

— **Giã từ tuổi trẻ** truyện dài của Vũ Mai Anh do Hoa Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 214 trang. Giá 130đ.

— **Bão thời đại** kịch của Trần Lê Nguyễn, do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Kịch 3 màn 1 cảnh, Tựa của Nguyễn Sỹ Tế, bìa Duy Thanh, dày 160 trang. Bản đặc biệt.

— **Cành mai trắng mộng**, tập thơ của Vũ Hoàng Chương do Văn Uyển xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 2 phần : Một phần gồm 34 bài và một phần gồm 28 bài thơ Nhị thập bát tú (từ 1964 đến 1967) Giá 30đ.

— **Thơ xám** Tập thơ của Tú Kếu do Tiếng Nói xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 3 của tác giả (sau Thơ Đen và Thơ Chì) dày 124 trang, gồm ngót 80 bài thơ châm biếm, hài hước. Giá 80đ.

— **Lá đỏ trên 10 đầu ngón tay** tập thơ của Kiều Mộng Thu do Cơ sở Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 50 trang gồm trên 20 bài thơ, phụ bản của Hoàng Hương Trang, Nguyễn Hạo và Nguyễn Trung. Bản đặc biệt.

Cõi trú tập thơ của Nguyễn Vy, do nhà xuất Đì ấn hành và tác giả gửi tặng Sách gồm gần 30 bài thơ, Vào thơ của Từ Bãng, các phụ bản của Vi Ý và Vũ Bình Nghi. Giá 150đ.

— **Tình cao thượng** truyện của Nguyễn Mạnh Côn, do tác giả tự xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang trình bày đặc biệt theo ý tác giả, bìa của Duy Thanh. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 100đ.

— **Ngọn pháo bông** truyện dài thứ 1 của Thụy Vũ, do Hiện đại xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 186 trang, hình bìa của Nghiêu Đề. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 100đ.

— **Thú hoang** truyện dài thứ 2 của Thụy-Vũ do Hồng Đức xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 380 trang, hình bìa của Nghiêu Đề. Bản đặc biệt.

— **Gió cuốn** truyện dài của Võ-Hồng do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, hình bìa của Hiếu Đề. Bản đặc biệt.

— **Tuổi trẻ bản khoán** nguyên tác Demian của Hermann Hesse, bản dịch của Hoài Khanh do Ca-dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 318 trang. Bản đặc biệt.

— **Đời tranh đấu** của Mục sư Martin Luther King, nguyên tác của Lerone Bennett, bản dịch của Quế Thanh do Cadao tái bản và gửi tặng. Sách in lần thứ hai, dày 158 trang. Có phụ-lục : Lịch sử tranh đấu của người da đen ở Hoa-kỳ. Bản đặc biệt.

— **Quần chúng** tập một gồm từ số 1 đến số 5 đóng thành tập. Nguyệt san Quần Chúng là một tạp chí văn học, thời đàm, do Ô Cao Thế Dung chủ bút, Bùi-đức-Uyên Thư-ký toà-soạn và Đỗ-Đức-Thịnh quản lý, mỗi số dày 114 trang, gồm những bài về văn học, văn hoá, những vấn đề thời sự, phê bình và sáng tác văn nghệ. Mỗi số 30đ và tập từ 1 đến 5 giá 180đ.

MỤC-LỤC THEO BỘ MON CỦA BÁCH-KHOA

từ số 277 đến 288, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1968 *

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ-LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Ngôi nhà của toàn thể công dân Hoa-kỳ : Tòa Bạch-Cung	Vũ Bảo	284	17
2	Thảm kịch Biafra	— id —	288	35
3	Tại sao tôi muốn hòa bình (bài nói chuyện của Ô. Lý Chánh Trung)	Thời Đại	281	69
4	Nhìn qua cuộc bầu cử Thượng nghị viện Nhật	Lê Thanh Hồ	278	33
5	Cuộc bầu - cử Tổng - tài đảng Tự-dân Nhật	— id —	288	41
6	Truyện một người dân Tuyết-Diêm Sơn-Trà	Ngê Bá Li	279	80
7	Vấn đề quốc phòng trong thời hậu chiến	Nguyễn Như	285	5
8	Uy-quyền quốc-gia	— id —	288	5
9	Cách mạng và Cách mạng	Võ Phiến	277	33
10	Dù có bao giờ	— id —	279	27
11	Cách mạng và truyền thống	— id —	281	14
12	Người hiền của quần chúng	— id —	283	3
13	Bắt trẻ đồng xanh	— id —	284	3
14	Tiếng cú	— id —	286	5

* B.K.T.Đ. số 277	(15-7-1968)	B.K.T.Đ. số 283	(15-10-1968)
B.K.T.Đ. số 278	(01-8-1968)	B.K.T.Đ. số 284	(01-11-1968)
B.K.T.Đ. số 279	(15-8-1968)	B.K.T.Đ. số 285	(15-11-1968)
B.K.T.Đ. số 280	(01-9-1968)	B.K.T.Đ. số 286	(01-12-1968)
B.K.T.Đ. số 281	(15-9-1968)	B.K.T.Đ. số 287	(15-12-1968)
B.K.T.Đ. số 282	(1-10-1968)	B.K.T.Đ. số 288	(01-01-1969)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
14	Cơ sở tự do ở Tiệp-Khắc, một mối lo thường trực của Nga-sô	Việt Phương	279	3
	Cơ sở tự do ở Tiệp-Khắc	— id —	280	19
15	Nền dân chủ hướng dẫn của In-đô-nê-xi-a và chủ nghĩa xã hội Ấn-độ	Nguyễn Tử Quý	282	24
16	Những giá trị diềm tựa của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội	— id —	287	30
17	Lược thuật cuộc nói chuyện với Herbert Marcuse	Tràng-Thiên	283	37
18	Những khuynh hướng của đời sống chính trị Pháp	Từ Trì	278	51
	— id —	— id —	279	36
19	Bầu cử Tổng thống và nền dân chủ Hoa kỳ	— id —	281	3
	— id —	— id —	282	12
	— id —	— id —	283	31
20	Khủng hoảng đồng Phật lãng một nguy cơ cho hệ thống tiền tệ quốc tế	— id —	287	5
21	Thời sự quốc tế	— id —	277	75
	— id —	— id —	278	51
	— id —	— id —	279	71
	— id —	— id —	280	79
	— id —	— id —	281	63
	— id —	— id —	282	72
	— id —	— id —	283	77
	— id —	— id —	284	66
	— id —	— id —	285	71
	— id —	— id —	286	71
	— id —	— id —	287	72
	— id —	— id —	288	61

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
22	Cuộc cách mạng của nhà giàu	Lý Chánh Trung	278	3
	— id —	— id —	279	17
	— id —	— id —	280	3
	— id —	— id —	286	31
23	Câu chuyện hòa hội Ba-lê	Tạ Chí Đại-Trường	277	3
24	Lịch sử chủ nghĩa thực dân dưới quan điểm thích nghi văn hóa	— id —	285	29
	— id —	— id —	286	19
<u>GIÁO-DỤC</u>				
1	Giáo sư trung học, anh là ai ?	Huỳnh Phan	277	21
	— id —	— id —	278	16
	— id —	— id —	279	41
2	Nhất cử lưỡng tiện	— id —	283	74
3	Giáo sư trung học phải chăng là một Công chức ?	Trần Sĩ	281	33
4	Những bước nhận xét lại trên đường cải cách thi cử	Đoàn-nhật-Tấn	278	11
<u>KINH-TẾ</u>				
1	Kinh tế và Quốc hội (phỏng vấn Ô. Chủ-tịch Ủy ban Kinh tế Hạ nghị viện)	Duy	279	11
2	Tăng giá đồng bạc	— id —	282	29
3	Những ngôi Chợ Trời ở dọc biên giới Việt-Miên	Lê Hương	285	35
	Chợ trời Tịnh Biên	— id —	286	44
	— id —	— id —	287	37
4	Góp ý về phương thức đánh thuế trên mức sống xa hoa	Thế Nhân	280	38
5	Góp ý về vấn đề Đại diện thương mại tại Việt-nam	— id —	281	19
6	Khủng hoảng đồng Phật-lãng	Từ Tri	287	5

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
<u>KHOA - HỌC</u>				
1	Chất thuốc của thời đại L.S.D.	Võ-quang-Yến	280	29
2	Nobel khoa-học 1968	— id —	288	28
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Tâm sự Năm-Châu	Lê-phương-Chi	279	52
	— id —	— id —	280	42
2	Nhạc Việt xứ người : chuyển đi Luân-đôn	Mộng Trung	277	67
3	Tiếng trống nhạc võ và tiếng trống phê bình	Nguyễn văn Xuân	277	7
4	Cuộc hí trường	— id —	283	24
	— id —	— id —	284	27
<u>LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI</u>				
	Nhạc Việt xứ người : chuyển đi Luân-Đôn	Mộng-Trung	277	67
	Tâm sự một sinh viên du học	Phạm Thái	287	69
<u>SỬ ĐỊA</u>				
1	Bài học Israël : sự phát triển kinh tế của Israël và những kibboutz	Nguyễn-hiến-Lê	277	13
	— id —	— id —	278	17
	— id —	— id —	279	23
2	Bán đảo Ả-rập sau Thế chiến thứ nhì	— id —	283	19
	Thảm trạng nhục tiều : khóc lên đi Irak !	— id —	284	22
	— id —	— id —	285	19
	— id —	— id —	286	11
	Thảm trạng nhục tiều : chiến tranh dầu lửa	— id —	287	17
3	Ngàn vàng đổi một trận cười	Dương Tấn Tươi	286	38

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tệp chí	Trang
<u>TIÊU SỬ DANH NHÂN</u>				
1	Salazar, một nhà độc tài tế nhị	Vũ Bảo	285	11
2	Đệ nhất phu nhân mới của Hoa-kỳ Pat Nixon	— id —	286	25
3	Henri Dunant (người sáng lập Hồng-thập tự quốc tế)	Minh Quân	277	26
	— id —	— id —	278	39
4	Richard M. Nixon, Tổng thống thứ 37 của Hoa-Kỳ	Từ Trì	285	76
<u>TRIẾT</u>				
1	Khoa Nhân học cơ-cấu của Claude Lévi-Strauss	Trần Thái Đĩnh	278	26
	— id —	— id —	279	48
	— id —	— id —	280	13
	— id —	— id —	281	27
	— id —	— id —	282	18
	— id —	— id —	283	9
<u>VĂN-HỌC, VĂN-HÓA</u>				
1	Ngành xuất bản ở Nhật-bồn	Hồ Liên Biện	284	35
2	Nhân điển « Ô-y-hạng » nghi về hại « Tận tín thư »	Đông Hồ	284	9
3	Dịch văn ngoại quốc	Nguyễn Hiến Lê	281	7
4	Sự thuần khiết trong ngôn ngữ	— id —	282	3
5	« Chiến tranh và Hòa bình » của Tolstoi	— id —	288	23
6	Khẩu nghiệp	Lãng Nhân	287	62
7	Lịch sử chủ nghĩa thực dân dưới quan điểm thích nghi văn hóa	Tạ-Chí Đại-Trường	285	29
	— id —	— id —	286	19
<u>XÃ-HỘI</u>				
1	Vài cảm nghĩ về « kế hoạch gia đình »	Hiếu	283	44

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
2	Đoàn ngũ hóa thiếu nhi	— id —	287	11
3	Lược thuật cuộc nói chuyện với Herbert Marcuse	Tràng Thiên	283	37
4	Điều hòa sinh sản hay kế hoạch hóa gia đình tại nước người	Thế Nhân	288	54
<u>LINH TINH</u>				
1	Hãy đặt trí óc vào việc (dịch (William Moulton Marston)	Trần Văn Kha	284	32
2	Chúng ta học ngoại ngữ	Lê Văn Khải	287	27
VĂN - NGHỆ				
<u>BÚT KÝ - HỒI KÝ</u>				
1	Độc « 9 năm thanh tích »	Đoàn-Thêm	288	11
<u>PHONG SỰ - PHÒNG VẤN</u>				
1	Tâm sự Năm-Châu	Lê Phương Chi	279	52
	— id —	— id —	280	42
	Kinh nghiệm một chuyến đi (Phòng-vấn Phạm-Duy)	— id —	288	65
2	Đoàn văn nghệ sinh viên học sinh nguồn Sống	Trần-Đại	277	60
3	Ba lần tự nguyện « đi đầy » ở Côn-sơn	— id —	285	66
4	Những ngôi chợ Trời ở dọc biên giới Việt-Miên	Lê Hương	285	35
	Chợ trời Tịnh Biên	— id —	286	44
	— id —	— id —	287	37
<u>TRUYỆN NGẮN</u>				
1	Con chuột	Linh-Bảo	282	46
2	Sương đọng trên cành	Trùng Dương	287	57
3	Người nằm nhớ xác	Vu Đoàn	285	43
5	Kẻ chiến đấu một mình	Biên Hồ	277	50

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
5	Những đoạn tình buồn	Nguyễn An Khương	287	49
6	Những giọt nắng cuối cùng	Lê Bá Lăng	277	78
7	Vết thương tuổi mật	Nguyễn Tăng Liên	285	57
8	Giã từ thành phố	Nguyễn Ái Lữ	282	56
9	Vườn cây	Mường Mán	284	48
10	Những ngày còn lại	Trịnh Khả Nguyên	287	43
11	Rời chuyến mưa qua	Đào Trường Phúc	281	74
12	Một lần chiến bại	Văn Lệ Thiên	282	41
13	Những người ở lại	Trần Hoài Thư	281	59
14	Cơn giông	— id —	288	
15	Đem trong trí nhớ	Nguyễn Sinh Từ	284	57
16	Buổi chiều Hạ Lan	Hoàng Ngọc Tuấn	281	45
17	Cô bé tuyệt vời trên Cao nguyên	— id —	283	48
	— id —	— id —	284	39
18	Thuở ấy có nhà	— id —	286	49
19	Đất hứa	Chu Ngym Vũ	283	68
20	Cô giáo mới	Nguyễn thị Thụy Vũ	285	51
I	TRUYỆN DÀI			
	Cúi mặt	Bùi Đăng	277	41
	— id —	— id —	278	60
	— id —	— id —	279	59
	— id —	— id —	280	59
	— id —	— id —	281	39
	— id —	— id —	282	33
2	Ngược chiều	Bùi Kim Đĩnh	277	55
	— id —	— id —	278	66
	— id —	— id —	279	63
	— id —	— id —	280	68
	— id —	— id —	281	52
	TRUYỆN DỊCH			
I	Dâng hoa trên nắm mồ (truyện khoa học phóng tác theo "Flowers for Algernon" của Daniel Keyes	Võ Quang Yến (dịch)	282	62
	— id —	— id —	283	56
	THƠ			
I	Kiếp cây rừng	Trần-Huyền-Ân	281	73

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
2	Năm năm dòng sông	— id —	282	71
3	Từ ngày đã dựng ngày	Mạc Ly Châu	281	56
4	Nhận diện	Vũ Hoàng Chương	280	65
5	Thông điệp thể vận	— id —	284	65
6	Nhớ Bách Khoa	Xuân Hiến	277	73
7	Áo trắng	Trần Tuấn Kiệt	280	58
8	Sang thăm người yêu	— id —	282	54
9	Anh	Hạ Lan	283	67
10	Rời thủ đô miền Nam đối mặt với người yêu	Ngê Bá Li	286	58
11	Trên quăng đường này	Trần thị Tuệ Mai	284	64
12	Tình ca	Chu Vương Miện	287	68
13	Cỏ đứt	Nguyễn Kim Phượng	283	65
14	Huế. Mùa xuân 68	Hoàng Gổ Quý	283	65
15	Huế. Bên ni sông	— id —	287	56
16	Mai em có về	Trần Hoài Thư	277	74
17	Tháng bầy mưa nguồn	— id —	282	55
18	Chim ; Trăng ; Thu hứng	Phạm Thiên Thư	286	59
<u>ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN</u>				
	Đọc sách giúp bạn : Chiến quốc sách. (Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi) ; Bên kia đường (Võ-Hồng) ; Máu đào nước lã (Minh-Quân) ; vài cảm nghĩ về hình ảnh quê hương (Lê Văn Siêu)	Bách Khoa Thời Đại	280	51
SINH - HOẠT				
1	Thời sự kinh tế : Kinh tế chí-dị	Duy	280	77
	Thời sự kinh tế	— id —	281	68
	Trần ngập thị trường	— id —	282	81
	Kinh tế tự chủ : Kinh tế chủ dân	— id —	283	81

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
	Kinh tế không viện trợ	— id —	285	81
	Hội thảo về kinh tế ngày 5-11-68	— id —	286	67
2	Nhạc sĩ Jimmiete Driftwood biểu diễn kèn bằng một chiếc lá	Trần-Đại	279	79
3	Buổi nói chuyện về nhà văn Đại-đức-Tuấn do Trung-tâm văn bút V.N tổ chức	— id —	282	79
4	Hội điện ảnh Việt Mỹ	Lê Tất Điều	287	80
5	Nhân cái chết của một sinh viên	Thế Nhân	278	79
6	Một thảm kịch mới của gia đình Kennedy.	Từ Tri	284	76
7	Thời sự khoa học	Tử-Diệp	277	81
	— id —	— id —	280	75
	— id —	— id —	284	72
	— id —	— id —	285	80
	— id —	— id —	286	63
	Thời sự khoa học : Lên trăng	— id —	287	75
8	Thời sự văn nghệ	Tràng-Thiên	278	78
	— id —	— id —	279	76
	— id —	— id —	280	73
	— id —	— id —	281	66
	— id —	— id —	282	75
	— id —	— id —	283	79
	— id —	— id —	284	70
	— id —	— id —	285	71
	— id —	— id —	286	61
	— id —	— id —	287	78

Những ai muốn nếm lại chút dư vị của miền núi Ấn sông trà;

KẸO GƯƠNG * MẠCH NHA * MÈ XỨNG

cùng bánh cốm, đậu xanh hạt sen, bánh bông lan, đậu phộng trứng cá, chuối, trái khô, (những món ăn chơi có tinh thần... Dân tộc), xin liên lạc với

NGUYỄN-IGU-Í — NGÊ-BÁ-LÍ

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Trong Gia-đình êm-ấm

Hay trên đường xa

khát mệt



Chỉ có



NUỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HỎA TIỀN"!



Park Lane

BAU LOC

ST. LOUIS, MO.